

LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 3 DIỆU TÂM ĐẠO TRÀNG, CHÂN TÂM BIẾN HIỆN



Bhikkhu Visuddhamma

MỤC LỤC

Lời phi lộ	1
Bài 11: Kiến tính diệu minh	2
Bài 12: Bản thể thanh tịnh.....	24
Bài 13: Ngũ âm vô sanh	54
Bài 14: Pháp bảo đàn kinh – Thần Tú và Huệ Năng..	73
Bài 15: An lập đạo tràng.....	112

LỜI PHI LỘ

Chân không thì thể tánh không có, không thêm, không bớt. Chấp có, chấp không thì chẳng phải là chân tâm. Chấp không chấp có thì cũng do cái Tâm chấp. Cái tâm chấp phải chẳng là chơn tâm cố hữu. Chơn tâm vô dụng. Diệu Tâm hữu dụng cũng là tá danh mà nói. Trí tuệ khác bản tánh chỗ nào? Giác hay không giác cũng chỉ một niệm sanh khởi thì dù là Niệm Phật vẫn là vọng tưởng điên đảo.

Biết thì Tuỳ và bước ngang ngưỡng cửa lý luận thế gian, vô thị, vô phi, vô sự, vô thị phi. Không biết thì cứ giữ giới lập hạnh an lập đạo tràng, kiếp này không biết thì kiếp sau sau nữa cũng sẽ biết. Nhanh chậm có hay không?

Nhưng Biết để làm chi, khi cái biết cũng vô thủy, vô chung, vô nhân, vô ngã.

Con kính khấu đầu ngàn lạy chư Phật mười phương ba đời từ bi.

BÀI 11: KIẾN TÍNH DIỆU MINH

Chúng ta đã học và biết rằng có 25 lối vào nhưng thật sự không có lối nào cả; vì 25 lối ấy là căn - trần - thức và thất đại, những thứ ấy đều là duyên sanh, mượn tên để gọi vậy thôi, chứ thật sự ra cũng không có. Không có cánh cửa nào hết. Cửa nhưng không có khóa, thật sự 3 cái ổ khóa là tham - sân - si; mà 3 cái ổ khóa đó không có chìa nên nếu người hành giả với chánh niệm và tỉnh giác thì chỉ cần đẩy tay nhẹ một cái là cánh cửa mở ra và đi vào. Đi vào cái bản tâm thanh tịnh của ta. Nhưng nếu người hành giả thấy 3 ổ khóa đâm ra nghi ngờ; tức là tâm khởi lên có sự phân biệt, có sự chấp trước thì đương nhiên sẽ không bao giờ biết rằng 3 cái ổ khóa đó không có chìa và cũng không có khóa; chỉ để hình tượng trưng vậy thôi. Tham - sân - si tự tánh vốn là thanh tịnh, không có thật; chẳng qua duyên sanh, giống con mắt bị nhắm, bị đốm nên thấy hoa đốm trong hư không; mà khi thấy hoa đốm trong hư không, cứ lo đi chữa cái hoa đốm trong hư không thì làm sao cho hết? Chúng ta chỉ còn có một cách là phải chữa con mắt; hễ con mắt hết nhắm thì hoa đốm sẽ hết.

Đức Thế Tôn giơ cánh tay chỉ xuống dưới đất và hỏi ngài A Nan là thuận hay nghịch, là chánh hay đảo? Hỏi như thế để xét nghiệm lại cái gọi là tánh nhìn, tánh thấy, tánh suy nghĩ, tánh biết của ngài A Nan. Tại sao lại gọi là thường hay đoạn; đảo hay thuận? Là vì con người ta vướng vào cái thức.

Cái thức hằng ngày được huân tập; cho nên suy nghĩ và đi theo cái chiều hướng của nó.

Có nghĩa là thấy mọi người đều nói đưa cái tay xuống là đảo, thì nói là đảo, tức là ngược; phải đưa tay chỉ lên trời mới là thuận. Đức Thế Tôn nói căn cứ vào đâu mà biết rằng cái ấy là thuận hay nghịch? Bởi vì nói tới thanh tịnh pháp thân, tức là cái diệu tâm sáng tỏ chân thật thì “Kiến Văn Giác Tri” tức là vật do diệu tâm hiện ra. Nếu mà quay về gốc là chánh, theo ngọn là đảo; giống như là bọt nổi trên biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Nhưng thật sự biển với bọt là như thế nào?



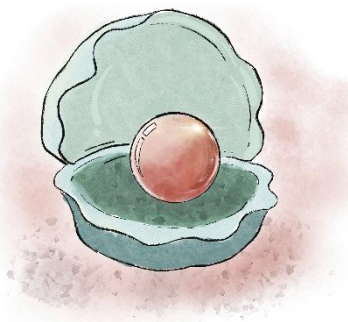
Phật lại hỏi ngài A Nan: “*Thế cánh tay ta chánh hay đảo?*”. Tức là gơ tay mà chỉ xuống dưới đất thì hỏi là chánh hay đảo? Khi đó ngài A Nan: “*Nếu mà ở nơi cái tánh thấy của ta trực ngộ thế nào chánh, thế nào đảo thế nào thì chẳng nên nơi tay Như Lai mà cho chánh là đảo*”.

Đức Thế Tôn khi giơ tay ra chỉ xuống dưới đất, rồi hỏi chánh hay đảo, thật sự của không phải hỏi là thuận hay nghịch; mà là để khai thị cho Ngài A Nan quay về tự tánh; tức là cái tâm. Khi thấy là nhận diện liền; đừng khởi lên phân biệt là phải giơ lên hay giơ xuống mới là chánh hay là đảo, tức là thuận hay là nghịch. Tại vì khi khởi lên giơ lên, giơ xuống mới biết, thì cái ấy là thức, cái thức biết, tức là cái tập quán, văn hóa từ nhỏ tới lớn bị nhồi sọ. Như vậy, cái đó không phải là cái thật, cái đó đã bị huân tập và nhồi sọ; chứ không phải là bản giác của ta hoặc là bản thể chân như.

Cho nên, Đức Thế Tôn giơ cánh tay ra chỉ xuống dưới đất thì cũng hỏi là chánh hay đảo; thật sự ra không có mục đích rằng giơ như thế nào là chánh, giơ như thế nào là đảo. Mà Ngài giơ cánh tay như thế để Ngài A Nan trực ngộ bằng cái tâm.

Tức là nhìn như thế có theo duyên không?; tại vì cánh tay chỉ là duyên, tức là căn - trần có đối nhau không? Căn là của Ngài A Nan, còn trần là cánh tay của Đức Thế Tôn. Nếu căn chạy theo trần thì thức nhiều loạn. Vậy nên, thuận hay là nghịch là nội dung nhưng Đức Thế Tôn không nói về nội dung; Đức Thế Tôn chỉ nói về bản thể thanh tịnh tức là cái tánh thấy.

Nếu tâm phan duyên tức là con mắt của ngài A Nan nhìn thấy cánh tay của Đức Thế Tôn mà phan duyên theo cánh tay thì chấp vào cánh tay chứ không có chấp vào cái tánh biết; nên đi lạc. Mà đi lạc thì giống như anh chàng Cùng Tử có viên ngọc trong ché áo mà đi ăn xin; tức là có cái tánh thấy, tánh biết, tánh giác mà cứ đi tìm tánh giác ở trong chùa hoặc ở chỗ khác chứ không tìm cái tánh giác ở trong cái tâm ta; vì vậy đi lạc, rong ruổi đường dài xa nhà là như thế; không thấy được cái gốc rễ mà chỉ thấy được cái ngọn, tức là phan duyên.



Đức Thế Tôn muốn chỉ cho biết cái chân tánh của ngài A Nan nằm ở chỗ nào nhưng ngài A Nan không thể hiểu được ý của Đức Thế Tôn; cho nên ngài ấy cứ chấp rằng cánh tay của Đức Thế Tôn giơ lên giơ xuống mới gọi là thuận hay nghịch. Đức Thế Tôn đã rất thiện xảo và ngài A Nan mặc dù có đa văn.

Kinh điển của Đức Phật để lại rất nhiều, nhưng sau khi đọc tụng có hiểu hay không? Nếu hiểu thì hành trì nổi không

hay là tâm cũng phan duyên? Khi nghe nói tới một câu liền ngồi suy nghĩ rồi chia làm năm làm bảy, không được lợi lạc gì hết. Bởi thế, Đức Thế Tôn mới nói: “*Người thế gian, đầu đuôi đối nhau, cho thuận là đảo, cho nghịch là chánh; thành ra điên đảo bội phần*”.

Theo cái tánh thấy mà duyên theo cảnh trần đã là một lớp điên đảo - lớp thứ 1; lại còn thêm một lớp điên đảo nữa là theo phong tục tập quán, tư duy ngược hay xuôi lại một lớp điên đảo nữa - lớp thứ 2; tức là 2 lớp điên đảo chồng lên nhau thì làm sao thấy được chân tánh?

Cho nên, Đức Như Lai dạy rằng: “*Dem thân người so với Pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì biết rõ: thân Như Lai gọi là chánh biến tri, thân các người được gọi là tánh điên đảo*”. Tánh điên đảo, tức là chấp ngọn bỏ gốc; thay vì quán chiếu vào tánh thấy thì lại quán chiếu vào căn và trần.

Trong kinh Pháp Cú Phẩm Ngân: Đức Thế Tôn dạy ngài Bahiya: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy*”; có nghĩa là đối tượng nhìn thấy như thế thôi, chứ nếu suy nghĩ, nói như thế này, thuận hay nghịch; thì cái ấy là do cái thức hoạt động, mà thức là do duyên sanh và do duyên sanh thì như huyễn, không có thật; chẳng qua tá danh gọi như thế.

Khi ấy ngài A Nan và Đại chúng ngẩn ngơ nhìn Đức Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ nào là thân tâm điên đảo. Tại vì Đức Phật nói tới cái ngón tay rồi cũng không biết. Đức Phật rất thương xót ngài A Nan và Đại chúng, nên mới dạy

rằng: “*Các duyên tâm và sắc với tâm sở và các Pháp sở duyên đều do tâm biến hiện*”.

Đức Thế Tôn nói: “*Ta vẫn thường nói; các duyên tâm và sắc đối với tâm sở (là những cái buồn, vui, yêu, ghét...) và các Pháp sở duyên (là cảnh trần), đều do tâm biến hiện. Thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất bản tánh vốn còn đầy sáng tỏ của diệu tâm*”. Tất cả các vật hay cảnh đều do cái tâm hiện ra. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Vạn Pháp do tâm dẫn đầu, tâm tạo ra tất cả*”. Trong kinh Pháp Cú - Phẩm Song Yêu cũng nói: “*Ý dẫn đầu các Pháp*”; tức là có ý thì mới có pháp, vì ý dẫn đầu.

Vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tràn đầy sáng tỏ của diệu tâm; nhận lầm cái mê nơi ngộ cho là tâm tánh; vì mê diệu minh trở thành vô minh; từ vô minh biến thành hoan không. Vô minh là năng biến, hoan không là sở biến; năng sở hòa hợp biến ra tứ đại là ngoại sắc của y báo; sắc nội lẫn với tâm vọng tưởng hành nên có chúng sanh và là nội sắc của các chánh báo.

Tưởng vọng tưởng và tưởng vọng sắc làm thân nhất trí thân tâm là thức thứ tám (nghĩa là tất cả đều bỏ vào chung 1 là thức thứ 8 và như thế tích trữ lại thôi). Tụ duyên lay động bên trong là thức thứ bảy; tức là theo duyên lay động (không được ổn định, tức là Mạt-na-thức, rong ruổi), theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu. Từ vô minh khởi vọng duyên trần mà nhận tướng nhiễu loạn lăng xăng, mê muội tự cho rằng

tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều do diệu tâm biến hiện. Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ một giọt nước vào đó là bao nguồn tất cả biển cũng như người tự bỏ bản kiến, nay lại nơi ta cho là chánh hay đảo, thì là thêm mê.

Đã bỏ bản kiến là đã mê rồi, còn thêm phan duyên nữa thành 2 lần mê; mê gấp đôi. Tại vì không quán chiếu vào bản tâm của ta, mà lãng xăng vọng tưởng, đó là mê thứ nhất; cái thứ 2 là khi Đức Thế Tôn giơ tay lên, giơ tay xuống thì lại chú tâm vào cái tay mà không biết Đức Thế Tôn thiện xảo để cho ngài A Nan nhìn thấy cái tâm của Ngài. Nhưng thay vì quán chiếu cái tâm của Ngài thì Ngài lại quán chiếu cái cánh tay của Đức Thế Tôn, tức là phan duyên, chạy theo trần. Mà hễ chạy theo trần rồi thì là vọng tưởng điên đảo, đâu có thật; cái gì “Vạn Pháp do duyên sanh thì duyên diệt vạn Pháp diệt”.

Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn chỉ để nhận một giọt nước, cho đó là bao gồm tất cả biển, cũng như người tự bỏ bản kiến nơi tay ta phân biệt chánh đảo, thật là mê lại thêm mê. Đã bỏ bản kiến rồi Đức Thế Tôn nói: “*Cánh tay thì lại chấp vào cánh tay*”; cánh tay đưa xuống đưa lên nhưng Đức Như Lai không quan tâm tới chuyện cánh tay đưa lên - đưa xuống, thuận - nghịch; Ngài muốn chúng ta biết cái bản thể thanh tịnh, đừng có chấp vào trần, cái trần lay động nhưng là khách thô; nhưng tâm là bản thể chân như, thường trụ, không tăng không giảm.

Bây giờ, bạn ra khỏi nhà, nhìn lên trời, bạn có thấy bầu trời đẹp không; bạn thấy có những vì sao, có mặt trời, có mây, rất mênh mông rộng lớn phải không? Từ Đông sang Tây, từ Nam sang Bắc; tức là quá lớn đúng không? Vậy cái gì làm cho bạn nhìn thấy quá lớn? Con mắt hay nhãn thức? Tất cả đều sai hết. Con mắt và nhãn thức đều sai; tại vì không phải ở nơi cái ấy mà thấy được cái bầu trời như thế; mà ở nơi tánh thấy.

Thế thì, cái tánh thấy là thường trụ; có giới hạn hay là có giãn nở ra? Nó không thay đổi hay giãn nở gì cả; theo cái tâm thức muốn nhìn như thế nào thì lớn như thế. Nếu bạn nhìn ra bầu trời thấy rộng, thì lấy 1 đầu kim khâu ra, bạn có nhìn thấy được cái đầu kim khâu đó không? Chắc chắn là thấy. Thế thì cái tánh thấy ấy lúc thì nhìn thấy cả bầu trời rộng lớn mênh mông không thể tưởng tượng được; và cũng có lúc nhìn được cái đầu kim khâu nhỏ bé xíu. Thế thì không lẽ cái tánh thấy ấy có lúc nở ra bằng cái bầu trời hay có lúc thì bé xíu thu lại bằng cái đầu kim khâu?

Tánh thấy ấy thường hằng, bao la rộng lớn, rộng lớn như không gian vũ trụ, nhìn thấy hết cả bầu trời. Bạn nhìn thấy ngôi sao, mây, đủ các thứ... Thế thì cái tánh thấy ấy, thấy hết cả bầu trời, lớn to như thế đấy, không chừa cái gì hết; bây giờ một đám mây bay ngang là biết đám mây đó màu đen hay màu trắng; một con chim bay ngang, cũng biết là con chim lớn hay con chim nhỏ, một cái máy bay bay ngang,

cũng biết là cái máy bay như thế nào; hay là loại gì, nhìn là biết.

Cái tánh thấy như thế, rất là bao la. Nhưng đồng thời cũng nhỏ chút xíu, bây giờ bạn lấy cây kim ra, có một cái lỗ nhỏ để bỏ sợi chỉ qua, sợi chỉ cũng nhỏ mà cây kim cũng nhỏ, nhưng cái tánh thấy có thể thấy cái sợi chỉ, cũng thấy luôn cái lỗ nhỏ để xỏ. Có nghĩa là; cái Tánh Thấy của chúng ta lớn bao la bằng cả bầu trời, mà cũng có thể nhỏ chút xíu như cái đầu kim.

Qua ví dụ này, cái tánh thấy không có giới hạn; như chân không, lớn bằng cả vũ trụ, mà cũng nhỏ xíu như đầu kim; như không gian ở bên ngoài rộng mênh mông, nhưng khi đã bước vào trong phòng thì không gian không bị thu nhỏ lại mà tự động thích ứng ngay với không gian ấy.

Ví dụ như lấy một cái bình hoặc chai, mở cái nắp ra thì trong đó là chân không. Thế thì chân không lớn như vũ trụ, chân không cũng nhỏ như cái nhà hoặc là chân không cũng có thể nhỏ như cái chai. Chân không nào cũng giống nhau thôi, có phải vì cái chai mà chân không mất đi cái bản thể của nó không? Không, nó cũng vẫn là không khí, chân không chỉ như vậy thôi.

Khi ở trong căn phòng thì chân không cũng như thế; cho nên, lớn - nhỏ không lệ thuộc vào trong cái tánh thấy; cái tánh thấy lớn như vũ trụ hay nhỏ như đầu kim khâu đều bao gồm được hết; cái tánh thấy rất là uyển chuyển, không có

cứng ngắc, cũng không có giới hạn. Nếu có một cái khung, thì cái khung đó chỉ là cảnh; cho nên nhốt cái tâm vào đó.

Đức Thế Tôn giơ cánh tay lên hỏi ngài A Nan thì Ngài chỉ chú tâm vào chuyện cánh tay chỉ xuống như vậy là thuận hay nghịch? Mục đích của Đức Thế Tôn giơ cánh tay lên là để thử xem cái tâm của ngài A Nan có phan duyên, có theo cánh tay mà động hay tịnh? Mục đích của Đức Thế Tôn là muốn chỉ cho cái Thường Lặng, trong tâm của ngài A Nan: cái bản thể thanh tịnh. Nhưng chính ngài A Nan phải ngộ được, chứ Đức Phật không thể đem cái trí tuệ đó nhét vào đầu ngài A Nan.

Chúng ta phải tu thì mới có thể thấy được lợi lạc. Chúng ta không thể nào nói rằng: Thôi, bây giờ không cần tu nữa, cứ niệm Phật rồi tự động Đức Phật sẽ nhét cái trí tuệ thông minh đó vào trong đầu ta, không bao giờ có chuyện đó. Mặc dù Đức Phật rất từ bi, Ngài chỉ đường cho ta; khi ta lỡ sai thì Ngài hướng dẫn ta đi cho đúng nhưng chúng ta vẫn phải đi. Chúng ta không thể nào nói rằng con chẳng cần tu, con chỉ cần tin Phật thôi, Phật sẽ ban cho con trí tuệ, giống như ngài A Nan nói với Đức Thế Tôn rằng: Con là em Phật, con là thị giả, con nghĩ rằng thế nào Phật cũng cho con trí tuệ.

Cho nên, phải nhìn quán chiếu thường xuyên; thấy cái tánh, cái tánh thấy đó có thể lớn nhất mà cũng có thể nhỏ nhất; chỗ nào cũng thông dụng hết, bỏ vào chai thì là chai, bỏ vào phòng thì là phòng, bỏ vào hũ thì là hũ. Tức là cái tánh thấy không có bị ràng buộc bởi một cái khung nào hết.

Tại vì nếu có ràng buộc là chạy theo cảnh, mà hễ chạy theo cảnh là có hình tướng, điên đảo; còn cái thanh tịnh là tự nhiên thôi, không còn điên đảo nữa.

Khi ấy đại chúng ngẩn ngơ không biết đường nào. Lúc bấy giờ, ngài A Nan sau khi nghe Đức Phật nói thì nói rằng: *“Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm; hiện nay dùng Tâm phan duyên nghe tiếng Pháp của Phật”*.

Dùng cái tâm phan duyên nghe tiếng Pháp; tức là Phật nói thì chú tâm nghe, có nghĩa là phan duyên. Cái tâm chạy theo cái duyên, cái cảnh bên ngoài; theo âm thanh của Phật. Người thật sự tu học, nghe thì nghe nhưng đừng có phan duyên; đừng có tham học, khởi tâm tham học là dính mắc. Cứ bình thường, giống như đói thì ăn, khát thì uống; vào trong đạo tràng là phải nghe để tìm hiểu, học hỏi những gì có lợi lạc cho ta. Nhưng ngay từ ban đầu, không khởi lên cái niệm tham đắm; tức là tham học quá, tôi phải đi tới đạo tràng để được nghe cái này cái kia; mà hễ khởi tâm tham đắm thì dính mắc một trong ba cái ngăn che (1) tham, (2) sân, (3) si.

Cho nên, cứ tự tại đến đạo tràng, có giảng Pháp thì cứ đến nghe; nhưng không khởi tâm lên ưa thích, dính mắc và tham đắm; rồi nói tôi nghe cho bằng được cho tu thành chánh quả. Mong cầu là kẹt rồi, hễ có mong cầu khởi lên thì niệm xoay trong, làm cho vọng tưởng điên đảo. Cho nên cứ thông dong tu, nếu có duyên thì tu; ngày hôm nay mười tiếng, ngày mai 6 tiếng, ngày một 7 tiếng, ... không sao cả nhưng cần tu đều

đều, ngày nào cũng tu, như vậy sẽ được lợi lạc. Vì ngày nào chúng ta cũng ăn cơm nên ngày nào chúng ta cũng phải tu, từng chút từng chút. Mỗi ngày bạn ăn có mấy chén cơm thôi, nhưng bạn tính lại đi, từ nhỏ cho tới bây giờ, bạn đã ăn bao nhiêu bao tấn gạo rồi? Nhiều tới nỗi đếm không hết có phải không? Nhưng thật sự ra mỗi bữa ta ăn có hai, ba chén cơm chứ ta có ăn được nhiều đâu. Nhưng cuối cùng ta cũng đã tiêu thụ hết cả mấy chục bao gạo rồi. Cho nên trong cách tu, chúng ta cứ từ từ tu và luôn luôn giữ cho tâm ta thanh tịnh, không khởi lên mong cầu.

Bạn muốn nghe âm thanh của Sư thì cứ nghe nhưng đừng chạy theo, đừng để cho cái tâm ta phan duyên. Khi Sư nói điều gì thấy thích ý, tự nhiên khoái quá, như vậy cái tâm ta bị phan duyên. Cứ nghe, nghe thông thả. Thật sự ra cái nội dung mà Sư nói không quan trọng, nghe không hiểu thì ngày mai cũng hiểu. Nhưng điều quan trọng khi Sư nói, cái âm thanh phát ra, là năng lượng nên phát ra; mà nếu bạn tâm không phan duyên; không vì cái tiếng nói mà cái tâm rong ruổi chạy thì đó chính là tu; tức là vẫn nghe nhưng không chạy theo, ấy là tu. Còn nếu mà nghe mà chạy theo đó là chạy theo cái cảnh.

Đối với những vị nào, khi nghe Sư nói mà không vì sự tham đắm nghe Pháp mà đến với đạo tràng thì đó là tu. Đối với những vị nào nghe Sư nói mà cái tâm không phan duyên, không khởi lên niệm ưa thích hay niệm buồn phiền thì đó là tu. Tức là ta vẫn là ta, Sư vẫn là Sư. Sư có nói gì đi chăng

nữa thì ta cũng từ từ, thông dong. Ngay chỗ thông dong đó chính là tự tại và cũng chính là cái **Bản tâm của ta**; không dính mắc thứ gì hết. Nếu còn dính mắc ngay lập tức mất bản tâm; giống như anh chàng Cùng Tử có viên ngọc quý trong ché áo mà cứ đi ăn xin.

Ngài A Nan thọ nhận lòng từ bi của Phật, chấp tay nói: *“Con được nghe diệu âm, biết chỗ bản lai thường trụ mà hiện nay tâm phan duyên”*. Tức là nghe Đức Phật nói cái tâm chạy theo âm thanh; cho nên không thể nào ngộ được bản tâm. Ngài A Nan năn nỉ Phật xin Phật dạy cho. Phật mới bảo: *“Các người còn dùng tâm phan duyên để nghe Pháp”*.

Ngay trong đạo tràng này; bạn đến đạo tràng để nghe Pháp? Có phải (1) ưa thích âm thanh của Sư; (2) ưa thích nội dung Sư nói ra; những thứ đó là duyên. Mà tâm khởi lên có sự ưa thích bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng là phan duyên; chạy theo duyên, những cái gì do duyên sanh như huyễn, là không có thật. Nhắc để thấy cái tâm chứ không có ý gì đâu, bị nhắc thì mắc cỡ, mà mắc cỡ chính là tâm phan duyên, không sống trong cái tâm thanh thản, bản thể thanh tịnh; mà lại phan duyên, tức là sống trong vọng tưởng điên đảo, sống trong cảnh gọi là đi ăn xin mà bỏ mất nhà, rong ruổi đường dài mà quên nhà, không về quê cũ; mà cứ đi lang thang, tại vì vướng vào âm thanh, nghe người ta khen chê lại khởi lên niệm đương nhiên là không có trụ tâm.

Nghe lời Sư nói mà phan duyên, Sư nói mặc kệ Sư, tại sao ta lại phải xấu hổ; tức là phan duyên rồi, là tâm đã khởi lên

một cái tâm. Tâm đã khởi lên một niệm là tâm bị động. Bạn cần hiểu rõ: thực tướng đều là huyễn, đều là tá danh để nói; ví dụ việc bạn thấy không thoải mái với nick/pháp danh trên Zoom đã được đặt, cảm thấy ngại khi Sư nêu tên nick/pháp danh trong Đạo tràng nên đổi sang nick/pháp danh khác. Ở điểm này ta đã có ưa thích cái này - không ưa thích cái kia; tâm của bạn đã động; rồi đến khi nghe nói tâm vị đó động rồi bạn cho rằng bị chê; tâm của bạn lại động lần thứ 2; tức là cái mê này phủ lên cái mê kia; chạy theo âm thanh, rồi lại chạy theo cái ý tức là 2 lần mê. Cho nên, đôi khi Sư cũng phải mượn phương tiện để chỉ cho bạn thấy được cái tánh của bạn, cái đó là mục đích chính.

Đức Thế Tôn trong 45 năm đi hoằng pháp, cuối cùng Ngài nói: *“Ta chẳng có nói gì cả”*. Cho nên, dù có nghe được âm thanh của Đức Phật, ngài A Nan vẫn không hiểu? Vì cứ chấp vào đây; giống như bạn trong đạo tràng cứ chấp vào âm thanh của Sư; khi Sư khen thì khoái chí; mà khi Sư chê thì mắc cỡ; như thế toàn là phan duyên.

Vậy nên, quán chiếu nơi trong cái tâm, như thế mới lợi lạc. Có người dùng ngón tay chỉ lên mặt trăng; người ấy nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; nếu nhìn ngón tay mà cho ngón tay là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, mà cũng chẳng biết ngón tay. Tại vì mặt trăng là sự sáng, sự tối, mà nhìn ngón tay làm sao thấy mặt trăng? Mà thật sự ngón tay có mục đích gì? Mục đích là chỉ cho thấy mặt trăng mà bây

giờ cứ nhìn vào ngón tay thì không còn được lợi lạc gì trong việc thấy mặt trăng.



Cho rằng ngón tay là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay mà cũng chẳng phân biệt được sáng tối, vì cái bản thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được hai tướng sáng - tối. Cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tướng biết pháp, cho là tâm của ta; tức là khi Sư nói mà bạn khởi lên cái niệm, nói cái đó là thuyết pháp của thầy; trong tâm khởi lên ưa thích hay nhàm chán, ghét hay thương, tất cả những cái tâm ấy dính mắc tới âm thanh. Và vì âm thanh khởi ra cho nên cái tâm ấy là duyên sanh; mà duyên sanh như huyền; tại sao lại chấp là có thật? Nếu nó là như huyền thì biết rồi cần gì phải buông; tự nhiên mất tại vì như huyền có thật đâu?.

Đức Thế Tôn nói: “*Ví như người đi đường ở lại khách sạn nghỉ tạm rồi đi, còn người giám đốc khách sạn thì không đi*”. Cho nên người giám đốc khách sạn gọi là chủ, còn người khách tới ngủ một đêm gọi là khách. Khách là căn-trần, còn người chủ là cái tánh - thường trụ.

Nay cũng như thế, nếu là chân tâm, tức là chủ của nơi thì khỏi cần đi đâu. Tại sao âm thanh chẳng có tự thể tánh phân biệt? Thế thì cái tâm phân biệt âm thanh là sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt, cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu-xá-li mê muội cho là minh đế.

Tức là cái tánh thấy, tánh nghe không có căn cứ nơi vật; cho nên vật đến vật đi, tức là cái trần đến trần đi không có ảnh hưởng; còn nếu có ảnh hưởng là phan duyên. Nếu lia các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt của tâm tánh các nơi đều có chỗ trả về, lấy gì làm chủ? Nếu thật sự có cái tánh theo phan duyên mà ra thì khi đã kết hợp lại giống như $H_2 + O = H_2O$ là nước; đã biến thể từ H_2 và Oxy đều là chất khí; O_2 cái cộng lại là nước - nước lỏng. Thế thì đã biến thể từ cái khí thành cái lỏng rồi; tức là cái tâm tánh của chúng ta đã biến thể rồi, làm gì còn chỗ nào để trả về.

Ngài A Nan lại nói, “*nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về thì diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói sao chẳng có chỗ trả về; xin Phật thương xót nói rõ*”. Tại vì nói rằng nếu có tâm tánh đều có chỗ về thì cái diệu tâm cũng phải có chỗ về, ở đâu, về đâu.

Phật mới bảo ngài A Nan: “*Nay người thấy được ta là do cái Kiến Tính sáng tỏ*”. Kiến Tính này tức là cái tánh thấy chẳng phải diệu tâm sáng tỏ đệ nhất nguyệt; chỉ là đệ nhị nguyệt thôi.

Giống như cái bóng của mặt trăng; là mặt trăng thứ hai, nhưng thật sự là cái bóng của mặt trăng ở dưới nước. Bạn ra ngoài hồ nhìn xuống mặt nước có cái bóng trăng; bạn có nghĩ cái bóng trăng đó là thật không? Nói là thật cũng sai, mà nói là giả cũng sai. Tại vì cái bóng trăng ấy là do mặt trăng ở trên trời chiếu xuống. Nếu không có mặt trăng trên trời thì làm gì có cái bóng. Cho nên chúng ta phải nương theo cái bóng mà biết là ở trên trời có mặt trăng; nhìn xuống dòng sông thấy có bóng trăng thì biết ở trên trời có mặt trăng.

Tu học kinh điển cũng giống như thế: Tức là chúng ta nhìn thấy cái bóng để rồi nhìn thấy mặt trăng. Chúng ta học kinh điển, để chúng ta nương theo ý nghĩa ấy để quay trở lại quán chiếu được cái tâm của ta; cái tâm của ta mới là quan trọng, sanh sanh - diệt diệt như thế nào, coi trong kinh để quán chiếu lại cái tâm. Vậy biết rằng tâm vốn là diệu minh trong sạch; con người tự mê muội nên lạc mất bản tâm, cam chịu luân hồi, trôi lăn trong vòng sinh tử.

Ngài A Nan lại nói tiếp: “*Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về nhưng làm sao biết là chân tánh?*”. Phật lại bảo: “*Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả Vô Lậu, nhưng nhờ thần lực của Phật được thấy cõi sơ thiên, không ngăn ngại. Và ngài A-na-luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Hi-ma-la*

trong bàn tay. Nay A Nan, ta cùng người xem cung điện Tứ Thiên Vương từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng, tất cả đều không chướng ngại”.

Thế thì trong cái sự thấy, cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng, tức là cái nào là căn, cái nào là trần, cái nào thật sự là tánh thấy. Thế thì A Nan, người cùng sức tốt thấy từ cung trăng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp. Dù có đủ thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải là người, tức là những cái đó là những cái đối tượng thôi, chứ không phải là chính người. Dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió thổi cho đến núi sông đất đai, ruộng vườn, người, thú, cỏ lá là vật chứ chẳng phải là người. Xem thấy cái gì thì tức nó ở bên ngoài; tức là vật chứ chẳng phải người. A Nan, các tánh vật xa - gần dù có khác biệt nhưng đều do có Kiến Tính trong sạch nhìn thấy; tức là nhìn từ ngôi sao trên trời cho tới 1 con chó ở dưới đất hay 1 vật gì đang cầm trên tay... tất cả đều do cái tánh thấy mà thấy; cái tánh ấy rất là trong sạch. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác.

Nghĩa là vật từ trên trời lớn to như thế cho đến đầu mũi kim khâu, cũng là vật chất là hình tượng mà thôi, dù có cái lớn cái nhỏ. Nhưng, cái Tánh Biết về cái ấy không KHÁC, dù nhìn ra ngoài bầu trời bao la hay nhìn vào lỗ kim khâu, cũng không có gì sai biệt; đều biết hết và được gọi là Kiến Tính Diệu Minh, là tự nó - nhìn 1 cái là biết ngay; còn nếu khởi tâm suy nghĩ thì giữa Ý và Mạt-na-thức rồi vào A-lại-

da-thức đó lại là chuyện khác nữa; tức là tâm không phan duyên thì tự động cái ấy gọi là chơn tánh, Kiến Tính diệu minh - chính cái Tánh Thấy thanh tịnh, trong suốt.

Trong cuộc sống hàng ngày nếu bạn muốn tìm lại được bản thể thanh tịnh; thì phải buông bỏ tham-sân-si. Điều đầu tiên cần buông bỏ tham-sân-si là vì tham-sân-si là trần - là huyền - là không thực; nhưng chẳng qua phương tiện nên người ta tá danh như vậy thôi.

Nếu Kiến Tính là vật thì người có thể thấy Kiến Tính của Ta; nếu cùng thấy gọi là thấy Kiến Tính, lúc Ta chẳng thấy sao người không thấy chỗ chẳng thấy? Ví dụ nếu nói rằng Kiến Tính là vật 2 người đều thấy - Đức Phật và ngài A Nan cùng thấy. Nếu cùng thấy tại sao có lúc Đức Phật không thấy mà ngài A Nan lại không thể thấy được cái chỗ của Đức Phật không thấy. *“Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của Ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; nếu không phải chỗ chẳng thấy của Ta thì Kiến Tánh tất nhiên phi vật; sao lại chẳng phải là người?”*

Tức là đừng theo phan duyên thì cái kiến tính ấy - tánh nghe, tánh thấy ấy là của ta; còn nếu theo phan duyên là thức; mà hễ là thức rồi là phan duyên, không có thực, phải nương nhờ vào vật ấy mới biết được. Ví dụ như có ly nước bên ngoài mới biết ấy là ly nước; như vậy cái tánh thấy ấy là phan duyên.

“Nếu Kiến Tính là vật thì vật cũng có tánh thấy; lúc người thấy vật thì vật cũng thấy người, thể tánh lẫn lộn thì người với Ta và tất cả thế gian cũng chẳng thể an lập. A Nan, nếu lúc người thấy là người thì chẳng phải Ta thấy vì 2 cái tánh thấy cùng khắp đó không phải là người thì là ai, sao lại tự nghĩ chơn tánh của người chẳng phải chơn mà cầu sự thật?”

Cái tánh chơn tánh là chơn, đâu có mê muội gì đâu mà tại sao lại đi hỏi làm chi? Tại sao nói Kiến Tính này chẳng phải vật? *“Nếu Kiến Tính là vật, thì Kiến Tính của Ta và người cũng thấy được; nhưng sự thật thì Kiến Tính của ta, người chẳng thể thấy”*.

“Nếu nói Ta thấy người trong cùng lúc thấy, tức là Kiến Tính của Ta; vậy thì lúc Ta thấy, người cũng đã thấy được rồi. Lúc Ta chẳng thấy, người cũng thấy được chứ sự thật lại chẳng như thế”.

Tức là nói 2 cái cùng là 1 thì đương nhiên: Ta thấy thì người thấy thôi. Nhưng thật sự ra không phải như thế: Nếu nói lúc thấy là dùng cái Thấy để thấy; chẳng thấy là dùng cái chẳng thấy để thấy gọi là chỗ chẳng thấy của Ta; vậy đã chẳng tự thấy thì lấy cái gì để thấy cái tướng chẳng thấy? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho người thấy được, tức là cái tướng thấy lại chẳng phải tướng chẳng thấy. Dĩ nhiên chỉ có 1 trong 2 thôi.

Nếu cái tướng chẳng thấy mà cho ta thấy được thì cái tướng ấy lại chẳng phải cái tướng chẳng thấy. Vậy biết chỗ chẳng thấy của Ta, người nhất định chẳng thể thấy được. Cái

chỗ không thấy được của Ta là người cũng không thấy được đâu; lúc Ta chẳng thấy, người chẳng thể thấy được; nếu cùng thấy thì cũng chẳng thể thấy. Tức là Ta thấy thì người không thấy; Ta không thấy thì người cũng không thể thấy được cái chỗ Ta không thấy đó.

Thấy và chẳng thấy đều chẳng phải để chỉ ra Kiến Tính; vậy Kiến Tính rõ ràng là phi vật. Tức là; không dính mắc tới vật. Tại vì nếu có thấy là phan duyên; mà cái Tánh Thấy không có phan duyên nên nó là phi vật; tức là không chạy theo căn. *“Kiến Tính của Ta phi vật thì Kiến Tính của người cũng là phi vật. Kiến Tính của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật; làm sao chẳng phải người. Đây là dùng nghĩa chẳng thể thấy để sáng tỏ Kiến Tính y vật; nếu Kiến Tính có thể thấy được thì Kiến Tính cũng là vật; làm sao làm chủ được vạn tượng, an lập trên cõi thế gian”*. Cái gì mà ta thấy được thì cái ấy là vật, chứ không phải của ta; cho nên mượn tá danh để nói thôi. Nếu nói rằng tánh thấy là do vật ta mới thấy, cái đấy phải trú nơi vật hay sao và vật trở thành ra cái thấy hay sao?

Chúng ta học bài này để phân biệt giữa cái Kiến Tính, cái Vật và cái Ta. Nếu có Ta thì Kiến Tính nằm ở chỗ nào; mà nếu có vật nảy sinh ra Kiến Tính thì Kiến Tính nằm ở đâu? Có nghĩa là cái Tánh Biết của chúng ta; căn cứ theo nội tâm, theo niệm, theo duyên hay theo cảnh bên ngoài?

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Thường theo dõi sự chuyển đổi của Ý và chỉ biết như vậy là đủ phải không?

Sư: Lành thay...lành thay. Theo dõi để làm gì? Vì khi có theo dõi là có dụng công; tức là đi tìm nó chứ gì; mà hề đi tìm là có dụng công; là chạy theo duyên, chạy theo cảnh; chứ đâu phải là “phản vấn - nghĩa là quay trở lại cái tâm của ta”. Cảnh chạy thì mặc kệ ; đến - đi là khách; còn cái bản thể thanh tịnh là chủ, vì vậy không có đến - không có đi, tức là không phan duyên. Nó là như thế nếu ta nhận chân ra rõ ràng; có nghĩa là có 1 cái pháp, mà pháp này là do duyên sanh thì đương nhiên nó không tồn tại.

Thường theo dõi sự biến đổi của Ý: Ý tuy có chạy lăng xăng nhưng không có biến đổi đâu; tại vì tất cả chỉ là năng lượng. Nếu chỉ cần quán chiếu thường xuyên khi khởi niệm ra - niệm vào mà ta biết thì như thế là quá đủ. Tại vì khi ta theo dõi thì không thể nào lồi cuốn ta được; mà khi không lồi cuốn ta được và ta cũng đang theo dõi; thì từ từ đến thời điểm nào đó sẽ mất luôn, tại vì cứ mỗi lần xuất hiện là ta đã nhìn thấy rồi nên nó mất thôi. Việc này rất là lợi lạc vô cùng; vì tới giai đoạn này, ta sẽ đạt tới cảnh giới gọi là “nhất tâm bất loạn” vì lúc đó nó không còn lăng xăng nữa; pháp tu này rất là lợi lạc. Vì vừa nêu câu hỏi nên thực hành theo pháp tu này, sẽ có rất nhiều lợi lạc; cứ quan sát cái ý; sanh sanh - diệt diệt.

BÀI 12: BẢN THỂ THANH TỊNH

Kinh Thủ Lăng Nghiêm chỉ vào cái tánh - tức là cái “Bổn lai diện mục”, tức là “Chơn tâm thường trụ” hay là cái “Tam muội”, tức là cái quý nhất của con người. Nói chữ “Quý nhất” là chỉ dùng văn tự thôi; chứ nó là rỗng rang, không thấy được, không hình không tướng nhưng vẫn gọi là quý nhất; vì nó ghi nhận được, nhờ nó mà chúng ta sanh tử luân hồi.

Nếu không có nó thì chúng ta trở thành gỗ đá, nhờ có nó mà chúng ta phải lao vào sanh tử luân hồi: kiếp này làm người, kiếp sau làm súc sanh - chó, mèo; kiếp sau nữa làm cá, tôm; rồi kiếp sau nữa làm khí kiếp sau tiếp nữa làm người và cứ thế trôi lăn trong 3 cõi 6 đường cho tới khi nào chúng ta thấy được, nhận chân ra cái bản thể thanh tịnh của ta thì liễu trừ kiết sử phiền não; tại vì nó rỗng rang.

Liễu trừ kiết sử phiền não lúc bấy giờ không còn vướng mắc gì nữa, không thấy có cái ngã nữa; tại vì thấy nó rỗng rang; tức là không có cái gì nữa, mà ở ngay cái chỗ không có cái gì nữa, tức là đắc quả A La Hán - tức là không có cái gì hết, liễu trừ kiết sử phiền não. Vì kiết sử phiền não là do duyên. Cái gì do duyên sanh thì như huyễn; tức là sao? Nghĩa là có đấy, thấy đấy, có thực đấy, có hình tướng đấy nhưng là huyễn, không phải thực; chứ không phải là không có, vì nếu nói do duyên sanh mà không có là nói sai. Duyên sanh mới có con người, duyên cha duyên mẹ nên chúng ta mới mang

cái thân này. Tức là thấy thì nó là có đây, tương là có đây nhưng mà là “vô ngã”; cho nên nói là duyên sanh - duyên sanh thì như huyễn; tức là có như bóng nắng ở ngoài trần, khi giọt nắng đi ngang thì thấy cái bụi lăng xăng; chứ nếu không có giọt nắng đi ngang mái nhà thì làm sao thấy cái bụi lăng xăng.

Trước khi chúng ta đi tiếp phần pháp thoại, Sư nhắc lại bài trước chúng ta đã học về Kiến Tính Diệu Minh - tức là cái thấy, cái nghe rõ ràng, tường tận nhưng cần cẩn thận để không bị phan duyên. Chúng ta học tới đoạn trong lúc đang đứng thì “Đức Thế Tôn giơ cái tay, chỉ xuống dưới đất và hỏi ngài Anan: Như thế nào là thuận, như thế nào là nghịch?”. Ngài Anan đáp như vậy là nghịch tại vì nếu chỉ lên trời mới là thuận. Như vậy có nghĩa là theo quy ước của thế gian, mọi người đều nói: Nếu chỉ tay mà chỉ lên trời mới là thuận; nếu chỉ tay mà chỉ xuống dưới đất thì là nghịch. Đó là quy ước của thế gian nhưng Đức Thế Tôn nói: *Như vậy nó đâu có đúng vì chỉ xuống dưới mới là thuận*; có nghĩa là sao?

Thực sự ra, cái thuận - cái nghịch không quan trọng; quan trọng là Đức Thế Tôn muốn chỉ cho ngài Anan thấy được cái TÁNH của ta; tức là khi con mắt thấy thì cái tâm khởi ra ghi nhận, thì đừng chạy theo cảnh. Chạy theo cảnh tức là chạy theo cánh tay, cho nên nói thuận nghịch; còn thấy thì cứ thấy thôi; còn hể mà khởi lên cái tâm điên đảo để mà phân biệt được cái nào thuận - cái nào nghịch; thì ở ngay chỗ ấy là

“PHAN DUYÊN”; mà hễ phan duyên thì là huyễn, tại duyên là huyễn.

Cũng như thế ở trong gia đình, vợ chồng con cái: Khi người ta nói cái gì thì nghe thì nghe thôi, đừng khởi tâm phân biệt, lời nói đó là khen - hay chê; vui hay buồn ... rồi cái tâm cũng phan duyên theo đó. Khi nghe 1 câu nói khen thì vui mừng lắm; như vậy là tâm phan duyên, mà duyên sanh thì như huyễn. Nếu cứ theo duyên mà theo thì cái tâm rong ruổi và lạc lối; cái tâm không bao giờ quay về cái gốc của nó, mà cứ chạy theo ngọn; lâu ngày do huân tập như vậy nên cái tâm đi lạc luôn, không biết đường về.

Bởi vậy cho nên “Chấp cảnh làm tâm” - ở chỗ này đây. Nhưng làm sao biết được là TÂM hay CẢNH, đây mới là chỗ khó. Biết thì dễ, mà nếu không biết thì chỉ mãi cũng rất khó. Người thế gian cứ quy ước với nhau: Chỉ lên trời là thuận, chỉ xuống dưới đất là nghịch; cho nên cái thuận - cái nghịch là do quy ước thế gian, chẳng có dính líu gì tới sự thực là có thuận - có nghịch; mà thực sự có thuận - có nghịch thì đó là TRẦN, CẢNH, không ảnh hưởng gì tới “Bản thể thanh tịnh” của chúng ta; cái gọi là TÁNH BIẾT, THƯỜNG TRỤ, CHƠN NHƯ TAM MUỘI, Chánh Biến Tri đó không bị ảnh hưởng gì cả; nhưng làm sao biết được nó ở đâu, rồi biết cái nào là điên đảo.

Phật mới từ bi nói: “*Duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn, vui, yêu, ghét...) với các pháp sở duyên (tức là cảnh trần) đều do tâm biến hiện*”, tức là đều do tâm của chúng ta

biến hiện mà thôi; tức là cái duyên tâm với cái sắc, cái tâm sở với các pháp sở duyên (tức là cảnh trần) đều do tâm biến hiện mà ra; tức là khởi tâm lên là lập tức đều có thấy nó biến hiện. Trong kinh Pháp Cú - phẩm Song Yếu có nói “ Ý dẫn đầu các pháp”; trong kinh Hoa Nghiêm thì nói “Tâm làm chủ, tâm tạo tác, tâm làm ra các pháp” ... Cho nên ở chỗ này do Tâm biến hiện là như thế.

Tâm này là tâm gì? Tâm theo phan duyên thì gọi là tâm Tham - tâm Sân - tâm Si, có cảnh khởi tâm; cho nên ấy gọi là Phan Duyên, do gá vào duyên mới có tâm sanh ra, cho nên cái tâm này là tâm huyễn vì tất cả cái gì do duyên sanh ra đều là huyễn. Tức là thấy cái tướng như thế nhưng cái bản ngã không có cho nên gọi là VÔ NGÃ; thấy có nhưng biến hiện. Thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy tại sao các người lại làm mất cái bản tánh vốn còn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê nơi ngộ mà cho là tâm tánh; cái mê tức là cái vọng tưởng điên đảo. Khi thấy cái vật đi ngang thì khởi cái tâm lên, rồi nói cái vật này như thế này như thế kia, khởi ưa thích hay không ưa thích; rồi cho cái đó là tâm tánh, chấp cái đó là diệu tánh nhưng thực sự cái đó là mê; mê vào cái diệu minh mà trở thành vô minh. Ngay cả như ta mê mẩn ở trong cái “Ồ tại sao cái tâm tôi sáng tỏ như thế này” thì cũng là mê, thấy cái tâm ta rất là sáng tỏ nhưng nếu mê mẩn ở trong cái tâm sáng tỏ ấy thì cũng là mê luôn; tại vì chấp và vì như vậy nên gọi là Vô minh. Hơi khó đó bạn

nhưng chúng ta cố gắng từ từ theo dõi, suy nghĩ xem cái gì thuộc của ta, cái gì không thuộc của ta nhé.

Từ Vô Minh biến ra thành Ngoan không; Vô minh là năng biến, Ngoan không là sở biến. Năng biến hòa hợp mới biến ra Tứ đại, là ngoại sắc của y báo. Sắc lẫn lộn với Tâm Vọng Tưởng thành ra có chúng sanh. Từ nơi cái Sắc lẫn lộn với cái Tâm vọng tưởng nên mới hóa ra chúng sanh. Có 2 loại chúng sanh (1) Chúng sanh bên ngoài, do duyên sanh hòa hợp để tạo thành ra đủ các sắc tướng ở bên ngoài (2) Là loại chúng sanh ở trong TÂM, gọi là TẬP CHỨNG DUYÊN SANH, tức là nó cũng theo cái cảnh bên ngoài khởi lên. Cho nên chúng sanh bên ngoài và chúng sanh bên trong; nếu tương ưng thì lập tức não loạn, lúc bấy giờ làm chủ ta. Từ cái TUỞNG (vọng tưởng) cho tới cái TUỐNG (vọng sắc); tưởng thì do vọng tưởng; tướng là do vọng sắc, chấp cái đó làm thân cho nên nhiếp trì Thân Tâm là thức thứ 8; tụ duyên lay động bên trong là thức thứ 7; rong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ 6. 7, 8 6 từ Ý thức thành Mạt na thức cho đến A-lại-da thức, mấy tên giặc này thực sự ra đều do vô minh.

Vô minh biến khởi vọng duyên thành trần, nhận tướng liễu phạm lăng xăng này mê muội cho là tự tánh. Cứ nghĩ rằng là cái Ý là biết, nhận nhìn cái đấy cứ cho là có thực, rồi phân biệt lên rồi cũng nói cái đó là thực, rồi cái A-lại-da thức chứa thông tin đó (như chứa thông tin trong ổ cứng-hard drive của computer-máy vi tính), nói cái đó là có thực nhưng

thực sự cái đó là huyền. Những cái mà bạn nghe, bạn râu âm, vẽ hình ảnh, phim ảnh ... rồi bạn lưu vào trong ổ cứng (hard drive), chứa biết bao là thông tin và khi mở máy lên thì thấy chữ, thấy hình (còn nếu bạn lấy búa đập cái hard drive đó thì bạn có thấy hình thấy chữ đó không. Chúng ta có ai đã thử làm như vậy chưa?). Tuy nhiên, nếu chúng ta bỏ vào máy, đúng theo quy trình của nó, mở lên thì lúc ấy sẽ có âm thanh, có hình, có chữ ...

Đây! CÁI TÁN BIẾT ở chỗ đây; tức là nó biến hiện do cái chỗ nào, phải tìm cho ra. Nếu không thấy cái tâm mà đi tu thì chỉ được 1 chút phước hữu lậu mà thôi. Kiếp này nghèo thì kiếp sau sẽ giàu; kiếp này ngu thì kiếp sau sẽ thông minh; kiếp này chậm chạp kiếp sau sẽ nhanh nhẹn; kiếp này làm thuê thì kiếp sau làm chủ, ... tức là nếu cứ đi làm những phước đức hữu lậu đây thì chỉ được 1 chút thôi nhưng không bao giờ ra khỏi sanh tử luân hồi.

Nếu là con Phật, đi tu với hạnh nguyện là mong làm sao liễu đoạn sanh tử, thoát ra khỏi 3 cõi 6 đường thì phải NHÌN THẤY ĐƯỢC CÁI TÂM. Ví như khi bạn phát biểu; bạn quên 1 câu là “Khẩu khai thần khí tán. Thiệt động thị phi sanh - Há khẩu thần khí tán. Động lười thị phi sanh”. Tại sao “há khẩu thần khí tán” là vì khi bạn mở miệng nói thì thần khí đi mất; tại sao thế? Tại vì khi nói là cái năng lượng đi ra; cái tâm cũng theo đó mà biến hiện, lãng xãng; mà nếu cái tâm biến hiện, huân tập nhiều; tức là nói nhiều, huân tập nhiều thì biến tướng; mà biến tướng thì tâm loạn. “Động lười

thị phi sanh”; tức là cái lưỡi nhấp nháy thì phát ra âm thanh: Cái tâm của người nói như thế nào thì âm thanh phát ra như thế nhưng người nghe thì lại phiên dịch ra “bá nhân bá tánh - 100 người thì có 100 tánh”, 8 vạn 4 ngàn pháp môn là 8 vạn 4 ngàn phiền não; ngay cả 1 người thì sáng vui, trưa buồn, chiều vui ... thay đổi biến dịch liên tục, không phải là một; con người ấy không phải lúc nào cũng như thế, con người đã thay đổi rồi - như 1 phút trước nghĩ khác, 1 phút sau nghĩ khác; 1 phút trước nghĩ ác - 1 phút sau nghĩ thiện ... thế thì con người khác rồi, đâu còn là con người cũ nữa; cho nên “động lưỡi thì thị phi sanh”, không bao giờ có thể làm vừa ý hết tất cả chúng sanh.

Ví như bắt kẻ là người tu hay người không tu; khi nghe khen thì đều thích thú, hoan hỷ; nhưng dù thật tình, nói với cái tâm chân thật đi chẳng nữa mà chê, thì cũng bị phiền não, Sư muốn bạn dứt trừ kiết sử phiền não. Phật không muốn dạy kinh điển; các vị Thánh Đệ Tử của Đức Thế Tôn không muốn dạy kinh điển. Chúng tôi không có tham vọng đi dạy kinh điển vì bạn tự đọc được.

Đức Thế Tôn cũng thế, lúc Ngài giảng Tứ Diệu Đế cho 5 anh em Kiều Trần Như thì Ngài giảng rất rõ: Khổ - Tập - Diệt - Đạo, nhưng sau đó Đức Thế Tôn giảng cho cô bé mới 8 tuổi thì Ngài giảng khác. Khi Đức Thế Tôn giảng Tứ Diệu Đế, Khổ Tập Diệt Đạo cho cô bé 8 tuổi; Ngài đã giảng hoàn toàn khác. Tùy theo căn cơ chúng sanh mà Ngài độ, một vị lương y rất là thiện xảo, rất là từ bi - người bệnh nào, thiện

xảo là ở chỗ: Thuốc thì Ngài cho tùy theo bệnh để mà cho thuốc; cái bệnh phiền não, cái bệnh tham - sân - si thì Ngài căn cứ theo đó để cho thuốc. Khi thấy 1,000 vị đạo sĩ tu theo phái thờ Thần Lửa, thì Ngài giảng: Lửa đây không quan trọng, cái lửa tham - lửa sân - lửa si mới quan trọng và khi nghe được bài pháp thoại ấy rồi thì 1,000 vị ấy đều chứng thánh quả Tư-đà-hoàn; thế thì màu nhiệm ở chỗ phương tiện để nhìn thấy cái chơn tâm mới là quan trọng. Đức Phật đã làm như thế và các vị Thánh tăng đều làm như thế.

Cho nên, bạn đừng chấp theo văn tự trong kinh điển, tại vì tất cả đều chỉ là phương tiện thôi; tất cả đều chỉ cho bạn cái CHƠN TÂM. Mục đích là muốn chỉ cho bạn biết sân - si, từ đâu để mà liễu trừ.

Pháp tu Thiền hay tu Tịnh Độ đều như thế. Nếu không kiểm soát được hơi thở thì cũng sẽ bị tẩu hỏa nhập ma, phát điên phát khùng; tại vì oxygen không có đủ cho máu, vì não suy nghĩ nhiều; giống như cái thức chạy ra thì phải cần oxy thôi, phải cần năng lượng để tiếp tục vận hành guồng máy; nếu không đủ thì bị phát điên. Thế thì làm sao cho đủ? Tức là hơi thở phải luôn luôn quán chiếu, thở điều hòa. Nếu không thở điều hòa, tức là oxy không điều hòa; nếu oxy không điều hòa thì tứ đại tan rã, chẳng đi đến đâu hết, giống như kẻ mê mê ngộ ngộ, không biết đường nào mà đi, nói thì giống như máy cassette và như vậy sẽ tạo ra cái nghiệp cho thân của ta.

Đức Thế Tôn bằng mọi phương tiện; nhất là trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm - đa số Đức Thế Tôn chỉ dùng cái “DIỆU” thôi, chứ không nói nhiều. Chẳng hạn như, Ngài giơ cái tay lên rồi hỏi ngài Anan là thuận hay nghịch; ngài Anan nói: Giơ tay chỉ xuống đất là nghịch, giơ tay chỉ lên trời là thuận. Như vậy, căn cứ vào đâu để biết là thuận hay nghịch? Rồi chưa nói con mắt nhìn nữa; cái thức. Bởi vậy cho nên nói rằng: Tất cả thức thứ 6, thứ 7, thứ 8 đều nhiễu loạn hết; do duyên mà động; mà khi động thì sao bạn? Đồng ý là bản thể vẫn y nguyên đấy, nhưng mà lay động rồi thì CÁI TƯỚNG lăng xăng, giống như sóng và nước; mà hễ có gió thì thấy sóng; còn không gió thì không thấy sóng. Có nghĩa là sao? Có nghĩa là Tâm phan duyên thì mới có động. Nó khó lắm bạn, không dễ đâu; tức là khi ta vừa nói vừa quán chiếu hơi thở của ta và tập trung vào trong hơi thở để cho tâm không phan duyên; thì đó là một thiện xảo và đòi hỏi công phu không phải 1 ngày mà có được.

Tất cả Đức Thế Tôn nói ra chỉ là phương tiện mà thôi, để chỉ cho người đó tự nhìn thấy cái bản thể. Nếu rong ruổi theo cảnh bên ngoài thì Thức thứ 6; tự duyên lay động bên trong là Thức thứ 7 và nhiếp trì thân tâm là Thức thứ 8; tất cả đều từ Vô minh biến khởi, mà lăng xăng vậy thôi. Nếu mê muội thì cho rằng tự tâm từ trong sắc thân, nói rằng: Cái tâm ở trong cái sắc, cái thân, chẳng biết sắc thân, sông núi đất đai cho đến hư không đều là vật do DIỆU TÂM biến hiện; tức là nghĩ ra như thế thôi. Ví dụ như bây giờ bạn nhìn thấy trên

núi thì bạn nói: Đó là ngọn núi, trên đó có khi, có cọp, có cây ... nhưng mà những người dân tộc thiểu số sống ở trên núi thì họ sẽ nói làm sao: Trên đó mới là Thiên đàng của họ vì trên đó có trái cây, có thực phẩm, có nước uống ... họ chẳng phải lo lắng gì cả nên với họ, đó là Thiên đàng; ta nói đó là rừng rú. Người ở trong thành phố quen rồi mà nhìn thấy rừng núi thì không khởi tâm ưa thích muốn ở, chỉ muốn ở những nơi nhà cao, xây xi măng, có cửa khóa ... chứ còn ở trên những khu rừng; những người dân tộc - họ khoét những bọng cây to, rồi vào đấy ở và rất hoan hỷ vì đấy là Thiên đàng, Niết-bàn. Cho nên nói rằng cái chỗ lảng xảng là như thế; tức là tùy theo vị trí, huân tập, xã hội... để rồi ta bị đóng khung ở trong đấy. Tại sao nói như thế để làm gì, có ích lợi gì trong vấn đề học cái tâm này? Nếu cái tâm mà có đóng khung thì bị kẹt vào trong cái khung đó; giống như khi làm bánh trung thu người ta đổ bột vào cái khung ấy để tạo ra hình dáng của bánh - bánh hình tròn, bánh hình vuông, có hoa này hoa kia đều cái khung.

Cũng như thế cái tâm của chúng ta: Bạn thử ra ngoài trời, bạn nhìn thấy bao la không? Nhìn thấy hết phải không? Nhìn hết từ đông sang tây, bao nhiêu ngôi sao đều nhìn được hết, thấy có mặt trăng tròn hay trăng khuyết, to lớn như thế - cả bầu trời mà chỉ cần ngẩng đầu lên là nhìn thấy hết, không còn sót 1 cái gì hết. Rồi bây giờ, bạn muốn khâu được thì bạn phải xỏ chỉ qua lỗ kim khâu; thế thì con mắt của bạn lập tức thấy cái lỗ kim, lập tức thấy cái sợi chỉ nhỏ xíu và lập tức

thấy ta đang xỏ sợi chỉ qua lỗ kim, không sai - thấy rất rõ ràng sợi chỉ mới đứt qua lỗ kim. Thế thì có nghĩa là sao? Cái TÁNH THẤY của bạn; từ bao la trên vũ trụ, trên bầu trời đều thấy; và nhỏ nhất như lỗ kim cũng thấy luôn. Như vậy, cái tánh thấy nằm ở đâu, có khung không? To nhất cũng nó, nhỏ xíu cũng nó. Nếu ở trong phòng, bạn nhìn thấy bàn ghế, giường tủ, bức tường; như vậy cái thấy của bạn, cái tánh biết của cái thấy ấy: Nếu mà bước ra ngoài sân, nhìn không gian to lớn như thế và khi vào trong cái phòng thì nhìn thấy như thế, như nhìn cái đầu kim nhỏ chút xíu như thế, vẫn biết.

Thế thì cái TÁNH BIẾT đó, có thay đổi không? Nếu nói rằng “KHÔNG” thì không đúng vì mỗi cái cảnh có cái thay đổi; từ lớn tới nhỏ, từ nhỏ sang lớn. Mà nếu nói rằng, có thay đổi thì là SAI vì như vậy, cái tâm ấy, cái sự biết ấy là theo cảnh; tức là cái vật ấy có giá trị chứ không phải ta có giá trị; cái vật đó biết chứ không phải ta biết. Như vậy, cái TÁNH BIẾT không nằm ở nơi ta, mà nằm ở nơi vật. Như vậy thì ta sống như là gỗ đá mà thôi, tại vì ta không có TÁNH BIẾT phải không bạn? SAI HẾT. Cho nên, nói ở ngoài hay ở trong đều không được là ở điểm này. Nhưng tại sao ta cứ nói là: Ta có cái tâm, là tại vì phan duyên, phải nghe được tiếng; tâm phan duyên thì mới nghe được. Nhưng khi nghe rồi mà chấp rằng: Ông Sư này giảng như thế này là hay quá hoặc Sư nói như thế kia là hay quá; tức là chấp vào TUỞNG. Mà thực ra những cái ấy đều là duyên sanh; vì có cơ hội nên chúng ta có duyên gặp nhau ở đây; là do kiếp trước, hay 1

lúc nào đó, chúng ta đã cùng nhau tu học từ bao nhiêu kiếp rồi; cho nên kiếp này chúng ta lại gặp nhau nữa để cùng tu. Nó là cái duyên, mà hễ nói tới duyên thì như huyễn, không thực; đến đến - đi đi là không có thực. Vậy thì cái tâm của ta nếu chạy theo duyên thì kẹt rồi; tâm ấy là tâm điên đảo, là tâm tham - tâm sân - tâm si, chứ không phải Tâm thực.

Bởi thế nên, người tu Thiền dựa theo quán hơi thở hay quán Tứ Niệm Xứ để họ có cái chỗ trú lại, không lãng xăng, không phan duyên. Người niệm Phật niệm Lục tự Di Đà - Nam mô A Di Đà Phật để loại trừ những vọng tưởng điên đảo, họ chỉ theo 01 cái duyên thôi - duyên ấy là “Nam mô A Di Đà Phật” cho đến khi thuần thực rồi thì tiếng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” cũng không còn mà tự nhiên cái niệm ấy tự nhìn vào trong cái bản thể thanh tịnh của ta, nhìn thấy rỗng rang và lúc bấy giờ không còn niệm nữa mà vẫn rỗng rang, tự nhiên niệm mà không niệm; thì cái ấy mới là cái DIỆU TÂM; tự nơi cái diệu tâm hiện ra hết.

Thế thì cái diệu tâm ấy ảnh hưởng như thế nào trong cuộc sống hàng ngày? Chúng ta không nói lý thuyết mà chỉ áp dụng vào trong cuộc sống. Thế thì cái diệu tâm ảnh hưởng gì? Là nhìn rõ thực tướng của các pháp như thị, mà không chạy theo, không vướng mắc; và nếu mà không chạy theo, không vướng mắc thì sao thừa bạn? Có nghĩa là: Làm tới cái chỗ tuyệt vời. Ví dụ như việc nấu cơm dù bạn là nam hay nữ, ai cũng biết nấu cơm nhưng cái diệu tâm áp dụng gì trong việc nấu cơm. Khi có diệu tâm thì cái tâm của ta tự nhiên ghi

nhận, không có phân biệt nữa; thì lập tức biết gạo này cần bao nhiêu nước, tự nhiên biết đổ nước vào với 1 liều lượng tùy theo bạn muốn ăn cơm khô - cơm mềm hay nấu cháo ... không cần suy nghĩ, không cần nói mà tự nhiên biết, cái đây là diệu tâm. Thế thì cái ấy là cái gì? Cái đây là cái đã loại trừ vọng tưởng, không cần suy nghĩ là phải đổ bao nhiêu nước vào nữa, cho nên lợi lạc, cái diệu tâm tự nhiên; vì cái chơn tâm của ta là chủ, không có đi; còn tất cả những cái vật chất bên ngoài, các suy nghĩ bên ngoài nếu có khởi lên cái niệm gì thì tự đến - đi thôi. Nếu chúng ta thấy được cái ngôi vị chủ, tức là cái TÁNH THỰC SỰ mà không có khởi lên cái gì hết thì thấy nó thì còn đó thôi. Tức là nương theo cái nhân duyên để thấy cái tự thể của tánh nhưng mà không có vướng mắc vào cái nhân duyên.

Ví dụ, bây giờ Sư lấy ngón tay để chỉ cho bạn thấy mặt trăng: Sư sẽ nói nhìn lên trời kia, có mặt trăng và dùng ngón tay chỉ về hướng có mặt trăng; thì bạn sẽ nương theo ngón tay để nhìn theo cái hướng ấy, rồi bạn phát hiện ra “Ồ...có mặt trăng, cái mặt trăng như thế”. Đó là cách thứ nhất; cách thứ nhì thì sao? Đi ra ngoài bờ hồ, thấy có bóng trăng ở dưới nước; rồi từ nơi bóng trăng dưới nước đó, mới ngẩng đầu lên trời và thấy mặt trăng. Từ nơi bóng mà nhìn thấy thực, từ nơi điên đảo mà nhìn thấy chơn tâm; tức là phải nhìn thấy cái bóng, rồi mới nhìn thấy cái thực. Mà nếu nói rằng cái bóng ấy là bóng thì sai; tại vì nếu không có cái thực thì làm sao có cái bóng và nếu nói cái bóng ấy là mặt trăng thứ nhì thì cũng

sai luôn, vì nó có phải là mặt trăng thứ nhì đâu; chẳng qua phản chiếu từ mặt trăng ở trên trời xuống dưới hồ nước nên mới thấy. Vì vậy, nếu ta nói là cái bóng thì sai, hoặc nếu ta nói là mặt trăng thứ 2 cũng sai luôn; mà nếu không có những cái ấy để nương theo đấy để nhìn thấy được cái mặt trăng thực ở trên trời thì cũng sai luôn.

Cho nên, cái VỌNG và cái CHƠN phải nương theo nhau; tức là ta nương vọng để tìm chơn; nương vọng để thấy chơn nhưng mà đừng có chấp rằng vọng là vọng. Tại vì không có thực thì tại sao nói “Vọng là vọng”, mà nếu vọng đã không là vọng thì chơn có phải là chơn hay không? Vọng đã không là vọng, thì chơn cũng chẳng phải là chơn; tá danh mà nói như thế thôi. Bản thể thanh tịnh của ta là như thế; nếu đã sống được ở trong đó rồi thì bạn sẽ không bao giờ bị rớt ra ngoài. Tức là khi bạn đã ở trong cái chỗ an lạc rồi, chỗ thanh tịnh rồi; mà bây giờ nói bạn ô nhiễm thì bạn sẽ không ô nhiễm; suy nghĩ theo chánh Pháp, làm chánh Pháp, nói năng đều theo chánh Pháp ... hoàn toàn thanh tịnh, nó là nước đã không còn sóng nữa thì gió ở đâu mà có để lãng xãng nữa; giống như nước để lâu ngày, bùn đã lắng xuống đáy rồi thì nước bên trên là nước trong. Cho nên, bạn nói rằng: Cái tâm phan duyên hay là cái tâm không phan duyên, thì đó là tá danh. Vọng và Chơn, cũng là tá danh. Vì nếu mà nói rằng có vọng thì mới có chơn là sự phân biệt; còn nếu nói vọng đã không có thì chơn ở chỗ nào mà có. Tại vì chơn là sự đối đãi,

sự so sánh, là ngôn ngữ do thể gian quy ước là chơn - vọng; vọng - chơn.

Cho nên, thức thứ 6, thức thứ 7 và cái thức thứ 8, nói là nói như vậy, mà cái Tĩnh - cái Động nằm ở chỗ này; đều do diệu tâm biến hóa mà ra. Và diệu tâm biến hóa thì có 2 như đã nói ở trên: Kiến Tính Sáng Tỏ và Diệu Tâm Sáng Tỏ. Kiến tính sáng tỏ là đệ nhị nguyệt; Diệu tâm sáng tỏ là đệ nhất nguyệt; nói là nói như thế thôi ... gượng ép, gán ghép để nói thôi. Tức là nhìn thấy mặt trăng ở dưới mặt hồ, thì nói đó là mặt trăng thứ nhì; còn mặt trăng trên trời là mặt trăng thứ nhất. Nhưng thực sự ra có phải cái nào thứ nhất, cái nào thứ nhì đâu; có chơn mới có vọng, có vọng mới có chơn; chấp chơn - chấp vọng ấy là CHẤP, mà hễ có CHẤP rồi thì trong kinh Kim Cang có nói đó là “Ung vô sở trụ”; trong kinh Vô Ngã Tướng nói vô ngã tướng - có nghĩa là cái tướng có như vậy, cái tướng biểu hiện, bày hiện ra như vậy nhưng mà thực sự cái ngã không có; đều do duyên sanh, mà duyên sanh thì như HUYỀN; tức là tướng thấy như thế nhưng thực sự không phải như thế.

Đức Thế Tôn trị cái bệnh cho 5 anh em Kiều Trần Như; tại vì Khổ thì cứ nghĩ rằng nó có thực, sanh lão bệnh tử là có thực nhưng mà thực sự cái chữ Dukkha (Khổ) này trống rỗng; cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết bài pháp thứ nhì là VÔ NGÃ TƯỚNG, có tướng nhưng mà không có ngã, cái khổ là có tướng nhưng mà thực tánh của nó vốn là không; do

duyên sanh, mà duyên sanh như huyễn - Nói có cũng sai mà nói không cũng sai luôn.

Giống như người ảo thuật gia bày ra các đồ chơi, lấy cái nón rồi thò tay vào đó lấy ra con thỏ, cành hoa, đồng tiền, đồ chơi ... đủ thứ từ trong cái nón đó nhưng những thứ ấy thiện xảo mà thôi; làm gì có chuyện thò tay vào cái nón trống mà lấy ra con thỏ, con chó, con mèo hay đồng tiền ... vì nếu lấy ra được tiền thật thì người ảo thuật gia, họ tự làm tiền để xài, họ đâu cần phải đi làm ảo thuật, ai cũng biết như thế nhưng con mắt của chúng ta vẫn bị mờ. Thế thì con mắt của chúng ta là gì? Con mắt chỉ là cửa sổ, không có tác động gì hết cho nên nói cái TÁNH THẤY không nằm ở nơi con mắt, cũng không nằm ở nơi vật. Kiến Tính không nằm ở nơi vật, mà nếu nói rằng nó nằm ở nơi vật cũng sai hoặc nói rằng không nằm ở nơi vật cũng không được; phải nhận chân rõ cái điều này.

A Nan lại nói: “*Con dù biết Tánh Kiến này chẳng thể trả về nhưng làm sao biết là CHON TÁNH của con.*” Tại vì nếu nói “trả về” là có “cái chỗ và có cái” để được trả về; vậy nên nếu có “chỗ và cái” để được trả về, cái đấy là có Tướng, mà có Tướng - có Hình đều là không thực; các pháp hữu vi đều là duyên sanh; mà duyên sanh như Huyễn. Cho nên, nó không thực; cho nên cái mà được trả về sau khi dẹp trừ hết tất cả các vọng tưởng điên đảo rồi, nó trả về với Bản Thể Thanh Tịnh của nó; thì cái mà được trả về - chỗ được trả về đều là Tá Danh để mà nói thôi, chứ thực tế cũng không có.

Vì vậy mà ngài A Nan mới nói: “*Con dù biết Tánh kiến này chẳng thể trả về nhưng làm sao biết được là Chơn Tánh của con*”.

Đức Phật bảo: “*Nay Ta hỏi ngươi, nay ngươi chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật thấy được cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại; mà A-na-luật thấy cõi Ta bà như xem trái diêm-ma-la trong bàn tay. Các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi 10 phương Như Lai cùng tốt vô số quốc độ Phật, chẳng có chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh chỉ quá vài dặm. (Chúng sanh chỉ thấy vài dặm thôi, còn các vị Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi 10 phương, rồi ngài A-na-luật thấy cõi Ta Bà như trái diêm-ma-la trong lòng bàn tay, chẳng có gì lớn cả). Thế thì xem các hình tượng, sáng - tối, khắp hư không, dưới nước - trên bờ đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt; nay Ta cho ngươi phân biệt trong sự thấy (*tự nhiên nó phân biệt, nó không có chấp, không có ý phân biệt*). Xét xem cái nào là TỰ THỂ của TÁNH THẤY, cái nào là VẬT TƯỢNG. Tại vì cái tánh thấy nằm ở nơi vật tượng ly cách con người, con người trở thành gỗ đá hay sao? Mà nếu cái TÁNH THẤY nằm nơi con người thì vật tượng trở thành cái gì? Quán xét cùng khắp đủ các thứ ánh sáng đều là vật chứ chẳng phải là người; dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió lộng cho đến núi sông, đất đai, người, thú, cỏ lá ... đều là vật chứ chẳng phải người. A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt nhưng đều do KIẾN TÍNH trong sạch của người mà thấy. Tức là do cái sự thanh tịnh của ta nên ta mới*

nhìn thấy rõ ràng các vật ấy; có nghĩa là con mắt phải rõ - trung khu thị giác thần kinh phải hoạt động, rồi phải đầy đủ ánh sáng - nghĩa là phải đầy đủ các điều kiện, mới thấy rõ.

Vậy thì các loài vật có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác; ta thấy thì thấy thôi, còn các vật có lớn có nhỏ, có cao có thấp, đại khái là có nhiều hình tướng khác nhau. Nếu Kiến Tính là vật thì người cũng có thể thấy Kiến Tính của Ta. Nếu cùng thấy thì gọi là thấy Kiến Tính của Ta; lúc Ta chẳng thấy sao người không thấy chỗ chẳng thấy của Ta? (Vì nếu nói rằng Kiến Tính là vật: Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của Ta thì chẳng phải cái Tướng chẳng thấy. Nếu không thấy chỗ chẳng thấy của Ta thì Kiến Tính tức phi vật; tức là không có dính mắc tới cái vật, sao lại chẳng phải là người?). Cho nên nói rằng: Kiến Tính này theo vật hay theo ta cũng đều là KHÔNG đúng. Nếu Kiến Tính là vật thì vật cũng có tánh thấy; nếu người thấy vật thì vật cũng thấy người, rõ ràng là như thế. Thế - Tánh lẫn lộn thì người với Ta cùng với Thế gian này chẳng thể an lạc.

A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải Ta thấy, thì cái Tánh Thấy cùng khắp đó không phải là người thì là ai? Sao lại nghi CHON TÁNH của người, cho rằng chẳng Chon mà cầu sự thật nơi Ta; tức là cầu nơi duyên, cầu nơi cảnh trong khi Chon Tánh ấy là ở trong đó.

Nếu Kiến Tính này chẳng phải vật, vì nếu Kiến Tính là vật thì Kiến Tính của Ta, người cũng thấy được. Nhưng sự thật là: Kiến Tính của Ta, người không thể thấy; cái mà Ta

biết thì người không thể biết; cho nên, nó không thể cùng 1 cái. Nếu nói rằng Ta thấy - người thấy thì cùng thấy, sẽ thấy cái Kiến Tính của Ta. Vậy thì lúc Ta thấy, người đã thấy rồi; Ta chẳng thấy thì người cũng thấy cái chẳng thấy được chứ; mà sự thực không như thế. Nghĩa là cái mà Ta không thấy thì người phải biết là Ta không thấy; mà người cũng không biết luôn, thì sự thật không phải như thế. Nếu nói lúc thấy là dùng “cái thấy” để thấy; thì lúc chẳng thấy thì phải dùng “cái chẳng thấy” để thấy; gọi là thấy chỗ “chẳng thấy” của Ta, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái Tướng chẳng thấy kia. Nếu cái Tướng ấy chẳng thấy kia cho người thấy được, thì cái Tướng thấy ấy chẳng phải Tướng chẳng thấy. Vậy, cái biết rằng “cái chỗ chẳng biết” của Ta, người nhất định không thể thấy được. Lúc Ta chẳng thấy, người cũng không thấy được và lúc Ta thấy thì người cũng không thấy được. Thấy và chẳng thấy đều chẳng chỉ ra cái Kiến Tính; vậy Kiến Tính của Ta rõ ràng là phi vật; không dính mắc tới cái vật. Tại vì dính mắc tới cái vật thì khi Ta thấy - hoặc Ta không thấy, thì người cũng phải thấy. Thế thì Kiến Tính của Ta phi vật, Kiến Tính của người cũng là phi vật. Kiến Tính của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật và nếu đã chẳng thuộc nơi vật thì làm sao chẳng phải là của người.

Cho nên, dùng phương pháp gọi là “loại trừ”, loại trừ bớt đi thì là phần còn lại, đây chỉ là phương tiện để chỉ cho thấy cái TÁNH THẤY. Ngài Anan lại nói rằng: “*Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy này là con - chẳng phải ai khác, thì khi con và*

Như Lai trên cung điện của Tử Thiên Vương và cung trăng; thì Tánh Thấy này cùng khắp cõi Ta bà, khi lui về Tịnh xá thì thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường thì thấy hành lang. Tức là cái Tánh Thấy này không có giới hạn: Nhìn lên trời thì bạn thấy cả bầu trời, nhìn trong phòng thì thấy bàn ghế giường tủ, nhìn qua lỗ kim để xổ sợi chỉ thì chỉ thấy lỗ kim nhỏ chút xíu. Thế thì cái Tánh Thấy ấy có phải vì nó bao la như bầu trời, nhỏ hẹp như trong phòng hay là bé xíu như lỗ kim; cái Tánh Thấy đấy có thay đổi hay không? Nếu nói nó thay đổi thì cái Tánh Thấy ấy là theo vật, là theo cảnh - là do duyên sanh; mà duyên sanh thì như huyễn; tức là Tánh Thấy ấy không có thực sao? Mà nếu Tánh Thấy ấy không có thực thì nó đâu có thường trụ; như vậy là đi ngược lại tất cả những quy luật.

Cho nên, ngài A-Nan nói tiếp: *“Thế Tôn, tánh thấy như vậy, bản thể vốn cùng khắp cõi; nay ở trong phòng thì chỉ 1 phòng, vậy thì do cái Tánh Thấy rút lớn thành nhỏ hay do vách tường làm cho ngăn cách, mong Phật từ bi giảng rõ”*. Thật sự ngài A Nan chắc chắn là biết nhưng Ngài hỏi như thế là Ngài hỏi cho chúng ta đấy. Tại vì chúng ta bị điên đảo, cho nên Ngài hỏi để Đức Phật trả lời và để cho chúng ta nương theo đấy để biết được phần nào, để chúng ta tu học, nhìn thấy được cái chơn tánh của ta.

Đức Phật bảo ngài A-Nan: *Tất cả sự vật lớn - nhỏ, trong - ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần; chẳng nên nói là cái thấy có co giãn.* Nó lớn - nhỏ thì có cái tiền trần rồi,

tự như thể thôi; còn cái tánh thấy không có thay đổi, nếu nói là có co giãn là KHÔNG ĐÚNG. Ví như không khuôn vuông thấy có hư không vuông, Ta lại hỏi người: *Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định thì khi đặt vào khuôn tròn thì hư không chẳng thể tròn.* Tức là nó đang vuông, nếu đặt vào cái khuôn tròn thì là tròn; cho nên tùy thuận theo cái cảnh. Nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông; người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa A-Nan. Nếu muốn hiển bày chẳng có vuông - tròn, chỉ cần loại trừ cái khuôn; hư không vốn chẳng có hình thể vuông - tròn. Ý Thế Tôn nói chỉ cần loại bỏ cái khuôn vuông thôi, cái khuôn này là tượng trưng cho vọng thức, cái phân biệt, cái tâm điên đảo của ta, ta chấp trước mà nói rằng là vuông - là tròn; còn cái hư không là bản thể thanh tịnh, nó vốn là không có hình thể. Cho nên chớ nói rằng: Từ bỏ tướng vuông của hư không, chớ nên nói như thế vì cái khuôn vuông đâu có lệ thuộc vào cái BIẾT ấy. Khuôn vuông là ẩn dụ cho cái vọng thức, cái phân biệt thôi; còn cái hư không là ẩn dụ cho BẢN TÂM của chúng ta.

Đức Phật lại nói tiếp: *Cũng như người, khi vào phòng rút cái thấy nhỏ lại; vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy ra cho bằng mặt trời hay sao?* Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn ngại, vậy khi đục 1 lỗ nhỏ sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Đục 1 lỗ ở tường, rồi dòm qua thì nói rằng là nối liền cái bên trong với cái bên ngoài. Như

vậy là không đúng; tất cả chúng sanh từ vô thủy cho đến nay mê ta là vật, lạc mất bản tâm; tùy vật xoay chuyển nên thấy lớn - nhỏ. Tức là cái tâm của chúng ta lúc nào cũng phân duyên; tùy theo vật mà xoay chuyển cho nên ta tưởng là ta thấy có lớn - có nhỏ; mà thực sự ra cái bản tâm của ta vẫn như thế, không có thay đổi; cái tánh thấy - cái tánh nghe - tánh ngửi ... không có thay đổi. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm 10 phương quốc độ trên đầu 1 mây may lông.

Bạch Thế Tôn: Nếu Kiến Tính này là diệu tánh của con, thì diệu tánh ngay ở trước mắt, diệu tánh đã là con thì Thân - Tâm con lại là cái gì? Đức Phật nói rằng: Nếu nói Thân - Tâm chẳng phải Diệu Tánh, thì nay Thân - Tâm thật. Ngài Anan hỏi tiếp: Nếu mà nói rằng Thân - Tâm chẳng phải Diệu Tánh thì nay Thân - Tâm thật hay phân biệt sự vật. Nếu nói trước mắt đều là Diệu Tánh thì cái Kiến Tính kia sao chẳng phân biệt được thân con? Tại vì nếu nói nó nhìn thấy thì phải phân biệt được cái Thân chứ. Nếu nói Kiến Tính vô hình mà có Tự Thể đồng như vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự DIỆU kia thật là bản tâm của con thì phải cho con thấy ngay. Vậy Kiến Tính trước mắt là THẬT, còn THÂN này chẳng phải con; thế thì Kiến Tính kia đã ở ngoài Thân.

Ông ấy lại chấp nữa phải không? Chấp rằng nếu Kiến Tính ở ngoài, tức là nó thấy được cái thân, cái thân này chẳng phải là con tại vì con dính với cái Kiến Tính; như vậy cái Kiến Tính ở bên ngoài rồi, ở bên ngoài nhìn vào thì sao gọi

là Diệu Tánh của con được; có khác gì Như Lai trước kia đã gạn hỏi rằng: *Phật thấy được con thì mong rằng Phật từ bi khai ngộ; là Phật thấy được con hay con thấy được Phật.* Nghe xong, Đức Phật bảo ngài Anan: *Nay người nói Kiến Tính ở trước mặt người thì nghĩa này chẳng đúng; nếu thật ở trước mắt người mà người nhận thấy được thì Kiến Tính này đã có phương sở.* Tức là có cái chỗ, có nơi chốn; chẳng phải không chỉ ra được. Tức là phải biết nó ở chỗ nào; nếu nói nó có nơi chốn thì phải chỉ được trước mắt, sau lưng, trên trời, dưới đất hay đông tây nam bắc ... thì phải chỉ ra chứ; mà đâu chỉ ra được - cái Kiến Tính này không chỉ ra được.

Nay Ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ-đà xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng. Người hãy ở trước tòa sư tử của Ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy: chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, phong là hư không; cho đến cỏ cây, chỉ mảnh dù lớn dù nhỏ, hễ có hình tướng đều chỉ ra được. Nếu Kiến Tính thật trước mắt người thì người dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là Kiến Tính. Nghĩa là nếu chỉ được 1 vật nào có là Kiến Tính thì cái vật đó ở ngoài rồi; Kiến Tính không nằm trong thân, như vậy cái Thân và cái Kiến Tính không quan hệ gì với nhau. Đức Thế Tôn nói tiếp: *A Nan nên biết, nếu Kiến Tính là hư không thì cái nào là hư không? Nếu vật là Kiến Tính thì cái nào là vật? Người hãy ở trong vạn tượng phân tích kỹ càng cho Ta, xem cái Kiến Tính sáng tỏ ấy rõ ràng đồng như các vật, không được nhầm lẫn.*

Thực sự ra, Đức Thế Tôn muốn chỉ cho cái Tánh Biết: Nói rằng nếu hư không là Kiến Tính thì cái nào là Hư không?. Còn nói rằng vật là Kiến Tính thì cái nào là vật? Tại vì cái Biết là vật thì nó nằm ngoài chứ không nằm trong ta, thì làm sao ta nói là ta có cái biết ấy. Mà thực sự cái Diệu Tánh do cái Diệu Tâm mà phát hiện ra cả thế giới, vũ trụ. Ngài A Nan lại nói: *Nay con ở trong giảng đường này nhìn từ sông Hằng cho đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn; tay chỉ thì mắt nhìn những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải Kiến Tính. Điều này rõ ràng: nó là vật chứ chẳng phải Kiến Tính; tánh thấy không nằm trong ấy.*

Thế Tôn, như lời Phật vừa nói chẳng những hàng hữu học, sơ học, Thanh văn như chúng con cho đến Bồ Tát cũng chẳng nơi vạn tượng chỉ ra cái Kiến Tính, lia tất cả vật riêng có Tự tánh. Nói tóm tắt lại: Cái Kiến Tính này không thể lia cái vật được; tức là cái Tánh Biết khởi lên nhưng nói rằng tự nó có thì cũng không đúng; mà nói rằng nó theo vật - vật đó có Kiến Tính thì cũng không đúng luôn, tại vì đều có duyên sanh.

Cho nên ở chỗ này rút ra được 1 điều rất là quan trọng: bài trước nói Kiến Tính là Diệu Tâm; Kiến Tính là Diệu Minh; rồi bây giờ chúng ta lại nói Kiến Tính chẳng Vọng - chẳng Chon; tại sao thế? Tại vì Vọng - Chon là sự đối đãi: Nếu Kiến Tính mà rớt vào vọng - Kiến Tính rớt vào chon, có nghĩa là có sự chấp; mà hễ cái gì có chấp thì là đều là vướng mắc, ngã chấp - pháp chấp - kiến chấp, tất cả 3 thứ

này đều làm trở ngại trên con đường tu học. Tại vì, Ngã đều là không; ngã do tứ đại và ngũ uẩn, tứ đại là giai không, ngũ uẩn là vô chủ; đâu? mà nếu chúng ta chấp là chúng ta kẹt. Pháp cũng thế, vạn pháp do duyên sanh và kiến chấp, chấp rằng các pháp ấy có thực hoặc là chấp các pháp ấy không có thực, kể cả chấp là ta có cái hiểu biết là các pháp ấy là không thực thì đó cũng là kiến chấp.

Trong Đại Trí Độ Luận, cuộc đối thoại giữa ngài Phạm Chí Trường Trảo và Đức Thế Tôn, Ngài Phạm Chí Trường Trảo đến gặp Đức Thế Tôn đã hỏi “*Này Cồ đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*”; thì Đức Thế Tôn hỏi lại “*Nhưng mà kẻ ấy có THỌ cái kiến chấp là ta không thọ các pháp ấy không?*”. Có nghĩa là sao bạn? Ngài Phạm Chí Trường Trảo tới hỏi rằng: “*Nếu có 1 người mà họ không thọ các pháp - tức là thấy các pháp thực tướng như vậy mà không vướng mắc thì sao?*” Thì Đức Thế Tôn hỏi lại: “*Nhưng mà người đó có cái kiến chấp là ta không thọ các pháp ấy hay không?*” Kiến chấp rất là quan trọng; nếu ta có cái kiến chấp là ta không thọ các pháp, thì pháp không thọ ấy là pháp hữu vi. Tại vì, nó có cái tên là “không thọ” nhưng mà thực sự ra là đã thọ - thọ cái kiến chấp là ta “không thọ” - ngay chỗ này là rớt vào VỌNG TƯỚNG điên đảo rồi; tại vì chấp nên mới có vọng tưởng điên đảo; cho nên, bởi vì chấp nên mới có Vọng, nên mới có Chơn; chỗ nào có Vọng thì mới có Chơn để so sánh; còn chỗ đã không vọng thì lấy gì là Chơn. Nếu đã không Vọng thì lấy là Chơn. Cho nên,

ngài Anan mới nói: *Nay con ở trong giảng đường này nhìn ra sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, từ nơi tay chỉ mắt nhìn chỉ thấy những gì là vật chứ chẳng phải Kiến Tính. Đức Phật nói: Đúng thế...đúng thế.*

Đức Phật lại bảo: *Như lời người nói, chẳng có Kiến Tính là tất cả các vật riêng có tự tánh; vậy thì trong các vật mà người chỉ thì chẳng có cái nào là Kiến Tính. Nay Ta lại bảo cho Người: Người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ-đà xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ hình tướng sai biệt; nhất định CHẴNG CÓ KIẾN TÍNH cho người chỉ. Người hãy phát minh ra nơi những vật kể tên ra cái nào chẳng phải Kiến Tính. Hồi nãy nói rằng: Các vật ấy không phải là Kiến Tính, tại vì không đúng. Nếu nó là Kiến Tính thì phải thấy được ta, là ta ra thì cái Tánh Biết nó vẫn có; nhưng mà thật sự không phải vậy. Bởi vì nếu mà không có ta thì cái tánh biết không có, cho nên nói rằng các vật ấy có Kiến Tính là sai. Thế thì bây giờ, Đức Phật mới hỏi ngược lại để giúp cho ngài A Nan nhận chân ra cái chân lý: *Vậy thì người hãy chỉ cho Ta những vật đó, cái nào không phải là Kiến Tính. Ngài A Nan đáp: Con xem trong khắp rừng Kỳ-đà, thật chẳng biết trong đó cái nào là Kiến Tính. Tại sao? Nếu cây chẳng phải Kiến Tính thì tại sao lại thấy cây; nếu cây là Kiến Tính thì chẳng nên gọi là cây vì nếu có tánh biết thì chẳng nên gọi là cây. Như vậy cho đến hư không không phải là Kiến Tính thì tại sao lại thấy hư không; nếu hư không là Kiến Tính thì chẳng nên gọi là hư không. Cho nên, tất cả đều chỉ là**

PHƯƠNG TIỆN, tá danh mà gọi như thế thôi, vì vậy nên Đức Phật mới nói: Đúng thế...đúng thế.

Bấy giờ những người chưa tới bậc Vô học trong chúng, nghe Đức Thế Tôn nói như vậy ngơ ngác, chẳng hiểu đầu đuôi nên cảm thấy lo lắng, run sợ. Như Lai biết họ băn khoăn nên mới nói: *Các thiện nam tử, lời chân thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối, chẳng vọng, như sở như thuyết; chẳng phải 4 thứ tà thuyết càng loạn bất tử của bọn Mạc-già-lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên mất lòng tự tin.* Tại sao các vị ấy lại ngơ ngác, chẳng biết đầu đuôi của cái nghĩa này: Vì trước nói là: Kiến Tính chẳng phải vật; sau lại nói Kiến Tính đều là vật. Trước nói Kiến Tính là diệu tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra nên ngơ ngác không hiểu làm sao hết. Phật thuyết chơn nghĩa - tức là nghĩa chung với Nhị Thừa, có sanh tử để diệt, có Niết-bàn để chứng; nói là “Như sở như thuyết” - mượn phương tiện để nói thôi. Nói sanh-tử là nói có sanh - có diệt; nói có Niết-bàn để chứng nhưng mà thật ngữ là nghĩa Đại Thừa: Sanh - Tử - Niết-bàn đều như là hoa đóm trên hư không; ngôn ngữ là mượn phương tiện thôi chứ không có thật; cái chơn nghĩa của nó không nằm trong chữ, không nằm trong văn tự; cho nên nhìn theo văn tự để tìm ra cái chơn nghĩa của nó. “Như ngữ là nghĩa chẳng chung với Tam Thừa. Trí tuệ thì chẳng thể suy lường”; lời nói không thể diễn tả được hết tất cả các điều mà trí tuệ có thể nói được, cho nên chỉ mượn phương tiện.

Các pháp của Đức Thế Tôn giống như là thuốc để trị bệnh và Đức Thế Tôn rất là từ bi và thiện xảo: Từ bi cho nên Ngài độ hết tất cả mọi người; trị hết tất cả các thứ bệnh và thiện xảo - tức là cho thuốc đúng bệnh; bệnh nào thì cho thuốc này; người tham thì đối trị bằng bố thí; cho nên tùy theo căn cơ. Cũng Tứ Diệu Đế: Khi giảng cho 5 anh em ngài Kiều Trần Như thì Đức Phật thuyết như Pháp. Ngài nói Khổ như thế này - Tập như thế này - Diệt như thế này và Đạo như thế này này; nhưng với cô bé 8 tuổi thì ở trong kinh có nói thì Đức Phật lại thuyết khác; Ngài không thuyết giống như đã thuyết cho 5 anh em của ngài Kiều Trần Như; những người đã tu học lâu năm, đã dành một thời gian dài để suy ngẫm về những cái ấy cho nên khi nghe Phật giảng thì ngộ ngay. Nhưng thật sự ra, 5 vị này khi Đức Phật thuyết dạy về Tứ Diệu Đế thì vẫn chưa hiểu rõ được chân lý Tứ đế này; mãi cho đến 15 ngày sau, Đức Phật quán thấy tâm của 5 vị này đã an ổn thì Ngài mới tiếp tục thuyết bài Pháp thứ 2 là bài kinh Vô Ngã Tướng do duyên sanh mà có cái tướng như thế thôi và sau bài pháp thứ 2 này thì 5 anh em ngài Kiều Trần Như mới bước vào dòng Thánh. Đức Phật phương tiện, thiện xảo, những lời nói của Ngài là sự thật, Ngài chẳng dấu gì cả, giống như bàn tay được mở ra hết vậy; nhưng tùy người để cho thuốc. Cho nên những chữ gọi là Vọng - Chon, chẳng qua chỉ là phương tiện để chỉ cho bản thể thanh tịnh; tức là bản tâm của ta.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Nếu mà tâm dục của ta không còn ham muốn, mà người khác lại muốn; ví dụ như ông xã muốn mà ta không muốn, miễn cưỡng phục vụ trong cái không cảm thọ ấy và ta không cảm nhận, thì có phải ta đồng lõa sự ham muốn đó hay không?

Trả lời: Thế thì chỗ này CẢM THỌ mới là quan trọng, còn cái ở trong xác thì nó không quan trọng đâu. Ví như câu chuyện của ngài Liên Hoa Sắc - đã chứng đắc A La Hán nhưng bị cưỡng dâm. Sau khi sự việc xảy ra, ngài mới đem chuyện bạch với Đức Thế Tôn: Vì theo như lời của Phật dạy về Tứ trọng - ai phạm giới sẽ không được ở chung cùng với Tăng Đoàn nên ngài thưa rằng: *Con đã bị cưỡng dâm, như vậy thì con có bị phạm giới hay không?* Đức Thế Tôn hỏi lại ngài Liên Hoa Sắc: *Thế lúc ấy con có cảm thọ hay không?* Ngài đáp: *Dạ không có cảm thọ. Lúc ấy con cảm thấy như 1 thoi sắt đun nóng trong người, con như bị nóng cháy.* Nghe thế, Đức Thế Tôn nói: *Thế thì, nếu con không cảm thọ thì không có tội.*

Có nghĩa là sao bạn? Mọi chuyện đều do cảm thọ; thọ lạc - thọ khổ đều do cảm thọ; mà hễ có cảm thọ thì sinh tử luân hồi. Tại vì trong cảm thọ có cái NGÃ - ÁI NGÃ và từ nơi ấy thì Thập Nhị Nhân Duyên xoay vần. Tuy nhiên, là người tu mà cứ tiếp tục hành trì thì những chuyện ấy là huân tập. Huân tập tức là nghiệp, nghiệp là hành động có tác ý, được lặp đi lặp lại nhiều lần ... và chúng ta là chủ, là người thừa tự của

NGHIỆP và nghiệp dẫn chúng ta tới sanh tử luân hồi; nghiệp đi theo ta tới chân trời góc biển. Vì vậy, nếu bạn muốn thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì bạn phải bỏ cái NGHIỆP đi thôi, dứt bặt cái nghiệp.

Nếu bạn tiếp tục làm thì coi như bạn tiếp tục gieo cỏ ở trên mảnh đất tâm và một ngày nào đó trong vườn TÂM của ta chỉ toàn là cỏ dại. Mặc dù ta nói rằng là ta không ham muốn, mà vẫn phải phục vụ thì ta không thể tránh được cái sự huân tập và sự huân tập này là cái nghiệp; nghiệp này dẫn chúng ta vào trong sanh tử luân hồi. Nếu ta muốn thực sự tu học, thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì chẳng còn cách nào khác hơn là DỨT BỎ. (1) Ta chọn duyên tình; (2) Ta chọn sanh tử; chọn (1) hay (2) thì cũng chẳng sao cả. Nếu biết kiếp này là hệ trọng, chỉ còn 1 con đường để đi ra khỏi sanh tử luân hồi thì ta không tạo ra nghiệp nữa; vì nghiệp là hành động có tác ý, được huân tập, lặp đi lặp lại nhiều lần thì đương nhiên nó trở thành nghiệp và nghiệp này dẫn chúng ta đi trong sanh tử luân hồi; nghiệp theo ta tới chân trời góc biển.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.



BÀI 13: NGŨ ẤM VÔ SANH

Có câu chuyện của 1 vị Thiền sư trên vai gánh đầy kinh Kim Cang, đi lên núi gặp 1 vị Tổ; khi đến chân núi thì gặp 1 bà lão bán bánh, nước cho khách bộ hành qua lại nơi đây. Vị Thiền sư này mới ghé vào quán và nói: *“Bà ơi, cho tôi ít điểm tâm và nước để tôi dùng trước khi tiếp tục lên núi đánh lễ Tổ”*. Bà lão chủ quán thấy vị này gánh 1 gánh kinh đầy, bèn hỏi: *“Ông gánh gì trong ấy mà nặng thế?”* Vị Thiền sư đáp: *“Tôi gánh kinh Kim Cang”* (do vị này thường đọc tụng kinh Kim Cang nên đi đâu cũng gánh theo kinh).

Nghe vậy, bà lão nói: *“Nếu ông đáp được câu hỏi này của tôi, tôi xin cúng dường bữa điểm tâm, trà nước cho ông. Ngược lại, xin phép tôi sẽ không bán thứ gì cho ông cả”*. Vị Thiền sư này đồng ý với bà lão.

Bà lão hỏi: *“Tâm quá khứ thì đã qua, tâm tương lai thì chưa tới, tâm hiện tại thì không dừng; chỉ cần mở miệng ra nói thì câu nói ấy đã trở thành quá khứ. Vậy thì trụ vào đâu ông muốn điểm cái tâm nào?”* Vì không đáp được câu hỏi của bà lão nên vị Thiền sư đành chịu đói và tiếp tục leo lên núi để đánh lễ Tổ.

Như bà lão nói: *“Tâm quá khứ thì đã qua, tâm tương lai thì chưa tới, tâm hiện tại thì không dừng; vậy phải điểm cái tâm nào?”* Ý này nói cái gì đây? Nếu nói rằng có cái tâm thì cái ấy có hình, có tướng hay sao? Và nếu có quá khứ, hiện

tại, vị lai thì cái ấy có không gian và thời gian. Mà nếu có không gian, thời gian thì cái ấy là pháp hữu vi. Giống như vậy, nếu cái tâm mà thấy được các pháp hữu vi thì tâm ấy cũng là tâm hữu vi.

Ngài Thần Quang trong lúc giảng kinh Pháp Hoa thì hoa sen nở mùa đông, chư Thiên rải hoa cúng dường. Thế mà, khi Tô Đạt Ma tới hỏi: *“Kinh của ông giảng có thoát ra khỏi sanh tử luân hồi không?”* Ngài Thần Quang đáp: *“Pháp của ta là Pháp Phật, làm sao mà không thoát ra khỏi luân tử luân hồi”*.

Có rất nhiều vị chư Tôn Đức của các tôn giáo cũng đều nói là: Những lời của Thượng đế, lời của Chư Phật ghi chép lại đều là vi diệu; chỉ cần đọc như thế thôi là có thể thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Tô Đạt Ma mới hỏi ngài Thần Quang: *“Chữ viết ở trong kinh (tức là văn tự) mà văn tự là hữu vi, trong khi đó sanh tử là vô vi; vậy thì ông làm sao có thể lấy cái hữu vi để giải quyết cái chuyện vô vi được? Chuyện này không bao giờ có thể làm được”*. Nghe tới đây, ngài Thần Quang lập tức nổi sân lên, liền cầm râu chuỗi quất vào mặt Tô Đạt Ma làm gãy 2 cái răng.

Chúng tôi biết rằng bạn là những người thích nghe những chuyện kiểu “giống như mì ăn liền”, như chỉ cần tụng 1 câu kinh, 1 cái bắt ấn, 1 câu chú thôi có thể là “Hoạt nhiên đại ngộ” để được chứng đắc A La Hán. Cho nên, khi chúng tôi nói đến những chuyện khó hiểu, những chuyện phải công phu hay như chuyện phải quỳ gối 3 ngày 3 đêm dưới tuyết

sương như ngài Huệ Khả để chờ Tổ Đạt Ma đoái hoài, thì chắc e rằng sẽ không bao giờ có được chuyện này; nhất là trong thời buổi này.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã nói với Ngài A Nan: *“Nếu không nhìn thấy được cái tánh thì người tu chỉ được 1 chút phước hữu lậu mà mong ra khỏi sanh tử luân hồi thì không bao giờ có; giống như lấy cát, sỏi mà mong nấu thành cơm”* (lấy cát sỏi nấu lên thì chỉ có cát sỏi nóng lên thôi, chứ không thể nào thành cơm được).

Thế thì chúng ta học hết 25 cửa, 25 con đường có 1 cánh cửa để vào; 25 con đường mà không có cửa; và cuối cùng 25 con đường này chỉ là tá danh để mà nói chứ cũng không phải là con đường nào. Kinh điển nói khác là: *“Giáo lý của Đức Từ Phụ giống như bè qua sông, hành giả khi đã qua sông rồi, Chánh pháp còn phải bỏ hà huống gì là phi pháp”*.

Nghĩa là có 1 con sông - sông này là sông mê. Nếu hành giả bước lên bè thì cố gắng chèo từ bờ bên đây qua tới bờ bên kia. Bờ bên đây là bờ mê, bờ bên kia là bờ giác ngộ, giải thoát. Nhưng tại sao trong chùa lại có câu *“Hỏi đầu bỉ ngạn đáo, quay đầu là thấy bờ”*. Tại sao nói cần chèo đò qua sông mê mà sông mê dài thăm thẳm, nhìn không thấy bờ bên ở đâu, chèo cật lực mà vẫn chưa qua được. Vậy câu *“Hỏi đầu bỉ ngạn đáo, quay đầu là thấy bờ”* ở trong chùa đúng hay trong kinh đúng?

Trong Kinh có câu chuyện của Ngài Vô Não (Angulimala): Vì mê mờ nghe theo lời thầy nếu giết người lấy được 1000 cặp lỗ tai thì sẽ được dạy phép thần thông để chứng đắc. Ngài này đã tìm giết và lấy được 999 cặp lỗ tai người đeo ở trước ngực ta rồi; giờ chỉ còn thiếu 1 cặp nữa thôi. Tuy nhiên, tìm hoài vẫn chưa tìm đủ, bèn khởi niệm lên *“Thôi, hay là ta về nhà giết thêm mẹ ta nữa là đủ số 1000 cặp lỗ tai người như lời thầy yêu cầu để được dạy thần thông, được chứng đắc”*.

Kinh điển chỉ là ẩn dụ, chứ không phải là giết mẹ thật đâu? Đức Thế Tôn từ bi, Ngài quán chiếu biết được nhân duyên của ngài Vô Não (Angulimala) sắp chứng đắc; cần được Đức Phật giúp đỡ thì may ra Ngài ấy có thể nhìn rõ được chân tướng của các pháp; cho nên Đức Phật thị hiện trước mặt ngài Vô Não. Lúc này Ngài ấy mừng lắm vì nghĩ ta tính về nhà giết mẹ mà nay gặp ngài Cồ Đàm ở đây rồi. Ta mượn 2 lỗ tai của ngài Cồ Đàm thôi. Vì Đức Thế Tôn thị hiện thần thông, Ngài đi rất thong dong mà ông Vô Não không thể nào bắt kịp được, rượt mãi cũng không bắt được. Cuối cùng, ông la lên: *“Này Ngài Cồ Đàm, ông hãy dừng lại, đứng lại ta chỉ cần lấy thêm 2 lỗ tai của ông nữa là ta đủ rồi”*. Ngay lúc đó, Đức Phật quay lại đáp: *“Ta đã dừng lại từ lâu”*.

Thế thì Vô Não tượng trưng cho cái gì? Vô Não tượng trưng cho cái đam mê. Và cái mê này nằm ở đâu? Có phải là tâm mê, tâm ma không? Nếu nói là tâm mê, tâm ma thì đúng,

nhưng nó ở đâu mà ra? Nó từ ngũ uẩn. Vì ngũ uẩn mà mê mờ, không thấy được chân lý.

Ngài Cồ Đàm tượng trưng cho tánh giác, tức là sự sáng suốt, sáng tỏ của chân tâm thường trụ. Khi cái tâm bị ngũ uẩn che mờ, cho nên không thấy được chân tâm thường trụ. Thế rồi, khi Đức Từ Phụ nói: “Ta đã dừng lại từ lâu”, ý nói điều gì, có ý nghĩa gì trong câu nói này? Có phải nói Đức Từ Phụ đứng lại để cho ông Vô Nã rượt kịp theo hay không? Đức Từ Phụ nói: “Ta đã dừng lại từ lâu” có nghĩa là ở trong Đức Từ Phụ, cái chánh đẳng chánh giác, ở nơi ấy 1 niệm không sanh; tức là các tư tưởng, vọng niệm đều đã ngừng bật, đều đứng lại hết rồi; thì ngay ở chỗ ấy mới thể hiện cái chân tâm thường trụ. Nghĩa là đi đứng nằm ngồi đều có chân tâm thường trụ.

Như Đức Từ Phụ trong suốt 45 năm đi hoằng Pháp; Ngài rất thiện xảo cũng chỗ ấy thôi: Nghĩa là Ngài nói làm sao, làm như thế nào, chỉ như thế nào để cho người nghe, người thọ nhận lập tức thấy được cái tâm của ta để đi vào dòng Thánh. Đó là điều quan trọng nhất, còn văn tự chỉ là văn tự thôi. Nếu ai chấp vào văn tự thì vị ấy có thể đi vào thư viện đọc sách, đọc mãi, đọc hết kiếp này cũng không bao giờ hết.

Tuy nhiên, những lời trong kinh điển là cái gì? Như lời của 1 vị Thiên sư, xin hãy cẩn thận kéo đó là: “*Nhai lại đờm dãi của Tổ sư*”. Tức là cứ nghe như vậy và nói lại như 1 con két mà không hiểu đó là gì. Trường hợp nếu ta nói mà ta không hiểu mà cứ lặp đi lặp lại thì cũng giống như cái máy

cassette mà thôi. Điều quan trọng là ngay giờ phút đó, hiểu ra cái chân tâm của ta. Nếu nói diệu tâm là sự biến hóa của chân tâm thì cũng đúng hoặc nói diệu tâm là diệu tâm; chân tâm là chân tâm cũng đúng luôn. Bây giờ chúng ta cứ tá danh mà nói thôi. Nếu bạn chấp vào ý nghĩa, chấp theo lời là lỗi của bạn.

Chân tâm từ đâu mà có? Nếu nói là có 1 cái chân tâm thì cái chân tâm ấy phải có chỗ nào để mà nhìn thấy; xuất xứ từ đâu, ai có, ai không? Nếu nói rằng vạn pháp do duyên sanh; vạn pháp đều có “Kiến Tính” thì có nghĩa là cây cỏ cũng thấy được hay sao? Kiến Tính không nằm ở cây cỏ; tại vì nếu Kiến Tính nằm ở cây cỏ thì không nằm ở nơi người. Nếu không nằm ở nơi người thì người là gỗ đá; mà đã là gỗ đá thì không thể thấy cái Kiến Tính ấy; mà nếu không thấy được cái Kiến Tính ấy thì làm sao có kiến tính để tu.

Thế thì có nghĩa là giữa vật, người, ánh sáng, và các điều kiện môi trường để cho thấy được vật ấy. Ví dụ như tánh thấy này nằm ở chỗ nào, ai có cái tánh thấy ấy? Vật có? Ánh sáng có? Hay môi trường có? Cái đèn có? Ví như việc bạn bước vào 1 căn phòng tối, rồi bật đèn lên thì lập tức bạn thấy được quang cảnh trong căn phòng ấy: bàn ghế, giường tủ, vật dụng trong phòng ấy. Vậy thì đèn sáng hay con mắt sáng; hay bàn ghế, giường tủ sáng ... Những điều này đều sai phải không bạn? Mà tất cả cũng đều đúng hết phải không bạn?

Không có chuyện đúng - sai ở đây. Chúng ta đều biết rằng tất cả các pháp chỉ là phương tiện, văn tự chỉ là phương tiện.

Nếu ai chấp vào văn tự thì người ấy bị lạc vào trong rừng, không thể nào thoát ra khỏi. Vì rừng ấy là rừng trí tuệ, ngục tù trí tuệ, tự bày ra rồi chui vào đấy, không bao giờ thoát ra khỏi. Giống như khuôn, chân tâm giống như là không gian. Bạn ra nhìn ngoài trời thì bạn thấy từ đông sang tây, từ nam sang bắc; bạn thấy hết tất cả các tinh tú trên bầu trời, thấy hết các dãy ngân hà. Ngược lại, khi bước vào căn phòng thì không gian bị thu hẹp lại, khi ấy bạn chỉ thấy bàn ghế, giường tủ; rồi bạn lấy cây kim và muốn xỏ chỉ qua lỗ kim thì lúc này bạn cũng nhìn thấy lỗ kim, nhìn thấy sợi chỉ. Thế thì, cái tánh thấy của bạn có lệ thuộc nơi không gian bên ngoài không, tức là bầu trời, là cái nhà hay cái lỗ kim không?

Chẳng lẽ nào cái tánh thấy của bạn lúc nhìn bầu trời thì to rộng như thế; đến lúc nhìn cái lỗ kim thì cái tánh thấy lại nhỏ xíu như lỗ kim? Nếu không phải thế thì nó ở chỗ nào, chẳng lẽ cái tánh thấy của ta bị xô dịch, biến dịch hay sao. Mà những cái gì bị xô dịch, bị biến dịch là vô thường. Như vậy thì cái tánh thấy, cái tánh nghe là cái chân tâm thường trụ của ta là vô thường hay sao? Nếu là vô thường thì lấy cái gì để tu? Không lẽ chúng ta tu cái vô thường? Tu là tìm lại cái chân tâm thường trụ, cái mà hằng có, cái không mất, cái không sanh không diệt.

Chúng ta đã học qua ngũ uẩn là không diệt rồi; trong bài này chúng ta học ngũ uẩn không sanh. Tại sao thế, nếu nói rằng không sanh tại sao lại hiện tướng ra? Ở trong kinh Thủ

Lãng Nghiêm có 1 câu như thế này: “Sao lại nói rằng ngũ ấm lại là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh chân như”?

Tất cả chỉ là phương tiện mà nếu bạn chấp vào đấy thì bạn bị kẹt, bị chìm thối; giống như người thợ lặn khi lặn xuống thì mục đích là tìm ở dưới đáy đại dương có những gì ở dưới đó không; nhưng khi xuống đó thì bạn lại lập tức coi phương tiện là cứu cánh nên bạn bị kẹt.

Giống như ngài Huyền Giác, sau khi tu học một thời gian rồi nhưng không biết ta có tu đúng, hiểu đúng hay không; cho nên Ngài đã tìm đến Tổ Huệ Năng để hỏi những điều hiểu như vậy có đúng hay không. Nói chung, người nào cũng có học hỏi hết; người này học điếm hay, điếm đúng của người kia và người kia học hỏi điếm hay, điếm đúng của người này; chúng ta ai cũng có những điếm hay, điếm đúng của ta và nếu tự cho rằng ta hay, ta giỏi hơn người khác, thấy có ta thì khi ấy cái ngã - ngã sở phát khởi; khi ấy xem như ta chết, tự mở cửa địa ngục.

Vì sắc, thanh, hương, vị, xúc chính là địa ngục mà; ái chấp, Ái là ở cái chỗ chấp, chấp là có ngã, chấp là ta hiểu biết nhiều. Đức Phật cũng nói, tất cả những gì của Đức Thế Tôn nói thì đừng có bắt chước, hãy tự tìm cho ta 1 con đường mà đi. “*Các ông hãy tự thấp đuốc mà đi*”, có nghĩa là nương theo cái đuốc của Đức Từ Phụ để tìm con đường cho ta đi.

Tại sao thế? Tại vì Đức Phật là Đức Phật, Ngài đã tu từ vô lượng kiếp rồi; trong cách của Ngài tìm ra được 2 vị Thiên

sur và học đến được bát thiên rồi mà Ngài cũng buông bỏ; còn chúng ta thì khác, chúng ta có cái duyên đó không, thưa bạn? Chắc chắn là không, cho nên nếu chúng ta cố gắng bắt chước theo Đức Từ Phụ để học, đi theo những bước của Ngài thì bạn sẽ rớt.

Tức là, bạn phải nương theo lời dạy của Đức Từ Phụ để tìm ra con đường riêng của bạn; không ai giống ai hết và nhiều khi bạn tìm ra con đường của bạn. Trong kinh Đức Thế Tôn cũng đã nói: *“Hãy tự thấp đuốc mà đi, hãy tự ta là hải đảo tự thân”*, nghĩa là tự ta quay về quán chiếu nơi cái tâm của ta tìm ra được con đường để ta đi.

25 vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn khi đã chứng đắc A-La-Hán thì Đức Thế Tôn hỏi 25 vị ấy: Bằng cách nào các ông chứng đắc thì 25 vị ấy đều nói cách chứng đắc của ta, mỗi vị chứng đắc bằng một cách khác nhau nhưng cuối cùng 25 vị ấy đều chứng đắc A La Hán. Cho nên, chúng ta phải biết cần tự ta thấp đuốc mà đi; nghe Đức Thế Tôn nói *“Hãy tự quán chiếu lại cái tâm, 01 niệm sanh ta biết nó sanh, 01 niệm diệt ta biết nó diệt”* thì phải nương theo đó để hiểu.

Cái tâm là gì, niệm là gì, quán chiếu ra sao; quán là gì, chiếu là sao? Rồi khi hiểu được những điều ấy rồi bạn hành trì theo cách riêng của ta; có nhiều khi đi qua sông rồi thì cần bỏ lại bè vì một khi đã tới bờ bên kia rồi mà cứ tiếp tục đi thì không được; đã thấy được cái tánh rồi thì cứ tự tu thôi.

Như câu chuyện của 1 ông Thiền sư đến gặp Tổ hỏi: “*Có Phật không?*”. Tổ đáp: “*Có Phật*”, nghe thế ông xách hành lý đến 1 góc núi tu, không thêm tu với Tổ nữa và nghĩ “*có Phật ... có Phật*”. Đến 03 năm sau, Tổ ngồi thiền quán chiếu thấy rằng đạo hạnh của vị Thiền sư kia cũng đã khá rồi. Tuy nhiên, Tổ vẫn muốn thử và kêu 1 người đệ tử đến nói với vị ấy rằng: “*Lúc xưa Tổ dạy rằng có Phật, bây giờ Tổ dạy là không có Phật*”. Thế rồi, ông Thiền sư ấy nói “*Tôi bây giờ chỉ biết có Phật, còn Tổ nói không có Phật thì đó là chuyện của Tổ, không dính líu gì đến việc tu học của tôi*”.

Nghĩa là, một khi bạn đã tìm được con đường đi của chính bạn rồi thì phải cương quyết đi theo con đường ấy, đi tới cùng, không thể nào chệnh mảng được, không thể nào hôm nay học Thiền, ngày mai Tịnh, rồi ngày mốt học Mật. Điều này thật là vô ích, bạn cứ chạy lòng vòng, loanh quanh giống như câu chuyện anh chàng Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa vậy: Có viên ngọc ở trong chéo áo mà không biết nên cứ đi ăn xin. Nó không có ích lợi gì hết trong con đường tu học.

Vì chạy theo ngũ âm - sắc âm ví như con mắt khi không bệnh nhìn hư không trống rỗng. Nhưng nếu con mắt ấy ngó hoài một chỗ thì sẽ mỏi, nhìn mà không chớp mắt thì lại càng mỏi; mà nếu nhìn càng lâu nữa thì mắt sẽ bị hoa mắt, có những lốm đốm, hoa đốm trong mắt? Những lốm đốm, hoa đốm ấy từ đâu mà ra? Có phải từ con mắt sinh ra, từ không gian sinh ra hay từ ánh sáng mà có khi ta cứ nhìn vào 1 chỗ

không chớp mắt thì bị xuất hiện những hoa đốm xanh đỏ này?

Những lốm đốm, hoa đốm này không từ hư không mà cũng chẳng từ mắt. Nếu mà hư không chẳng phải là hư không thì không thể dung nạp tương hoa đốm sanh - diệt ở trong ấy; giống như thế Đức Thế Tôn nói: *“Thân thể A Nan cũng không thể dung nạp thêm 1 cái A Nan khác nữa. Chỉ có duy nhất 1 A Nan mà thôi”*. Còn nếu hoa đốm từ con mắt mở ra, được sinh ra từ mắt thì hoa đốm này phải quay lại con mắt được chứ nhưng thật sự không phải như vậy. Nếu từ mắt ra thì phải có tánh thấy, mà có tánh thấy thì khi xoay về thì ắt phải thấy con mắt. Nếu chẳng có tánh thấy thì đã ra thì che mờ hư không và khi về thì phải che mờ con mắt, lại nữa khi thấy hoa đốm lẽ nào mắt phải không mờ. Vậy sao phải thấy hư không sáng sửa mới là gọi là con mắt trong sạch mà thật sự ra hoa đốm là hoa đốm, con mắt là con mắt; có dính dáng gì với nhau không?

Cho nên, Đức Thế Tôn nói rằng *“Nên biết sắc ám là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên”*. Tự nhiên tức là nó đã có nhưng không phải thế; mà cũng không phải nhân duyên nữa, cũng không phải do mắt, do chân không hay do ánh sáng mà có hoa đốm. Giống như người làm ảo thuật, huyền sư huyền sự bày ra thế nhưng mà không có thực.

Cũng như vô minh vô ngã mới nói có 8 vạn bốn ngàn pháp môn thì chúng ta lại chấp vào văn tự. Mục đích cuối cùng

của chúng ta là quay lại nhìn thấy được cái tâm của ta. Điều này mới là quan trọng, cho nên có khi nói có, có khi nói không, có khi cố tình nói sai để bạn phải thắc mắc, mà nếu bạn cứ chấp cứng nhắc vào đấy thì đó là lỗi của bạn. Ở Ấn Độ, người ta thường dùng con số “8 vạn bốn ngàn pháp môn - 8,400” để tượng trưng, nói đến một cái gì nhiều vô số, không đong đo đếm được. Đó là phong tục tập quán của người Ấn, cho nên bạn đừng chấp vào con số ấy mà bị mắc kẹt.

Thọ ấm cũng thế, thọ ấm cũng là vô sanh. Ví như người chân tay khỏe mạnh, thân thể điều hòa mà quên hẳn sự thuận - nghịch, người ấy vô có xoa 2 bàn tay lại với nhau. Có khi nào bạn xoa 2 bàn tay ta lại với nhau, rồi thấy 2 bàn tay ta trơn hay rít, lạnh hay nóng. Tức là thọ ấm phải không? Thế thì những xúc giác huyền hóa này từ hư không ra hay là từ bàn tay mà có? Cảm giác trơn - rít, nóng - lạnh là từ hư không hay từ bàn tay của bạn? Nếu từ hư không ra: Nếu đã tiếp xúc với bàn tay sao chẳng tiếp xúc với thân thể, vì nếu từ hư không thì sao không dính tới thân thể, tới đầu, mắt mũi, da mà chỉ dính tới 2 bàn tay thôi ... chẳng lẽ hư không biết lựa chọn chỗ trên thân thể chúng ta để tiếp xúc ư? Còn nếu từ 2 bàn tay ra thì chẳng cần đợi 2 bàn tay hợp lại mới có xúc giác vì nó đã hiện hữu sẵn rồi. Hai bàn tay hợp lại là biết có xúc giác, lúc 2 tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào vì nếu 2 bàn tay mà chạm lại thì xúc giác chạy ra, khi 2 bàn tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào. Vậy thì xương tủy, cánh tay phải

biết được dấu tích khi xúc giác đi vào. Nếu có tâm biết ra - biết vào thì phải có 1 vật đi lại trong thân đầu cần 2 bàn tay hợp lại mới gọi là tiếp xúc. Bởi vậy cho nên phải biết thọ ấm là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên - cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Tức là, nó không phải là bản thể mà cũng không phải do duyên, không phải tánh do nhân duyên.

Tưởng ấm cũng thế, ví dụ như khi bạn nghe nói đến trái me thì lập tức bạn nghĩ đến vị chua, có cảm giác đến mùi chua, có cảm giác chảy nước miếng. Thế thì cái gọi là tưởng ấm ấy, tưởng tượng ra có trái me, có nước miếng đấy là tưởng ấm, là tưởng tượng. Thế thì, cái chua từ trái me không có thật (chỉ là tưởng tượng) mà cũng chẳng từ miệng nữa; vậy tại sao có nước miếng. Cái tưởng ấm này, do đâu mà ra? Không phải do trái me; hay do miệng, cũng không do miệng vì có tưởng nên miệng mới chảy nước miếng. Nếu thế thì bây giờ tự hỏi lại: Nếu từ trái me, chẳng lẽ tự trái me có cái tánh ấy, trái me nói ra được à? Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng chứ đâu cần đợi tai nghe? Thế thì, tai nghe thôi, từ lỗ tai nghe me chua tự dung nước miếng chảy ra; mà sao nước miếng không chảy ra từ lỗ tai mà chảy ra từ miệng? Cho nên phải biết rằng, tưởng ấm là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên. Nó giống như người huyền sư, người huyền sự vậy. Người ảo thuật gia bày ra trò chơi vậy, thò tay vào thì lấy trong túi ra con chó, con mèo hay bông hoa ... ta nhìn thấy như thế nhưng có thật hay không?

Thức ẩm, ví dụ như cái bình. Cái bình tượng trưng cho cái nghiệp; trong bình đựng đầy hư không, tức là tượng trưng cho cái thức - thức ẩm. Rồi bịt kín cái bình đem đi xa ngàn dặm, cho nước khác thì nên biết thức ẩm cũng vậy. Hư không chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào. Hư không không thể nào đem từ Phương Đông đến Phương Tây mà nói nó vẫn là của từ Phương Đông. Nếu nói là từ phương kia đem đến thì phương kia phải thiếu cái hư không đấy chứ? Vì nếu bạn đã đem cái bình trong đó có hư không, bịt kín lại và mang từ Phương Tây đến Phương Đông thì ở Phương Tây phải thiếu cái nhỏ nhỏ chứa trong bình ấy chứ. Còn nếu khi đem đến Phương Đông rồi mà nói cái hư không trong bình ấy là từ Phương Tây mang tới thì khi mở nắp bình ra thì lập tức ta phải thấy cái hư không ấy nhảy ra. Cho nên phải biết rằng, thức ẩm là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Trong Trung Quán Luận có nói: “*Các pháp chẳng tự sanh, các pháp chẳng phải tha sanh, chẳng cộng chẳng vô nhân; cho nên, nói vô sanh*”. Ngài Xá Lợi Phất khi mới đi tu: Lúc bấy giờ đi tầm đạo, khi bước vào rừng thì gặp ngài Tỳ Kheo Mã Tịnh đi đứng rất là khoan thai, tự tại thì ngay chỗ ấy, ngài Xá Lợi Phất lại gần và hỏi: “*Ông tu pháp môn gì, bốn sư của ông là ai mà thấy ông thông dong, tự tại như vậy?*” Ngài Mã Tịnh đáp: “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt. Đức Bốn Sư của tôi vẫn thường dạy như*

thế". Khi nghe được lời đáp như thế, lập tức Ngài Xá Lợi Phất bước vào dòng thánh.

Ngài Xá Lợi Phất không chỉ quán chiếu vạn pháp do duyên sanh do duyên diệt; mà quán chiếu ra được các pháp vốn là rỗng không, các pháp đều là huyễn; ngay cả việc chấp vào các pháp đều là huyễn cũng nên bỏ. Nhưng ngay tại thời điểm đó, ngài chưa thể bỏ được cái chấp - về kiến chấp. Mãi đến 2 tháng sau, khi Phạm Chí Trường Trảo đến đấu lý với Đức Từ Phụ thì ngài Xá Lợi Phất đứng sau lưng Đức Phật để hầu, ngài nghe được cuộc đối thoại ấy và khi nghe Phạm Chí Trường Trảo hỏi: "Này ông Cồ Đàm, kẻ không thọ các pháp ấy thì ông nghĩ sao"? Đức Thế Tôn, rất từ bi thấy ông này vướng vào cái pháp gọi là pháp không thọ. Tức là nó hữu vi vì các pháp nào có tên, có hình tướng thì tức là không có thực "Phàm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng" như trong Kinh Kim Cang có nói như thế. Khi nghe như thế, Đức Thế Tôn biết rằng ông này bị dính mắc cho nên Ngài giúp cho vị này ngộ ra nên Ngài hỏi lại: "*Nhưng mà kẻ ấy có thọ cái kiến chấp là ta không thọ các pháp ấy hay không?*"

Và ngài Phạm Chí Trường Trảo như con chiến mã, chỉ cần thấy bóng roi thì sẽ đi đúng đường và đi rất nhanh; cho nên quỳ xuống đánh lễ và nói: "*Nếu kẻ ấy không thọ ấy thọ luôn cái kiến chấp là ta không thọ các pháp thì Ngài nghĩ sao?*" Đức Thế Tôn đáp: "*Nếu như vậy thì Ngã. Nhà người và Ta đều bình đẳng, hà có gì mà người lại đây cống cao ngã mạn.*" Khi nghe được câu ấy thì ngài Phạm Chí Trường

Trào quỳ xuống đánh lễ và chứng quả Tu-đà-hoàn. Riêng ngài Xá Lợi Phất đứng sau lưng Đức Phật hầu nghe được câu ấy, lập tức chứng quả A La Hán. Điều ấy nói là gì? Nếu nói rằng các pháp đều là huyễn mà ta chấp rằng ta đang thấy các pháp đều là huyễn thì xem như ta đang bị dính mắc.

Đề tài hôm nay nói về ngũ ấm vô sanh. Tại sao ngài Xá Lợi Phất gặp ngài Tỳ kheo Mã Tịnh thì được nghe nói “Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt” thì ngài Xá Lợi Phất bước vào dòng Thánh. Tại sao, lúc đầu thì nói vạn pháp do duyên sanh - do duyên diệt; còn trong Trung Quán Luận thì lại nói: “*Các pháp chẳng phải tự sanh, các pháp chẳng phải tha sanh, chẳng cộng chẳng vô nhân, cho nên nó vô sanh*”.

Khi nói vạn pháp do duyên sanh mà cái nào do duyên sanh thì như huyễn. Như huyễn là như huyễn; hoa đóm trong hư không là hoa đóm trong hư không. Nó như huyễn nhưng không phải là không thực; giống như hoa đóm trong hư không là hoa đóm trong hư không. Không có nghĩa là không có. Nếu bạn nào nói là không thực là vị ấy bị mắc kẹt vào đó. Nếu không có sao bạn thấy, nếu bạn không hiểu được điều này thì sẽ không bao giờ thấy được cái tánh của ta. Dù nó như huyễn nhưng không có nghĩa là không có, không thực vì nếu không thực thì làm sao bạn thấy.

Có khi chúng tôi nói rằng: Kiến Tính là chơn, khi thì chúng tôi nói rằng Kiến Tính là vọng; rồi cuối cùng lại nói Kiến Tính chẳng là vọng cũng chẳng là chơn. Mục đích của

chúng tôi làm như vậy là vì có 1 số vị chấp không nên chúng tôi phải nói như vậy để bạn ấy hoan hỷ, vui vẻ lắng nghe pháp; rồi với những vị chấp có thì chúng tôi nói có, điều này có mất mát gì đâu, chỉ là vấn tự thôi mà. Mà khi bạn thấy ta có chấp có - không rồi thì chúng tôi khi ấy nói là chẳng vọng chẳng chơn, ra khỏi vấn tự luôn. Để bạn rơi vào khoảng không đó, không bị dính mắc vào đâu cả.

Kinh Kim Cang có nói là “ưng vô sở trụ” nhưng mà bạn nào cũng bị vướng vào cái “ưng vô sở trụ” đó. Chỉ duy việc khởi lên cái ý niệm “ta đang tu giỏi hơn người khác đây, ta chứng đắc đây” thì cái ấy là đã có đây rồi chứ không chỗ nào nữa. Nói rằng ta đây là không thì đã có cái ta và cái không, cả 2 cái này cộng lại đã là gấp đôi rồi, là lũy thừa 2 cái ngã. Mà cứ tưởng rằng ta đã rời ra khỏi cái ngã, cái chấp; nếu mà nói ta đã rời ra khỏi cái ngã, cái chấp thì đó là lũy thừa 2 của cái chấp. Tại vì khi đó còn có cái để rời và còn có cái ta đang rời cái chấp ấy cộng thêm cái chấp nữa. Đó là lũy thừa 3 luôn rồi; không đơn giản, bạn đừng đùa với lửa.

Trong Trung Quán Luận mới nói rằng: “*Các pháp chẳng tự sanh*” mà trong khi đó Đức Thế Tôn lại dạy: “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*”, rồi lại nói chẳng tha sanh, chẳng cộng, chẳng vô nhân cho nên nói là vô sanh. Nếu đã nói là vô sanh thì làm sao có diệt, vậy “vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt” là sao? Tại sao lại nói rằng các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân - duyên hòa

hợp mới sanh, tức là phải có những điều kiện có và đủ; đủ các điều kiện ấy thì mới sanh ra.

Sao lại nói chẳng tha sanh vì các duyên đều không có tự tánh nên nếu nói rằng do duyên mà sanh là không đúng; đó chỉ là tá danh mà thôi. Chứ các duyên đều không có tự tánh, thì hà cớ gì ta nói là tha sanh. Còn nếu là cộng sanh thì tự và tha chẳng có thì lấy cái gì để mà cộng; tự tánh không có, tha tánh không có thì lấy cái gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm phải do tu hành đến khi giác ngộ mới hiển bày; chứ chẳng phải tự nhiên mà thành.

Mặc dù trong mỗi bạn, ai cũng có chân tâm; mặc dù biểu hiện của chân tâm là diệu tâm nhưng không phải tự nhiên mà bạn có nó đâu. Bạn phải nỗ lực công phu tu hành nhưng không được chấp rằng ta đang tu hành, ta đang nỗ lực. Nếu nói rằng tôi đang tu đây thì lập tức có ngã - ngã sở; có phương pháp tu rồi thì những cái này là ngục tù trí tuệ, nhốt bạn vào ngay trong cái không lối thoát. Và cái này là hữu vi, nhốt bạn trong sanh tử luân hồi. Bạn vẫn phải tu hành, vẫn phải tụng kinh, sám hối, ăn chay, vẫn phải niệm Phật, vẫn phải thực hành 37 Phẩm Trợ Đạo...đều phải làm hết nhưng không được chấp rằng tôi đang tu đây, tôi đang thực hành, đang tu 37 Phẩm Trợ Đạo đây; thì lập tức có Ngã - Ngã sở và có cái pháp để tu; thì như vậy là mở cửa địa ngục để chui vào.

Bởi vì tất cả các vật trên thế gian đều là vô sanh, cho nên không có cái lý do nào để sanh. Nếu ngộ rằng các pháp vô

sanh, thì sắc như dụi mắt hoa đốm trên hư không; thọ như bàn tay sanh các cảm xúc trơn rít, lạnh - nóng; tưởng như nghe trái me biết ra nước miếng; thức như cái bình đựng đầy hư không mang đến nơi khác chẳng mất - chẳng dư; bản giác tánh không cùng khắp pháp giới, hễ mê thì thành vọng; thức thì thành hư không ở trong bình. Nói rằng thức là do duyên sanh như huyễn là như huyễn; nhưng mà nếu nói thức không có thực thì không đúng; mà nếu nói thức không phải là diệu tâm thì cũng sai.

Cho nên, chỉ có người tự tu, giống như uống nước thì tự biết nóng - lạnh như thế nào mà thôi. Cái bình đựng chân không tượng trưng cho vọng nghiệp; mà hư không biểu trưng cho vọng thức. Nghiệp kéo thức chạy theo như đem bình đựng hư không đi đến nước khác vậy; dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi. Tức là, cái vọng nghiệp là cái bình vì nghiệp ấy điên đảo gây ra; hư không là vọng thức. Nghiệp kéo thức chạy theo, giống như chúng ta đem cái bình đựng hư không đem đi đến chỗ này chỗ khác, chẳng mất chút xíu nào và cũng chẳng dư chút xíu nào. Giống như thế, nó đi khắp các nơi lục đạo cho nên sanh tử, luân hồi. Lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới cho đến thất đại đều theo nghĩa này mà sáng tỏ: **Vạn pháp vốn là vô sanh.**

BÀI 14: PHÁP BẢO ĐÀN KINH – THẦN TÚ VÀ HUỆ NĂNG

Mượn câu chuyện của Ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng trong kinh Pháp Bảo Đàn với mục đích chính cho bạn thấy đâu là cái chân tướng của diệu tâm, đâu là chân tướng của chân tâm, đâu gọi là chân tướng của bản lai diện mục hay là Phật tánh, cái gì gọi là phan duyên, cái gì gọi là kiến tánh, cái gì gọi là tri giác và vật, hay là cảnh hay là khách, là chủ. Trong con đường tu học không ai tu trùm nhau được, không có ai làm cho người khác chứng đắc được mà chỉ có người nào nghe, suy nghĩ và hành trì thì tự ta hiểu thôi.

Văn tư tu vẫn là chính nhưng phải tự văn, tự tư và tự tu, tức là nghe rồi phải suy nghĩ, suy nghiệm coi nó là cái gì, cái ẩn nghĩa của nó là gì, diệu nghĩa của nó là gì rồi hành trì, hành trì đến nơi đến chốn thì mới có thể hiểu được diệu nghĩa của kinh điển. Và như thế thì nó mới đưa tới sự lợi lạc, tức là sự giải thoát.

Tất cả chỉ là phương tiện, nhưng phương tiện dẫn tới sự giải thoát, sự liễu tri thì phương tiện ấy mới gọi là thù thắng. Còn nếu không thì tất cả những phương tiện khác đều vứt đi hết dẫu là có nói hay, chỉ hay, hay là sơn son thiếp vàng. Nhưng nếu người hành giả nhìn vào ấy mà không trực ngộ được cái bản tâm thanh tịnh thì tất cả những việc ấy không có ý nghĩa gì hết. Văn hay chữ tốt đều rỗng tuếch, chuông mõ nhiều mà tâm không thấy thì cũng là rỗng tuếch.

Ngày xưa ngài Huệ Năng thì đi đốn củi đem về bán lấy tiền nuôi mẹ. Một bữa nọ ngài nghe trong chợ có người tụng kinh Kim Cang. Ngài chợt nhiên nghe thấy câu: “Ứng vô sở trụ như sanh kỳ tâm” thì Ngài liễu tri buông hết tất cả các tạp niệm vọng tưởng điên đảo. Thế rồi Ngài mới về, Ngài bán đồ đạc rồi sắp xếp công chuyện cho mẹ xong, quyết chí đi tu. Ngài đi tu, Ngài hỏi người mà tụng kinh Kim Cang là ai dạy tụng kinh như thế. Thì người ấy mới nói là ngài Hoàng Nhãn, tức là Ngũ Tổ. Thế thì ngài Huệ Năng tìm tới nơi và khi tìm tới nơi thì cũng chỉ nói có một câu là con tới đây xin Ngài chỉ cho con cái phép tu học để làm Phật.

Tu học thì đáng lẽ nói cho con được xuất gia, hay là cho con được tu trong chùa hay là cho con làm Thượng tọa, Hòa Thượng hay cái gì đấy, nhưng đằng này thì ngài Huệ Năng đến chỉ xin có một nguyện là cúi xin tổ dạy cho con cái phép để làm Phật. Nói thẳng luôn con chỉ muốn xin học cái phép làm Phật thôi. Thế thì khi tổ nghe câu ấy biết là người này có pháp khí rất là lớn mà người pháp khí rất là lớn thì sẽ là sẽ có kết quả lớn. Nhân lớn thì quả lớn, tại vì nguyện lực quá mạnh, chí khao khát rất mạnh cho nên trước sau gì cũng sẽ thành tổ. Và cũng muốn thử, cho nên thấy ông này hỏi như thế cho nên mới nói rằng: “*Ngươi từ đâu đến thế?*”

Ngài Huệ Năng mới nói: “*Con từ dưới Lãn Nam lên*”, thì tổ mới bảo: “*Người Phương Nam là ngu dốt ti tiện*”. Ý nói người Phương Nam là man di, mọi rợ, làm gì có đủ căn tánh thành Phật. Tức là mắng, nói hời nỡ là ông xin tới đây

học để tu làm Phật, nhưng căn cơ của ông như thế, số bần tiện, con người bần tiện làm sao mà có thể tu thành Phật được.

Ngài Huệ Năng trả lời liền, nói: “*Bạch tổ, người thì có Nam có Bắc, có cao có thấp, có ngu có hèn. Nhưng thưa tổ, Phật tánh thì bình đẳng*”. Phật Tánh bình đẳng có nghĩa là người có hiện tướng ra là có cái sắc tướng là có cao thấp, ngu dốt, nghèo hèn, nam nữ đủ mọi thứ.

Nhưng Phật tánh thì bình đẳng, chỗ bình đẳng ấy là rỗng không, là thanh tịnh thì có gì đâu mà khởi tâm phân biệt. Ngài Huệ Năng nói như thế, nghĩa là ngài Huệ Năng nói các pháp đều bình đẳng, tướng ra thì khác, nhưng mà cái chất liệu của nó thì bình đẳng. Thí dụ bạn thấy nước có thể nước lỏng, nước đá hoặc là nước bốc hơi nước trong thể khí, tức là cái tướng của nó có ba dạng chính, thể khí thể lỏng và thể cứng.

Nhưng cái bản chất của nó vẫn là 2 hydrogen cộng với 1 oxygen, là H₂O, bất chấp là thể cứng hay thể khí hay là thể lỏng, nó vẫn là H₂O, không có thay đổi.

Phật tánh nơi con người đều bình đẳng, bất kể là người cư sĩ hay là tu sĩ trong đạo tràng này. Phật tánh, tức là cái bản tính thanh tịnh của mỗi người đều bình đẳng như nhau không hơn, không kém không cao, không thấp, không tròn, không méo, không đầy, không voi. Tất cả đều giống nhau, đều bình

đăng, nhưng tại sao có người lại thấy được, có người lại không thấy.

Mặt trăng ví dụ là sự sáng tối, là chơn tánh của ta, Chơn như Tam muội của ta. Nhưng nếu có một đám mây bay ngang che đi thì tầm nhìn chúng ta sẽ bị tối đi. Con mắt chúng ta nhìn lên, chúng ta sẽ thấy nó tối và nếu thấy tối thì chúng ta sẽ nói rằng mặt trăng tối. Nhưng trên thực chất thì mặt trăng có tối không? Không. Mặt trăng không có tối. Chẳng qua là tại đám mây che mặt trăng đi. Trước khi đám mây che thì mặt trăng không hề tối đi một chút nào, nó vẫn sáng, đâu có mất một chút xíu nào sáng đâu?



Cũng như thế, Phật tánh, hay chơn như tam muội, hay là cái tánh biết của chúng ta vẫn thường hằng, tròn đầy, rộng rãi, vẫn là biến dạng, như thế là không có cái gì gọi là thay đổi.

Y nguyên như thế là như thế, sáng vàng vạc. Nhưng khi có cái đám mây, tức là đám mây tham, đám mây sân, đám

mây si che đi Phật tánh. Chứ đâu có phải là vì có cái tâm tham, tâm sân, tâm si nổi lên rồi Phật tánh mất. Tâm tham tâm sân tâm si có nổi lên thì cũng không thể nào làm mất đi cái Phật tánh, cái bản thể thanh tịnh của chúng ta được. Nó chỉ che thôi, làm chúng ta không thấy được cái chơn như tam muội, hay là cái bản thể thanh tịnh.

Ngài Triệu Châu có một công án về con chó, có một vị Tăng tới hỏi ngài Triệu Châu: “*Con chó có Phật Tánh hay không?*”. Ngài Triệu Châu nói: “*Con chó nó không có Phật tánh*”. Vị Tăng ấy mới hỏi: “*Đức Thế Tôn đã dạy là vạn pháp đều bình đẳng, đều có Phật tính giống như nhau. Tại sao nói rằng là con chó không có Phật tánh?*”. Tổ Triệu Châu mới nói: “*Nó bị nghiệp thức che mờ cũng như không, không có gì khác hết*”.

Cho nên tổ mới nói là con chó không có Phật tánh, thực sự con chó có Phật tánh nhưng mà bị nghiệp thức che mờ, cho nên không thấy được Phật tánh. Cũng như thế, chúng ta có Phật tánh, có cái bản thể thanh tịnh. Nếu chúng ta không nhận ra được cái quý của chúng ta, tức là viên hột xoàn của chúng ta thì chúng ta không có thấy được thì cũng như không. Giống như anh chàng Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa có viên ngọc trong ché áo mà cứ đi ăn xin.

Chúng ta có trí tuệ nhưng mà chúng ta cứ đi ăn xin trí tuệ ở bên ngoài, chùa này, chùa kia, đi hết đạo tràng này đạo tràng kia. Đó chỉ là kiến thức của thế gian, mà kiến thức của thế gian thì là duyên sanh. Cái gì có hình có tướng thì đều là

hư vọng. Trong kinh Kim Cang có nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, tất cả những gì có hình tướng thì đều là duyên sanh, là như huyễn không thật. Nhưng mà nếu ta cố chấp, ta cứ chấp rằng cái chữ như thế, kinh nói như thế thì ấy là ta mắc kẹt nơi văn tự, không nhìn thấy được cái chân tánh của ta.

Có một bữa Ngũ Tổ bảo đại chúng là Ngũ tổ thì già rồi, cũng sắp chết rồi. Bây giờ trong đại chúng, ai mà viết được mấy câu mà hiểu được ý đạo thì tổ sẽ trao y bát lại cho. Y bát ấy đã được giao quyền từ thời Đức Phật, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn giao lại y bát cho ngài Ca Diếp và cứ thế truyền xuống ngài A Nan và cho tới Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Thế thì khi Ngũ Tổ mà giao y bát thì ai cũng phải tôn trọng tại vì nó là biểu hiện của của Đức Thế Tôn, tức là bằng chứng người ấy thay mặt Đức Phật để mà nói Pháp, cho nên ai cũng phải thuận phục mà y vào cái bình bát và y của Đức Phật, tức là hiện tượng tức là vật chất. Chấp rằng cái ấy là một bảo vật, cho nên khởi tâm lên tham muốn chiếm đoạt để có và ngay chỗ ấy là rớt.

Ngũ Tổ mới bảo đại chúng là bây giờ làm mấy câu kệ đi, để ta xem các người có thấy được cái tánh chưa? Nếu thấy được thì ta sẽ giao y bát. Các người hãy mỗi người tự xem trí tuệ dùng cái bồng tâm bát nhã của tự tánh làm một bài kệ. Nếu ngộ được cái ý đạo thì ta sẽ truyền bát làm Tổ thứ sáu. Thế thì người kiến tánh nghe là thấy liền, chứ không cần phải

nói năng suy nghĩ nữa, tự nhiên nghe là thấy liền giống như tấm gương, nếu có cái vật đi ngang là nhận ra liền.

Trong đại chúng thì ai cũng đều biết là ngài Thần Tú, hồi đó là thượng tọa Thần Tú là giáo thọ sư, tức là thầy dạy của các Tăng chúng, cho nên không có ai có ý định muốn làm gì hết là tại vì giáo thọ sư còn đó. Thầy dạy còn đó thì không thầy được thì còn ai được. Cho nên ai cũng nghĩ rằng là sư Thần Tú trước sau gì cũng được thôi. Ngài Thần Tú thì lại nghĩ là nếu mà không trình kệ thì Hòa Thượng không biết được cái kiến giải sâu cạn, mà nếu trình kệ cầu pháp thì tốt, mà mong làm tổ thì không nên. Tại vì nếu mong làm tổ tức là có khởi lên niệm tham đắm, mà nếu khởi lên cái niệm tham đắm thì ấy là tâm phan duyên. Mặc dù phan duyên, có thiện đi chẳng nữa cũng là phan duyên, mà hễ ngay chỗ phan duyên thì bị điên đảo. Thế thì buổi tối ngài Thần Tú mới len lén ra ngoài vách tường hành lang gần cầu tiêu, viết mấy câu kệ. Tại vì ở chỗ tốt quá thì người ta đi qua đi lại hoài không viết được, cho nên lén chỗ vắng mới biết viết bốn câu như thế này.

*Thân thị Bồ Đề thụ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhạ trần ai*

Có ý nghĩa như thế này, thân thì là cây bồ đề, tâm ta giống như tấm gương sáng, cho nên chúng ta phải luôn luôn lau chùi cái tấm gương ấy, chớ để cho bụi trần dính mắc vào

đấy. Nếu đã nói là tấm gương thì phải cần lau chùi, không nên để cho bụi trần bám vào đấy. Ý của ngài Thần Tú thì nói như thế, nhưng khi viết xong rồi thì mồ hôi ướt đẫm, không biết trúng hay trật. Nếu mà trật thì coi như công lao tu học bao nhiêu năm nay là uổng phí.

Tại vì không nhìn thấy được tánh mà sư phụ đã nói rất rõ. Kẻ nào viết vài câu thôi nếu thấy rằng là người ấy biết được đạo thì sẽ giao lại y bát. Cho nên là viết xong rồi, vào trong phòng là mồ hôi toát ra ngủ không được, nằm không được, ngồi không được. Chỉ cần suy nghĩ trật thôi là cũng không ngủ nổi, mà khi không yên thì tâm đã bị lăng xăng rồi. Viết thì viết, đằng này viết xong rồi, đứng không được, ngủ không được, ngồi cũng không được cho tới sáng. Khi viết là khởi tâm mong cầu là viết như thế là đúng rồi. Tại vì cái thân thì giống như cây bồ đề, tâm như gương đài sáng thì con người ta phải luôn luôn lau chùi, mà lau chùi gương thì bụi trần không bám vào đấy. Có nghĩa là hằng ngày đều phải coi chừng cái tâm, thúc liễm năm căn, đóng lại hết, rồi lúc nào cũng niệm Phật để cho cái tâm luôn luôn sáng, lau chùi bằng cách này, cách khác.

Khi sáng ra, khi Tổ thấy cái bài kệ đó, cho nên mới nói như thế này. Đáng lẽ ra Tổ kêu ông họa sĩ đến để vẽ một hình Phật, nhưng có điều thấy như thế thì lại nói thôi khỏi vẽ, cứ để bài kệ này cho người ta trì tụng là được rồi. Ý theo bài kệ này mà tu thì sẽ khỏi bị đọa ác đạo, được lợi ích rất

lớn và nói với đại chúng là cứ cố tụng cái bài này đi thì trước sau gì cũng sẽ kiến tánh!

Các đại chúng môn đệ đều khen và nói lành thay, lành thay. Nửa đêm, Tổ mới gọi ngài Thần Tú vào hỏi: *“Có phải ông làm cái đấy không?”*. Thế thì Tổ mới nói: *“Nếu ông làm kệ này thì ông chưa thấy bản tánh, chỉ đến ngoài cửa chưa vào trong, và như thế thì không tìm được Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề phải khi vừa nói liền nhận từ bốn tâm, thấy tự bản tánh chẳng sanh, chẳng diệt, bất cứ giờ nào, niệm niệm tự thấy không kẹt vào Pháp nào hết, nhất thiết chơn, vạn cảnh tự như như, cái tâm như như mới là chân thật. Nếu thấy như thế thì tức là Vô Thượng Bồ Đề có tự tánh, còn không thấy như thế thì chẳng ăn thua gì”*.

Ngài Thần Tú nghe vậy buồn đi ra, rồi loạn cái tâm đi đứng, nằm ngồi giống như kẻ mộng du. Hai ngày sau có người đi ngang cái nhà bếp xướng cái bài kệ đó lên. Ngài Huệ Năng nghe thì biết được liền là người viết bài kệ này chưa thấy được tánh, cho nên mới bảo đồng tử rằng bài kệ đó ở đâu và chỉ cho tôi. Thế thì ông kia ông dẫn tới, lúc bấy giờ có quan biệt giá Giang Châu là Trương Nhật Dụng, ngài Huệ Năng yêu cầu đọc cái bài đó lên. Đọc xong rồi ngài Huệ Năng mới nói như thế này: *“Tôi cũng có một bài kệ, vậy xin Quan Biệt Giá viết dùm cho tôi”*. Ông Biệt Giá này giỏi văn chương lắm. Ông mới nói: *“Ông mà cũng có kệ à, việc này thiệt là hy hữu, thế gian không thể nào hiểu nổi”*.

Khi nghe như thế thì Huệ Năng nói là: “*Muốn học Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh bỉ kẻ sơ học*”. Không thể coi thường kẻ mới tu tại vì biết đâu cái căn cơ của nó từ bao nhiêu đời rồi mới tu, nhưng sẽ chứng đắc trước. Ngài biệt giá nghe vậy thì sợ hết hồn mới nói thôi, ông nói bài kệ đi, ta viết cho, nhưng mà ta nói trước là nếu ông mà có đắc Pháp thì ông phải độ ta trước, chớ quên lời nói này nhé. Ngài Huệ Năng mới nói bài kệ như thế này,

*Bồ Đề bốn vô thụ
Minh cảnh diệt phi đài
Bỏ lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?*

Ý nghĩa của nó là Bồ Đề vốn chẳng cây, bồ đề vốn không cây, bồ đề là trí tuệ, trí tuệ thì làm gì có cây. Gương sáng cũng chẳng đài. Gương sáng mà nó không phải là đài. Xưa nay không một vật lấy cái gì mà bụi dính vào đâu? Tại sao nói rằng xưa nay không một vật, là tại vì nếu có vật thì vật ấy là do duyên sanh. Đức Thế Tôn đã dạy vạn pháp do sanh vạn pháp do duyên diệt. Mà cái nào mà do duyên sanh thì như huyễn. Duyên sanh duyên diệt giống như là ngài huyễn sư bày ra huyễn sự chơi vậy thôi. Như ảo thuật gia, nó không có thực.

Khi đó Ngũ Tổ nghe như thế đi ra đọc bài kệ đó thì biết chỉ có Huệ Năng mới viết nổi cái đó thôi, nhưng mà không muốn cho người ta ám hại Huệ Năng. Tổ biết rất rõ, có người ám hại, cho nên lấy giày bôi lên và nói rằng, ôi, cái này cũng

chưa có thấy tánh. Thôi, hãy tụng bài của Thần Tú đi. Tổ bô bô đi, nhưng rồi sau đó thì báo hiệu cho Huệ Năng biết, Huệ Năng đi vào phòng riêng, canh ba đi cửa sau vào trong phòng của Tổ thì Tổ mới đem kinh Kim Cang ra dạy, mà khi đến câu Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, thì ngay lúc đó là Huệ Năng đại ngộ.

Thế thì Huệ Năng đại ngộ cái gì? Đại ngộ rằng tất cả các pháp chẳng lìa tự tánh. Nếu nói rằng các pháp mà không có tánh cũng sai, mà nếu nói rằng các pháp có tánh thì cũng trật lất mà phải nói rằng vạn pháp chẳng lìa tự tánh, tánh biết đây, không nằm trong cái pháp, cũng không nằm trong ta. Nếu nó nằm trong ta thì các cái vật ấy trở thành vô dụng. Nếu nó nằm trong các vật thì cái ta cũng trở thành vô dụng, cho nên là phải biết các pháp chẳng lìa tự tánh. Đây là cái bí mật trong câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, khi nghe giảng tới câu ấy, lập tức ngài Huệ Năng đại ngộ, rồi ngài mới thốt lên: “*Đâu ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt, đâu ngờ tự tánh vốn đầy đủ, đâu ngờ tự tánh vốn chẳng lay động, đâu ngờ tự tránh hay sanh vạn pháp*”.

Tổ giao y bát cho Huệ Năng và nói rằng Người là tổ thứ sáu, rồi lại dặn dò như thế này: “*Hữu tình lai hạ chủng, Nhơn địa quả hườn sanh, vô tình diệc vô chủng, vô tánh diệc vô sanh*”. Có nghĩa là hữu tình thì gieo được giống mà nhơn quả chắc hẳn là phải sanh, gieo nhân thì có phải có quả, vô tình thì vô chủng mà vô tánh cũng Vô Sanh.

Nói đại khái là hữu tình thì là động vật, vô tình là thực vật mà chỉ có hữu tình thì mới gieo giống Phật, còn vô tình thì không có. Giống là nhân ắt sẽ sinh ra quả. Cho nên cái chuyện bình thường, như địa là hữu tình, quả địa là Phật, vô tình chẳng phải như địa của Phật nên chẳng phải là giống. Cho nên các Pháp vốn chẳng có tự tánh nên nói rằng là vô tánh, tức là mượn tá danh để nói thôi, chứ cũng không đúng. Vậy thì hữu tình vô tình thật sự ra cũng đều là tá danh chứ không có cái gì là hữu tình và cũng không có cái gì vô tình.

Phật và chúng sinh đều chẳng có tự tánh đều là pháp vô sanh. Cho nên nói Vô Tánh diệt vô sanh.

Ngài Thần Tú nói rằng: “Thân là cây Bồ Đề, Tâm như gương đài sáng, luôn luôn siêng lau chùi, chớ để cho dính bụi trần”. Pháp Tu là cái gì? Pháp Tu là thấy rất rõ thân là cây bồ đề mà tâm như gương đài sáng, soi hết tất cả mọi vật, ghi nhận được rất rõ ràng. Cho nên không để cho bụi tham sân si lấm vào mà phải luôn luôn hành trì. Thân là có, bồ đề cũng có, tâm cũng có, đài gương cũng có và bụi trần cũng có luôn, tức là thấy rất rõ các vật thể là như thế và cái này tương tác với cái kia.

Nhưng vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp thấy hình tướng như thế nhưng mà thật sự ra chỉ là duyên sanh, không có thật tánh. Nếu mà nó đã là duyên sanh mà duyên sanh thì như huyễn, chẳng có gì để mà phải suy nghĩ hết. Cho nên nói

rằng thân thể Bồ Đề thụ tức là thân là cây Bồ Đề mà hễ cái gì có thân, đã có cái gọi là thân thì cái ấy đều là hư vọng.

Kinh Kim Cang có nói Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Cho nên nếu mà có thấy thân có thấy cây Bồ Đề thì những cái thứ ấy cũng là giả, không thực. Cái tâm nếu có thấy, có nói ra được theo văn tự thì cái tâm cái cũng là tâm giả, tâm phan duyên, gá theo duyên để có cái gọi là Tâm, tức là tâm tham tâm sân tâm si tâm hỷ tâm này, tâm kia thì các thứ ấy đều là có ngã, ngã sở và như vậy không có thực, và nếu không có thực thì cần gì mà phải lau chùi.

Cho nên vì bốn câu này cho nên ngài Huệ Năng mới đưa ra bốn câu khác là Bồ Đề vốn chẳng có, cái trí tuệ thì làm gì có cây, làm sao mà nói trí tuệ có cây, Bồ Đề làm sao nói được. Nhưng mà gương sáng cũng chẳng phải đài, xưa nay không một vật. Tại sao nói xưa nay không một vật? tại vì vạn pháp do duyên sanh mà hễ vạn pháp do duyên sanh rồi thì đâu có thực.

Bởi thế cho nên khi đã biết rõ ràng là vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt, ngài Huệ Năng nhìn thấy được cái tánh và Ngài nói thẳng là Bồ Đề và cái thân đều không có thực, chẳng qua do cái vọng tưởng điên đảo mà sinh ra. Mà đã không có thật thì cần gì phải lau chùi. Khi thấy rõ như thế thì xưa nay không một vật, thì làm gì có bụi đâu mà dính phải lau, nếu không có vật gì không có bụi nữa thì lau bụi gì?

Bao nhiêu kinh sách đều nói 4 câu này là tuyệt vời. Tại vì tự nó đứng một mình thì chẳng có ý nghĩa gì hết. Tại sao lại nói rằng Bồ Đề là không mà cái thân cũng là không, cái bụi cũng không thì làm gì mà có bụi dính để lau chùi. Nghĩa là chấp không, chấp đoạn. Nhưng nếu nó nằm sau bốn câu của ngài Thần Tú thì lại trở thành tuyệt vời. Nhưng chính vì có bốn câu của ngài Thần Tú vạch ra cái chữ có, có cái thân, có cái tâm, có cái gọi là Bồ Đề, có cái gọi là gương sáng, có cái gọi là bụi. Cho nên mới cần phải lau chùi, tức là dụng công phu và có cái gọi là công phu và có cái gọi là chứng đắc. Thì tất cả đều chấp có. Nhưng có mà lại chấp cứng ngắc thành thử ra là Tổ Huệ Năng mới nói 4 câu đây để đối lại với 4 câu của ngài Thần Tú. Bởi thế cho nên phải nương nhờ theo bốn câu của ngài Thần Tú thì bốn câu của ngài Huệ Năng mới trở thành ra là tối thượng thừa. Nếu không có bốn câu của ngài Thần Tú thì bốn câu của ngài Huệ Năng cũng chỉ là cái pháp bình thường mà thôi. Tức là mượn phương tiện để chỉ ra cái chân tánh, mặc dù nói có đối đãi nhưng mà không phân biệt. Khi đã tới cái chơn tâm rồi thì tự nhiên nhận là biết ngay thôi, không cần phải phân biệt, không cần suy nghĩ nữa.

Bởi vậy trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật bảo ngài A Nan, là các người nay dùng tâm phan duyên để nghe Pháp. Vậy Pháp này cũng là duyên chẳng hợp với pháp tánh. Nếu có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem thì người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng. Nếu nhìn ngón tay mà cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng

mà cũng chẳng biết ngón tay là cái gì. Tại vì mục đích của ngón tay để chỉ cho mặt trăng chứ đâu có phải mục đích của ngón tay để chỉ cho ngón tay. Cho nên nương theo ngón tay để tìm thấy mặt trăng thì mới là đúng. Tức là nương theo văn tự mà hiểu được ý tứ của kinh điển.

Thứ nhất, bạn phải quay trở lại quán chiếu cái tâm của mình. Khi nghe nói bạn có khởi tâm gì không? Khởi tâm hoan hỷ, khởi tâm buồn phiền, khởi tâm gì đây thì nghĩa là bạn được lợi lạc. Đó là cái thứ nhất. Cái thứ nhì là khi nghe như vậy bạn đọc giữa hai hàng chữ, tức là bạn tìm hiểu xem cái ý tứ thâm sâu trong cái câu nói ấy là gì thì bạn mới được lợi lạc. Cho nên là lấy ý mà bỏ lời. Bạn nghe hiểu được thì mới có lợi lạc. Còn nếu bạn chấp theo lời nói, chấp theo văn tự là bạn đều kẹt.

Cái tâm phan duyên mà người ta cứ ưa chấp, cho nên khi nghe Pháp mà cái tâm phan duyên thì Pháp cũng là duyên. Như vậy là không thấy được tánh. Chấp ngón tay là mặt trăng thì kẹt, nếu không có ngón tay thì không thấy mặt trăng, cho nên nương vào ấy tìm ra cái bản thể. Nếu cho rằng cái bản thể của ngón tay là tính sáng của mặt trăng thì chẳng biết được ngón tay dùng để làm gì và cũng chẳng biết được cái sự sáng sự tối của mặt trăng. Tức là nương theo ngón tay, mà chấp ngón tay là mặt trăng. Chẳng biết là người đưa ngón tay ra, chỉ có mục đích là chỉ cho thấy mặt trăng, tức là cái mặt trăng ở xa lác, ở trên trời, còn ngón tay ở dưới đất. Ông

Phật nói như thế này, ông Phật nói như thế kia, cho nên tôi phải làm như thế này, tôi phải làm như thế kia, tức là sai hết.

Vào thời Đức Phật, dân chúng khiếu nại với Đức Phật rằng đệ tử của ngài Cồ Đàm leo cây. Tại vì các Ngài thấy mệt mỏi leo lên cây ngủ thôi, chẳng có ý định gì hết. Thế rồi dân chúng thấy lạ họ đi méc, đệ tử của Đức Thế Tôn ưa leo cây. Đức Thế Tôn thấy vậy, vì để tránh cho dân chúng khởi lên niệm gọi là kiến chấp mà nghĩ sai về đạo Phật.

Cho nên Đức Thế Tôn mới ra giới luật là các Tỳ-kheo không được leo cây. Thế rồi có một ông Tăng ông bị cọp rượt và ông nhớ tới lời Đức Thế Tôn dạy là Tỳ-kheo thì không được leo cây, giới luật cấm, thế là ông ấy không dám leo cây, ông nói là Đức Phật dạy không được leo cây, Đức Phật dạy không được leo cây. Thế là con cọp rượt bắt được và ăn thịt ông và khi nghe được câu chuyện như thế thì Đức Thế Tôn mới chế lại giới luật, Ngài nói từ nay ta chế lại giới luật, các Tỳ-kheo không được leo cây, ngoại trừ những trường hợp nguy cấp, những trường hợp bị cọp dữ rượt hay lý do gì đấy thì mới được leo cây, có nghĩa là có cái chỗ mở ra để phương tiện, để lợi lạc cho người tu.

Cho nên khi học kinh điển, học giới luật chúng ta phải hiểu cái diệu dụng của Đức Thế Tôn khi Ngài chế ra giới luật là có mục đích như thế. Những lời mà Đức Thế Tôn dạy chẳng qua là cái pháp, là duyên thôi.

Còn nếu chúng ta chấp cái pháp ấy là chân lý, tức là tâm dính cứng ngắc vào trong cái Pháp như vậy là kẹt không biết được cái ngón tay mà cũng chẳng biết được mặt trăng. Nó cũng chẳng biết chủ mà cũng chẳng biết khách. Nhưng nếu lìa các pháp nhân duyên thì cũng chẳng thể có tự tánh. Mà phân biệt thì tâm tánh của các người lấy chỗ nào trả về? Phật bảo A Nan như thế, nếu lìa các pháp nhân duyên chẳng thể có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trả về. Tức là có chỗ để nó quy về, thì lấy gì làm chủ, có chỗ đến chỗ đi thì chỗ nào làm chủ? Chỗ không đến không đi là cái gì?

A Nan mới thưa: “*Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói sao chẳng có chỗ trả về*”, tức là nếu tâm tánh có chỗ về thì cái diệu tâm, tức là cái chơn tâm thường trụ, cái mà sáng suốt nhất cũng vẫn phải có chỗ về chứ? Tại sao lại không có? Các ông ấy vẫn chưa thấy được cái gọi là Bồ Đề là không có thực, thân không có Bồ Đề mà xưa nay không một vật thì bụi trần lấy gì bám. Nếu chưa thấy được cái chỗ ấy thì chỉ thấy được cái chỗ là Thân như cây Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn phải lau chùi. Thấy rằng có, cái gì cũng có hết. Cho nên các Tổ hồi xưa có câu:

*Có thì có cả mấy may
Không thì cả thế gian này cũng không*

Nếu chấp có thì cả thế gian này đều có, mà nếu chấp không thì cả thế gian này cũng đều không. Chấp có chấp

không đều là cực đoan mà trong đạo Phật Đức Thế Tôn đã nói, trung đạo là gì? Trung đạo là không chấp có, không chấp không, không ở trong cái trạng thái cực đoan, là ở trong trạng thái tương đối, không có mà cũng không không; phi có mà phi không. Không có lợi dưỡng mà cũng không có giải đãi, tức là phải ở trong trung đạo, vừa phải, từ từ mà tu chứ không nên cứng nhắc quá.

Thế rồi Phật lại bảo ngài A Nan: *“Nay người thấy được ta là do Kiến Tính sáng tỏ, tức là đệ nhị nguyệt, Kiến Tính này chẳng phải là diệu tâm sáng tỏ, tức là đệ nhất nguyệt, tức là do cái phan duyên ấy mà thấy chứ không phải do diệu tâm, tức là cái bản thể chơn như mà thấy, cho nên gượng nói, tức là nói theo ngôn ngữ, tức là tá danh mà nói như thế thôi”*.

Nói rằng có cái mặt trăng thứ hai dưới nước, cho nên nhìn theo cái mặt trăng thứ hai để từ đó mà suy ra có cái mặt trăng trên trời. Nếu không có cái mặt trăng trên trời làm sao có cái mặt trăng dưới nước. Nhưng mà nương theo mặt trăng dưới nước để suy ra có cái mặt trăng trên trời, nhưng nếu suy ra tức là khởi tâm phân biệt. Ngay cái chỗ này thì kẹt, tức là có chỗ để trả về. Nếu nói rằng mặt trời có cái ánh sáng thì là không mặt trời thì chẳng sáng mà sáng thuộc về mặt trời, và tối thì trả về đêm không trăng. Duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù thì trả về bụi trần. Sáng sửa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những vật này thì còn những cái Kiến Tính nào thấy được trong tám thứ kể trên mà đòi là trả về. Phật bảo ngài A Nan như thế.

Thế thì ngài A Nan nói: “*Nếu trả cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tôi*”. Không sáng, không thể nào thấy tôi. Tại vì cái tánh được trả về. Thế thì sáng tôi chẳng thể phân biệt. Cho nên nói như thế là vọng tưởng điên đảo. Ngài A Nan nói: “*Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết nó là chơn tánh của con*”?

Phật mới nói rằng nếu Kiến Tính là vật thì người cũng có thể thấy kiến tính của ta. Nếu nói rằng cây Bồ đề có, tức là cái trí tuệ đã có, cái trí tuệ của ai thì người đó biết mà người khác không thể thấy. Mà trí tuệ của người này thì không phải là trí tuệ của người kia, tức là cái tánh thấy kiến tánh. Còn nếu nói rằng, vì nơi vật ấy mà ta có được cái tánh ấy thì cái kiến tánh ấy nằm ở trong cái vật ấy chứ đâu có nằm ở nơi ta. Mà nếu nằm ở cái vật mà không nằm nơi ta, vậy thì ta là gỗ đá chứ ta đâu có cái tánh giác, đâu có kiến tánh đâu. Cho nên nói kiến tánh là phi vật hay là vật cũng đều không đúng.

Cái tánh thấy là cùng khắp, lớn nhất cũng nó mà nhỏ nhất cũng nó, cho nên Đức Thế Tôn mới nói là kiến tánh của người, Đức Thế Tôn nói với ngài A Nan: “*Kiến tánh của người đã phi vật thì không thể thuộc nơi vật, mà nếu không thuộc nơi vật thì làm sao chẳng phải là của người. Còn kiến tánh của ta, phi vật thể kiến tánh của người cũng như thế*”. Có nghĩa là kiến tánh của người đã phi vật thì không dính tới vật thì làm sao mà không phải của người. Nếu kiến tánh có thể thấy được thì kiến tánh cũng là vật, làm sao được làm

chủ vạn tượng mà an lập cõi thể gian, tại vì không phải của ta thì làm sao an lập được vũ trụ được.

Nó dính mắc một vật thì vật ấy có giới hạn, thí dụ như nó dính mắc tới cái cây thì làm sao thấy được bầu trời. Mà nếu nói rằng nó là vô hình thì tự thể đồng như các vật có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia. Vậy Kiến Tính trước mắt là thật thì thân này chẳng phải. Ngài Thần Tú thì nhìn rất rõ và chấp rằng các vật đều có, thì căn cứ nơi cái đều là có ấy mà cố gắng tu hành, tức là dụng công thường thường phải lau chùi cái tâm của ta để cho nó được trong sạch, được sáng, phải tụng kinh, phải ngồi thiền, phải bố thí, trì giới, phải 37 phẩm trợ đạo, phải làm đủ các thứ hết, lục ba la mật đều phải làm hết. Lau chùi cái tâm cho sạch, không để bụi trần mà ngày nào cũng phải công phu.

Đây là pháp tu như thế, pháp tu của ngài Thần Tú và từ đó về sau nào là cúng trưa, cúng chiều, rồi đủ mọi thứ, kể cả cúng bông. Nhưng cái người đã giác ngộ, nhìn thấy tự tánh của ta rồi thì ngay một câu niệm đã đi thẳng vào trọng tâm rồi, chẳng có vướng mắc cái gì cả. Cho nên mới thấy rất rõ là tâm cũng không, mà thân cũng không. Mà tâm không thân không rồi, bụi cũng không có nữa thì lấy gì để lau chùi thì đó là trường hợp của ngài Huệ Năng. Ngài Huệ Năng nói là thân cũng là không, mà tâm cũng là không, không phải gương cảnh đài mà là bồ đề cũng không có, bụi cũng không có luôn thì lấy chỗ nào mà bụi bám.

Nói như thế là không đúng, nhưng có khi nào cái câu ấy hoàn toàn đúng như thế không? Ngài Huệ Năng không có ý nói rằng là Bồ Đề là không có. Không có cây, thân cũng không có, bụi cũng không? Ngài không có ý nói như thế. Ngài không có phủ định sự hiện diện của các vật chất trong vũ trụ này. Ý Ngài nói chỉ phủ định bốn câu của ngài Thần Tú thôi. Có nghĩa là bốn câu của ngài Huệ Năng không phải nói về sự hiện hữu của vật chất hay là sự không hiện hữu của vật chất, mà ngài chỉ phản bác lại tư tưởng cố chấp của ngài Thần Tú. Ngài Thần Tú chấp rằng các vật đều có, tức là chấp vào cái pháp có. Thì ngài Huệ Năng đưa ra bốn câu đó để nói rằng có cái Pháp không để đối đãi lại với Pháp có, để nương vào ấy, tìm ra cái cái chơn như sự an tịnh của bản tâm, chứ ngài không có dụng đích nói là có hay không? Ngài chỉ muốn dùng cái đấy làm phương tiện để phản bác lại sự chấp trước của ngài Thần Tú. Bởi thế cho nên sau này Ngọa Long có làm một cái câu nói là:

*“Ngọa Long có tài khéo
Đối cảnh tâm khôn sanh
Bồ đề thường tăng trưởng”*

Thì là ngài Huệ Năng mới đối lại,

*Huệ Năng không tài khéo
Đối cảnh tâm thường sanh*

Trong khi Ngọa Long nói Ngọa Long có tài khéo thì ngài Huệ Năng đối lại Huệ Năng không tài khéo. Ngọa Long nói

là đối với cảnh tâm không sanh, và vì như thế, cho nên là ngài Huệ Năng biết ông này bị cái bệnh chấp, chấp rằng không, cho nên là ngài Huệ Năng mới đối cảnh tâm thường sanh. Sanh có nghĩa là sao, thừa chư vị? Nó sanh thì mặc kệ, cái tâm ta phan duyên thì mặc kệ, nhưng điều quan trọng là ta biết đang phan duyên. Tâm viên ý mã, ta không thể nào cột tâm của ta được. Nhưng mà mỗi lần nó chạy rong ruổi thì ta biết liền. Ta nói, biết rồi, tâm chạy lung tung lảng xãng. Đây là cái chính, cái mà ngài Thần Tú nói vạn pháp đều có, cái gì cũng có, bồ đề cũng có, thân cũng có. Cho nên bụi trần cũng có. Thì ngài Huệ Năng nói rằng là bồ đề cũng không có, thân cũng không có, bụi cũng không có, phải là thế.

Nhưng khi ngài Ngọa Long nói rằng là cái gì cũng không thì ngài Huệ Năng nói cái gì cũng có, thì tức là nói ngược lại, thế thì nói cái gì cũng có là sao, tức là rớt vào trong trường hợp của ngài Thần Tú ư? Không! Tất cả chỉ là phương tiện thiện xảo, tại vì ngài Thần Tú chấp có, ngài Ngọa Long chấp không. Cho nên tùy theo cái phương tiện mà ngài Huệ Năng giải đáp. Khi ngài Ngọa Long nói là Ngọa Long có tài khéo. Đối cảnh tâm không sanh. Bồ đề thường tăng trưởng. Tức là trí tuệ thường tăng trưởng. Thì ngài Huệ Năng mới nói là Huệ Năng không tài khéo. Tại vì ông kia nói có thì Huệ Năng nói không, nói là cái chơn tánh của ta ở đâu, nó là cái gì chứ không phải là nói cái chuyện có hay không.

Cũng như thế, khi Đức Thế Tôn giơ ngón tay chỉ trong kinh Thế Đát, hỏi ngài A Nan như thế này là thuận hay nghịch thì ngài A Nan nói như thế là nghịch. Phải chỉ lên trời mới là thuận. Đức Phật đâu có muốn nói cái chuyện nó thuận hay nó nghịch đâu. Nhưng Phật chỉ muốn chỉ cho ngài A Nan thấy cái tự tánh của ngài A Nan vừa giơ tay lên là nhận được cái động cái tịnh nằm ở chỗ nào. Trong khi đấy ngài A Nan chưa đủ sức để nắm bắt, cho nên vẫn bàn tới chuyện là thuận hay nghịch, là chánh hay đảo.

Lúc bấy giờ thuận hay nghịch lại là thấy theo cái hướng mà quên đi cái bản chất thực dụng. Đức Thế Tôn muốn nói cho ngài A Nan biết rằng là cái động cái tịnh, tức là cái tánh thấy của ta, chứ chẳng dính gì tới chuyện là thuận hay nghịch. Nhưng chấp vào duyên cho nên kẹt, cái chỗ chấp này mới là quan trọng. Nếu nói rằng Kiến Tính nằm ở chỗ nào thì cái đấy là nó tách biệt ra khỏi cái thân của ta. Như vậy làm sao mà nó không thấy ta. Còn nếu nó nằm trong ta thì làm sao nó dính mắc gì tới vật mà tại sao khi ta nhìn là biết ngay cái vật ấy là vật gì?

Lúc ấy Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót đánh lễ chân Phật nói rằng: *“Đại chúng trong hội này chẳng ngộ hai nghĩa thị và phi thị. Thị và phi thị với Kiến Tính và sắc không. Kiến Tính và sắc không tức là không có. Thế thì Đức Thế Tôn hiện những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là khiến Phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định thoát khỏi căn trần”*. Thị hay phi không có ở trong ấy

luôn. Chẳng qua là phương tiện, cho nên nói thị nói phi chứ còn thực chất là không có. Cái bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng như thế. Phương tiện để nói như thế.

Phật bảo ngài A Nan: *Nay ta dùng phương tiện chơn thật như vậy, khai thị cho người mà người không biết, lại làm là tự nhiên, không chịu xét rõ ràng lấy bản kiến diệu minh của ta*". Thế thì Phật bảo người nói nhân duyên, ta lại hỏi người nhân Kiến Tính mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thân này nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy, nếu mà cái tính thấy thì tự nhiên thấy chứ đâu cần phải có sáng, có tối? Có sáng, có tối, tức là có điều kiện mà điều kiện ấy trong thuật ngữ nhà Phật gọi là duyên sanh. Cho nên nếu nói nó là duyên sanh thì cái tánh thấy cũng không. Nó là huyễn. Như vậy nói nó không sinh, không diệt là không đúng, là kẹt.

Cho nên cuối cùng Đức Phật mới nói A Nan như thế này: "Kiến kiến chi thời. Kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến. Kiến bất năng cập". Tại sao lại nói nhân duyên tự nhiên tương hòa hợp, hãy suy tư siêng năng tinh tấn tiến thẳng vào đạo Bồ Đề, nếu nói rằng có thị cũng không được, nếu nói rằng phi cũng không được, nếu nói rằng nó tối cũng không được, nếu nói rằng nó sáng cũng không được. Tại vì nếu nói như thế tức là còn phan duyên, không phải rỗng rang tự nơi cái bản thể thanh tịnh. Nó không có kiến thị kiến phi hay là thị phi, cũng không có luôn, nếu kiến bệnh đã trở thành từ vô thủy, năng kiến năng giác đều là bệnh, vì bản kiến bản giác chẳng ở trong bệnh nên mới gọi là kiến kiến, tức là kiến tánh, là tự

tánh chẳng phải sở kiến nên cũng chẳng có năng kiến để kiến tự tánh.

Vậy lúc kiến kiến, kiến kiến chi thời, dù nói kiến nhưng chẳng phải là kiến, vì chẳng có năng kiến và sở kiến, tức là có cái kiến tự có và có cái lệ thuộc nơi nó. Cho nên nói kiến thì phải lìa kiến, tức là phương tiện nói kiến thôi, nhưng mà phải lìa kiến, chấp rằng ta đang có kiến hoặc là kể cả chấp rằng ta đang lìa kiến, đây cũng là là chấp. Vì năng kiến thì chẳng thể thấy nên nói là kiến bất đẳng cấp, tức là mượn phương tiện để tá danh mà nói thôi, vẫn tự là để cho hiểu thôi.

Cho nên bạn nương theo cái ý để tìm ra cái chơn tánh của ta? Khi nghe nói mà bạn không hiểu thì bạn khởi lên phiền não, cái chuyện bạn có hiểu hay không, chuyện ấy không quan trọng trong vấn đề tu học của bạn đâu. Nhưng khi bạn khởi lên phiền não mà lập tức bạn quán chiếu, cái phiền não này từ đâu mà sinh ra, hồi nãy nó không có mà bây giờ nghe nói ta không hiểu là ta phiền não. Vậy thì phiền não ở đâu sanh ra, có phải nên nương theo cái nghe rồi nói ta không hiểu, cho nên ta buồn phiền ta có phiền não? Có phải như thế không? Phải quán chiếu cái tâm mà nếu thấy được như thế, tức là ta biết rằng cái tâm ấy là tâm phan duyên, phan duyên thì là như huyễn. Nãy tâm ấy không có thật và ngay cái lúc mà giác ngộ ra rằng cái tâm ấy không thực thì lập tức là ngộ được cái bản thể chân như, cái bản thể thanh tịnh và mục đích cũng chỉ có bấy nhiêu thôi và chư Phật mười phương ba

đời cũng chỉ làm như thể thôi, nói bằng phương tiện để chỉ cho người ta thấy cái bản tâm của chính người hành giả chứ không phải nương theo văn tự nói y như thế.

Nói ngược nói xuôi là biết rằng cái này rất là khó. Nói như vậy để bạn phiền não và cái điều quan trọng không phải là nội dung trúng hay nói sai, nếu bạn còn chấp vào trúng hay nói sai là bạn đang chấp trước, nhưng nếu bạn nương theo đây mà thấy khởi lên phiền não vì không hiểu thì lập tức quán chiếu rằng cái phiền não ấy từ đâu mà sinh ra. Mà khi biết được từ đâu mà sinh ra thì biết là duyên sinh mà hề duyên sanh thì như huyễn và ngay lúc ấy là ngộ được cái bản thể chơn như của ta. Tại vì các pháp mà vắng bật hết rồi thì chơn như hiển lộ. Một niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh.

Đây là bài tụng Vô Tướng của Lục Tổ Huệ Năng: “Ta có một bài tụng vô tướng, các người phải tụng đọc, người tại gia hay xuất ra cũng phải y theo bài tụng này mà tu hành, nếu tự ta chẳng tu mà chỉ nhớ lời ta nói thì cũng không mất gì, hãy nghe ta tụng”. Tụng rằng,

*Nói thông Tâm cũng thông, như mặt nhật trên không.
Duy truyền pháp thấy Tánh, xuống thế phá tà tâm
Pháp vốn không đốn, tiệm; mê ngộ có chậm mau.
Chỉ môn thấy Tánh ấy, kẻ muội chẳng kham vào.
Nói tuy muôn việc đủ, lý hiệp một không hai
Trong lòng sanh khổ não, thường tu huệ phát khai.
Tà sanh phiền não dấy, chánh đến phiền não tan.
Chánh tà đều chẳng dụng, thanh tịnh chứng Niết-bàn.*

Bồ đề là tự tánh, tâm động tức vọng mong.
Tịnh tâm trong chỗ vọng, tâm chánh chướng tiêu
vong.
Người tu theo chánh đạo, muôn vật chớ tổn thương.
Lỗi ta hay xét thấy, mới hiệp đạo chơn thường.
Muôn loài tự có đạo, chớ giết hại loài nào.
Lìa đạo mà tìm đạo, chung thân đạo khó vào.
Bôn ba qua một kiếp, rốt cuộc phiền não còn.
Muốn thấy nền chơn đạo, làm chánh ấy đạo chơn.
Đạo tâm ta chẳng có, làm quấy đạo lìa xa.
Người thật lòng hành đạo, lỗi đời khá bỏ qua.
Nếu thấy người làm lỗi, ấy ta lỗi chẳng sai.
Người lỗi ta chẳng lỗi, ta lỗi bởi chệch sai.
Hãy trừ lòng tưởng quấy, phiền não phá tiêu tan.
Ghét yêu đừng để dạ, đuổi cảnh nghỉ thanh nhàn.
Muôn lo toan độ thế, phương tiện phải sẵn sàng.
Chớ để người nghi hoặc, tánh họ mới mình quang.
Phật pháp ở trần thế, không xa thế giác mà.
Bỏ đời tìm đạo chánh, sùng thờ tìm sao ra?
Chánh kiến là xuất thế, tà kiến ấy thế gian
Chánh tà đều phá hết, Phật tánh hiện rõ ràng.
Tụng này là Đốn giáo, cũng kêu Đại pháp thuyền.
Mê nghe kinh lý kiếp, ngộ thấy Phật tâm liên.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Kính thưa chư vị, bài học này mượn câu chuyện của ngài Thần Tú, ngài Huệ Năng để giải thích Kinh Thủ Lăng Nghiêm, nói về cái tự tánh cái kiến tánh, cái thật, cái giả, cái vọng tưởng và cái chơn. Trong bài trước chúng tôi có nói tới kiến tâm không vọng mà cũng không chơn. Trước đó thì chúng tôi đã nói là nó thường trụ thì tất cả đều chỉ là phương tiện. Cái mà chúng tôi rất quan trọng là khi bạn nghe bạn khởi tâm, một là bạn khởi tâm hoan hỉ vì biết rất rõ, thấy được cái tâm tánh của ta. Hai là không thấy, mù mờ, tâm khởi lên phiền não ngay. Cái lúc mà khởi lên phiền não thì cái gì sinh ra phiền não. Ấy mới là điều bạn được lợi lạc chứ không phải là cái điều nghe nói là chơn tánh hay là chơn như tam muội, ý nghĩa của nó như thế nào? Mặt mũi ra sao?

Những điều ấy chỉ là phương tiện, những điều ấy chỉ là ngón tay. Điều ấy không phải là mặt trăng. Nếu bạn chấp vào đó là mặt trăng thì bạn đã chấp vào ngón tay là mặt trăng. Những điều nghe nói, nội dung như thế nào không quan trọng, đúng sai cũng không quan trọng. Nó chỉ quan trọng là khởi lên trong tâm của bạn. Một là bạn trực nhận ra cái bản tâm của ta, tại vì ở nơi cái âm thanh ấy mà nhận ra được thì rất là vô cùng thù thắng. Nếu không nhận ra được mà khởi tâm phiền não thì lập tức cũng nhận được cái phiền não ấy từ đâu mà sinh ra. Nếu vì duyên sinh, tức là duyên, duyên theo cái pháp, duyên theo cái âm thanh mà sinh ra, tức là nó không thật. Tại vì những gì thuộc về duyên sanh thì như

huyền. Nó có tướng như thế mà không có. Cho nên tất cả những gì nội dung đúng, sai, có, không, phiền não, bò đê, ... tất cả những cái ấy bạn nếu quan tâm vào văn tự thì bạn bị kẹt cứng vào văn tự, tức là bạn đã nhận lầm cái ngón tay là mặt trăng.

Còn nếu bạn khởi tâm, hoan hỷ, hay phiền não thì cũng lập tức phát hiện ra được rằng cái tâm ấy từ đâu sinh ra. Ngay khi vừa quán chiếu, biết rất rõ cái tâm ấy từ đâu sanh ra, tâm hoan hỷ, tâm phiền não sanh ra thì ngay lập tức nó biến mất và vì biến mất thì vắng bật mà thường xuyên vắng bật, đều quán chiếu như thế mà tâm thường thường vắng bật tĩnh lặng, không có một chút động, thì sống trong cái bản thể thanh tịnh ấy, ở cái chỗ ấy mới là thù thắng chứ không phải nơi nội dung đúng hay sai hay là ý nghĩa như thế này thế kia. Điều đấy không có gì quan trọng hết. Tại vì nó là vô ngã tướng là phương tiện để nói thể thôi. Đức Thế Tôn chỉ dùng ngón tay để chỉ cho thấy mặt trăng hay là dùng ngón tay chỉ mặt trăng dưới nước rồi nói cái đó là mặt trăng thì không lẽ cái đó là mặt trăng thứ hai, nếu không có cái mặt trăng trên bầu trời thì làm gì có mặt trăng ở dưới nước. Cho nên nếu làm chấp đó là cái bóng của mặt trăng ở trên trời thì cũng là sai, tại vì nó không phải là bóng.

Câu hỏi: Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Con kính lễ thầy, con thành kính tri ân thầy đã dạy cho chúng con nghe về cái bài pháp này. Từ lúc đầu cho tới lúc nghe hết bài pháp thầy giảng cũng nhiều nhưng con chỉ nhớ được theo ý của

con thôi. Con hiểu theo ý của con là ta không được kiến đoạn và có hay không. Ta phải để cho mọi thứ tự nhiên và quan sát cái tâm của ta. Dù đó là cái ý khởi lên xấu hay là tốt hay như thế nào đi nữa thì ta cứ để cho mọi thứ tự nhiên và ta quan sát thôi, thì từ cái sự hiểu của con như vậy thì đó là sự hiểu thôi, còn trên mặt thực tế con đem cái hiểu này ra và con thực hành là ta luôn theo dõi, coi thử là ta khởi lên như thế nào hoặc những lúc buồn, vui thì ta cứ để tự nhiên như vậy ta không có chấp vào đó rồi từ từ nó qua, từ từ lắng xuống thì như vậy con quan sát suốt ngày, suốt đêm, trừ lúc nào con ngủ làm liên tục như vậy luôn, hay là bên cạnh đó thì con có nên có những giờ công phu để cho ta có định lực mạnh hơn. Đó là cách các Tổ hồi xưa giác ngộ ra còn như chúng con đây thì chỉ hiểu theo lời dạy của thầy, nhưng trên mặt thực tế có thể là ta cũng bị những vọng tưởng, hoặc là những hình ảnh kéo cái tâm ta theo ta bị chấp vào đó, ta không có định được. Ý của con muốn hỏi ở đây là từ sự hiểu đó, ta quán sát tâm hằng ngày như vậy ta không có cần thời khóa công phu nhất định nay là ta cũng nên có một cái thời khóa công phu nhất định để có thêm định lực mạnh hơn. Hay như thế nào con cũng chưa rõ. Con kính thỉnh sư lên chỉ dạy thêm cho chúng con hiểu. Con kính tri ân sư.

Trả lời: Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu trong từng sát-na ta đều quán chiếu những cái sinh sinh diệt diệt ở trong tâm của ta thì rất là thù thắng. Đức Thế Tôn đã dạy nếu hành giả nào luôn luôn quán chiếu tâm của ta, khi nó sanh

biết nó sanh, khi nó diệt biết nó diệt thì rất là thù thắng, biết trước ngày chết và định được ngày chết và định được rằng ta sẽ đi đâu, biết hết, không có sai. Lý do tại sao? Tại vì khi mỗi lần quán chiếu nó thì lập tức biến mất, mà nếu quán chiếu trong từng sát-na đi, đứng, nằm, ngồi đều quán chiếu; ăn, uống, ngủ, nghỉ đều quán chiếu thì như vậy tâm không còn sanh nữa, mà một niệm không sanh thì làm gì có niệm diệt. Nếu đã không sanh thì không diệt mà nếu không sinh không diệt thì là hoàn toàn vắng bật hết tất cả những vọng tưởng điên đảo, có nghĩa là sống không có thì lúc bấy giờ nước trở về với bản thể tự nhiên của nó. Lúc bấy giờ con người sống trong bản thể thanh tịnh, nhưng mà không có nghĩa là ta thấy thanh tịnh.

Nếu bạn còn thấy rằng ta đang sống trong cái sự thanh tịnh thì cái ấy là tiền trần thanh tịnh. Tại vì còn thấy có cái thanh tịnh thì cái ấy là Kiến Tính, tức là cái mà ta biết rằng đang thanh tịnh thì lấy cái gì để biết cái sự thanh tịnh ấy? Nếu mà biết rằng ta đã lấy cái gì để biết cái sự thanh tịnh ấy thì phải có cái gì đấy để biết. Tức là đối tượng và cái ngã, ngã sở lập tức là ta dính mắc vào cái chỗ duyên sanh.

Cái bản thể tự nhiên là tự nhiên, ăn thì cứ ăn, uống thì uống, ngủ thì ngủ nhưng biết rất rõ, người đang ăn biết rất rõ, đang uống biết rất rõ, đang nằm, nằm nghiêng biết nằm nghiêng, nằm ngửa biết nằm ngửa, nằm dọc biết nằm dọc, nằm sấp biết nằm sấp. Tất cả những cái ấy đều phải biết, thở ra biết thở ra, nhất là đi đứng, nằm ngồi đều biết rất rõ ta đang làm

gì. Khi nói cũng biết ta đang nói cái gì, cái miệng ta đang nhấp nháy và âm thanh đang phát ra biết rất rõ. Hơi thở, thở ra cũng biết đang thở ra, thở vào cũng biết đang vào. Cái biết đấy, không ngừng mà nếu như ta thấy ngừng thì lập tức ta biết rằng ấy là do vọng tưởng điên đảo che bít đi một khúc nào đó, khoảng nào đấy trong cái tâm thức của ta mà thôi, chứ thực sự ra cái bản thể của nó không có ngừng.

Tại vì nó không đến, không đi, không sanh, không diệt thì lấy gì mà nói rằng là ngừng hay là không ngừng. Nó không có ngừng nhưng bị gián đoạn vì bị che đậy. Thế thì cái che đậy ấy là gì? Cái che đậy ấy là những đám mây tham sân si. Cái đám mây tham sân si không che mất đi cái bản thể thanh tịnh, tức là cái ánh sáng của trí tuệ, nhưng mà nó làm cho cái tầm nhìn của ta không với tới được, có nghĩa là nơi cái căn của ta bị nhiễu, có thể thôi. Có nghĩa là phan duyên.

Nếu chúng ta quán chiếu được biết nó là duyên thì không thực, thì cái nguyên tắc là hễ mà quán chiếu rồi thì tự nhiên biến mất, mà nếu không quán chiếu thì nó nằm đó. Cho nên nó không thực, nếu mà ta chấp là ta kẹt, chấp có cũng kẹt, chấp không cũng kẹt. Tại vì nó rơi vào kiến chấp. Có 3 thứ chấp căn bản là ngã chấp, pháp chấp và kiến chấp. Ngã chấp là chấp rằng thân là có thật, mà thật sự thân là do cái tứ đại và ngũ uẩn kết tạo lại mà thành cái ngã nó là không có. Cái tướng thì bề ngoài có tướng, có nam, có nữ, có cao, có thấp, có mập, có gầy nhưng mà cái tự tánh của nó là rỗng rang không có thật, như thế thôi.

Câu hỏi: Con có một câu hỏi là những lúc tâm thanh tịnh lại thấy ta là phát tâm hiểu nhiều nên hành động sai.

Trả lời: Thế thì cái phát tâm mà hiểu nhiều thứ chúng tôi đã trình bày với bạn, chúng ta thấy có nam, có nữ, có người cao người thấp, có nhà, có cửa, có xe, có núi, có rừng, ... Bạn thấy khác không? Trong kinh nói rằng là do cái diệu tâm biến hiện ra như thế, tức là cái tướng tri biến hiện ra như thế thôi. Còn cái liễu tri, tức là thấy rõ thực tướng của các Pháp giống như thế thì chưa tới đâu, chỉ tưởng là ta đã biết có nghĩa là tướng tri. Thế thì cái ấy ở đâu, ở cái chỗ lẫn lộn nào mà ta không thấy.

Nếu nói về khoa học, chúng ta đều biết cái trái đất này có 118 cái nguyên tử mà thôi. Các vật chất núi sông, nhà cửa, con người, chó, mèo, xe hơi, ... đều chỉ có gói gọn lại 108 nguyên tử, vì khác về cấu trúc và số lượng các chất trong ấy cho nên con người ta thấy khác nhau, thí dụ như là oxygen, rồi sắt, đồng, chì, kẽm vì có cấu trúc của electron, notron, và proton cho nên là thấy khác nhau và hình tướng khác nhau, một số lượng nhiều hay ít, đâm ra có cái tướng khác nhau thôi, chứ còn tất cả vạn pháp chỉ là electron, proton, neutron(notron).

Nếu bạn nào đã từng học khoa học đều biết những thứ ấy là năng lượng mà năng lượng thì cùng là một thể. Khi các nguyên tử bị phá vỡ thì chỉ còn lại là năng lượng. Thế thì nó chỉ là năng lượng: sắt, đồng, chì, kẽm, ... con gái, đàn ông,

đàn bà, núi sông, xe cộ, ... đều chỉ là 118 nguyên tử tạo thành trái đất này chứ không hơn, không có 109 cũng không phải 106, là 118 và trong mỗi nguyên tử ấy đều chỉ có electron, neutron và proton. Nó chỉ khác số lượng và cấu trúc.

Các pháp đều bình đẳng. Bởi thế cho nên trong kinh Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật hỏi ngài Tu Bồ Đề: *“Ta bói com cho ông, nhưng ông phải thấy rõ các pháp vốn bình đẳng com là pháp, pháp là com. Nếu ông thấy rõ được như thế thì ông mới xứng đáng được ăn com này”*. Com này có nghĩa là gì? Com đây thật sự là com pháp, tức là hiểu rõ chân tướng của các Pháp. Nghe như vậy, ngài Tu Bồ Đề vớt cái bình bát xuống dưới đất liền, sợ quá không dám cầm lên ăn nữa. Tại vì nếu không hiểu thì làm sao xứng đáng được ăn, cho nên vớt cái bình bát xuống.

Thế thì khi thấy cái tâm thanh tịnh, thì ta thấy ta hiểu nhiều và ta thấy ta hiểu nhiều, tức là ta đã chấp, chấp rằng là có cái ngã, phải có cái ngã sở, nếu không có cái ngã sở thì làm sao gọi là hiểu nhiều. Thế thì cái tâm ấy phan duyên, mà tâm phan duyên là cái tâm huyền, tức là không có thật, thì làm sao không hành động sai. Tại vì nó có phải là chơn tâm đâu mà hành động đúng? Không theo Chánh pháp. Chơn tâm thì theo Chánh pháp mà tâm huyền thì theo ma pháp. Cho nên cái tâm ma tâm huyền, thực sự ra nói là khác thì cũng trật mà nói là một thì cũng cũng sai.

Khi nước mà bị gió thổi một cái thì nổi lên sóng. Nếu nói sóng ấy không phải là nước thì cũng trật mà nếu nói rằng

sóng ấy là nước thì cũng sai. Tại vì nước thanh tịnh, vắng lặng và tự nhiên có cái sóng là nó có trong suốt rồi có bọt với các thứ. Nói giống nhau thì trật, nói là một thì cũng trật mà nói là hai thì cũng trật. Cho nên chỉ cần nhận diện ra như thị, nó là như thế, các pháp đều như thế. Thì đương nhiên đâu còn ngã mà nếu ngã đã không rồi thì làm gì có cái gọi là hiểu biết.

Ở trong kinh Pháp Cú Phẩm Ngàn, Đức Thế Tôn đứng ở giữa đường thì ông Bahiya tới chặn lại xin Đức Thế Tôn cho một câu thôi, để ông tu học. Đức Thế Tôn mới nói: *“Này hiền giả, nếu người thật sự muốn tu học thì nay ta nói cho người biết người nên quán chiếu như thế này người sẽ được lợi lạc. Trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái nghe chỉ có cái nghe, trong cái sự hiểu biết, chỉ có cái hiểu biết”*. Tức là đối tượng thôi chứ còn thực sự ra căn trần đều là không thật. Mà cái thức cũng là huyễn. Cái thức, tức là cái biết, cái biết của con mắt, cái biết của cái mũi, cái mũi khi vừa ngửi là biết liền cái đó là mùi thối, mùi thơm, con mắt vừa nhìn là biết đưa đó là con gái con trai, đàn ông đàn bà, hay là nhà cửa hay là chiếc xe hơi? Nhìn là biết liền. Thế thì cái biết liền ấy thật sự ra ta tưởng nó là cái tính biết, nhưng mà chỉ là cái thức thôi. Nhãn thức, tại sao thế? Tại vì con mắt ta nhìn từ nhỏ thấy cha thấy mẹ và cha mẹ dạy cho ta như thế. Nói như thế, lớn lên đi chơi với bạn, bạn cũng nói như thế rồi đi trường học thầy giáo dạy như thế, cho nên là ta bị nhiễm, con mắt ta nhìn thì trung khu thị giác thần kinh trên não hoạt

động liền và ghi nhận theo cái huân tập từ nhỏ tới lớn. Cái sự giáo dục nhồi sọ từ nhỏ tới lớn mà thấy phát ra lời nói, sự công nhận, sự phủ nhận mà thôi. Tất cả những cái ấy đều được huân tập từ nhỏ, có nghĩa là huyễn không có thực mà ta chấp có thật. Kẹt là kẹt ở cái chỗ này, tức là chấp cái phương tiện.

Câu hỏi: Con muốn tu tập mà bị nhiều tâm ma.

Trả lời: Tâm ma do duyên, phan duyên gọi là tâm ma; mượn cái chữ ma là văn tự để diễn tả, để dễ hiểu thôi. Chữ tâm còn không có thì làm gì có ma. Cái tâm là phan duyên phải gá vào cái gì đấy mới sanh tâm. Nếu nói rằng có tâm tham tâm sân tâm si, thì cái tâm tham là cái gì, tâm tự tánh không có. Cho nên nếu cái tâm đã không có thì tâm ma ở đâu?. Tâm ma như là sóng, mà tâm Phật là nước. Thế thì sóng với nước có khác không? Nếu nói là một hay không, nói cái gì cũng trật. Ở trong dạng động và dạng tĩnh của một cái vật thể thì chúng ta phải nhận rất rõ cái vật thể là như thế. Công dụng của nó là như thế. Thể lực tướng tánh như thế, phải thấy rất rõ thôi. Chứ nói là ma là danh tự, tâm là phan duyên, là huyễn thì làm gì có ma. Nếu tâm đã là huyễn rồi thì tâm ma cũng là huyễn, là không thật thì có cái gì đâu mà phải sợ nó phách.

Còn cái nghiệp là nghiệp không dính lúu gì tới cái tâm ma. Tâm ma là tâm ma còn nghiệp là nghiệp. Nghiệp là sự huân tập của tác ý, từ đời này sang đời kia. Nghiệp đó đã theo ta tới chân trời, góc biển; trong kinh Pháp Cú Đức Thế Tôn có

dạy như thế, có nghĩa là sao? Những gì mà chúng ta tạo ra từ quá khứ, nếu đầy đủ nhân duyên thì kiếp này sẽ trở quả và khi trở quả rồi thì ránh mà gánh, ránh chịu thôi. Và nếu bạn không chịu được thì bạn sinh ra phiền não, và nếu bạn chịu được thì sinh hoan hỉ.

Phiền não thì gieo cỏ vào trong cái mảnh đất tâm vì phiền não là cỏ cây, mảnh đất tâm của ta là thanh tịnh, mà ta gieo phiền não vào trong mảnh đất tâm thì mọc ra cỏ, cỏ mọc rất là nhanh, mọc rất nhiều, có nghĩa là phiền não, khi bỏ một thì sanh lại thành tới 100. Vì như vậy cho nên khi chết là phiền não theo ta tới chân trời, góc biển rồi tái sinh ra cũng bị phiền não. Nhưng nếu chúng ta hoan hỉ, chúng ta biết rằng cái ấy là nhân quả mà nhân quả đều là huyễn, là duyên sinh.

Thế thì có gì đâu mà phải sợ, phiền não thì coi như tự nhiên nó không nhiều hại được ta. Dầu có làm ta đau khổ về thân xác, về tâm trí đi chẳng nữa thì chẳng qua cái nhân quả ta phải trả thì cứ trả. Nhưng khi ta đã hoan hỉ rồi thì ta không khởi tâm phiền muộn và không trồng thêm cỏ trong mảnh đất tâm và vì không trồng cỏ trên mảnh đất tâm thì hoàn toàn là thanh tịnh và ở ngay chỗ ấy thì đã nói rất rõ trong kinh điển và ngay thực tế là khi chết thì tự động ta biết ta đi về đâu và tự ta quyết định cái nơi ta đến. Chứ cũng chẳng bị lôi kéo bởi cái gì. Cái này rất là thù thắng.

Khi đã tạo ra nghiệp, biết đã tạo nghiệp thì phải sám hối và chỉ bằng sám hối thì mới tạo được cái sự thanh tịnh của tâm. Hối hướng hay không cũng không quan trọng. Nhưng nếu

có hồi hướng thì những công lao làm công đức nếu có chút nào, nếu hồi hướng coi như người được nhận là có, ví dụ như thân nhân phụ mẫu của cha mẹ, anh em đều nhận được, những người chết đều nhận được, nếu ta có hồi hướng. Nhưng mà thường thường người ta nhận chút xíu thôi, trong kinh điển thì nói là ba bảy, họ nhận được ba ta được bảy. Nhưng cũng không quan tâm con số đâu, tại vì tùy nhân duyên, có thể có ít hay có nhiều nhưng mà sẽ nhận được, tức là cũng có một phần.

Cho nên có phải tụng Chú Đại Bi hay không? Hay là chỉ tâm ma ở trong tâm, Mà tâm ma thì đã nói không có rồi, cho nên cũng không cần phải thắc mắc. Còn tụng Chú Đại Bi ư? Chú Đại Bi với Tâm Kinh thì bài Tâm Kinh, đó là hai cái đi ngược chiều, tâm kinh thì lấy từ tâm để đi vào trí, còn Đại Bi thì lấy từ trí đi vào tâm. Lấy từ trí đi vào tâm, tức là khởi sự từ trí mà đi thì đi vào tâm. Cho nên Chú Đại Bi mới khởi đầu là thấy toàn là các câu niệm Phật nói về danh vị của các Chư Phật, nhưng tự nương vào ấy để tìm ra cái tâm. Còn ngược lại, bài Tâm Kinh nương vào cái tâm để tìm ra cái trí, tức là giống như hành giả đi trong cầu thang.

Một người đi từ trên xuống dưới, một người từ dưới đi lên trên. Hai người đều đi trong cầu thang chứ chẳng có ra khỏi cái cầu thang đâu. Cho nên nếu tụng Chú Đại Bi và sám hồi được thì công đức rất thù thắng, và từ đó rồi nghĩa là giải tán những vọng tưởng điên đảo và từ đó cái gọi là tâm ma cũng không có nữa. Còn nghiệp khi đã trở quả rồi thì có cách nào

cũng phải trả thôi. Nhưng mà trả trong sự hoan hỷ như vậy không còn vướng mắc, nếu không có vướng mắc thì đâu có còn lọt vào trong sanh tử luân hồi nữa.



BÀI 15: AN LẬP ĐẠO TRÀNG

Ngũ âm là vô tướng mà ngũ âm cũng là có tướng. Thế thì chúng ta biết duyên sự kinh Thủ Lăng Nghiêm là do ngài A Nan gặp nạn Ma Đăng Già tượng trưng cho cái tánh đó là tánh dâm. Vì không thấy được cái bản tâm thanh tịnh, không thiền định được nên tâm bị chạy theo cảnh. Cái thấy không rõ ràng, cái định không có, nên chạy theo cảnh Ma Đăng Già. Ma Đăng Già tượng trưng cho luật hấp dẫn của cảnh và tâm. Thế thì Đức Thế Tôn sau khi cứu ngài A Nan mới hỏi: *“Ông đi tu gì mà lạ vậy? Ông đi tu mà chỉ lo đa văn, không lo tu tập cái tâm của ông nên ông mới chạy theo cái cảnh, điên đảo”*.

Chúng ta cũng đã học tới 25 con đường đi và một cánh cửa vào đạo, bài này chúng ta học về cái tánh để nhận diện ra cái tánh, học về phẩm An Lập Đạo Tràng.

Trong kinh Duy Ma Cát, khi chúng ta nói tới đạo tràng thì chúng ta đều biết ấy là trực tâm. Trực tâm tức đạo tràng, chỗ nào thanh tịnh, chỗ nào vắng lặng các vọng niệm điên đảo thì nơi ấy là trực tâm, nơi ấy là đạo tràng.

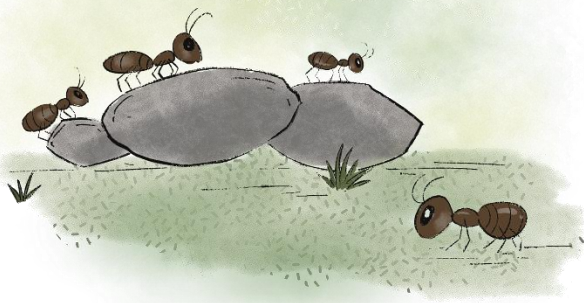
Ngài A Nan vì lợi ích cho chúng sanh đời vị lai cho nên mới cúi đầu lạy Phật: *“Bạch Thế Tôn, con nghe Như Lai nói tự ta chưa ngộ mà độ người khác ấy là chỗ phát tâm của Bồ Tát”*.

Tự ta chưa ngộ được mà phát tâm độ người khác thì chỗ ấy là chỗ của Bồ Tát, nghĩa là biết rằng đạo cả rất là cao, con đường vào đạo rất là xa, nhưng mà phát tâm là chứng đắc sau cùng để cho đại chúng chứng đắc trước, thì cái nguyện ấy là nguyện của Bồ Tát. Cũng giống như ngài Địa Tạng Bồ Tát, Ngài phát nguyện Ngài đi xuống dưới địa ngục để Ngài độ hết tất cả các chúng sanh rồi Ngài mới thành Phật, đó là nguyện của Bồ Tát. Cũng như thế, ngài Bồ Tát phát nguyện độ hết chúng sanh vào cõi cực lạc, phát nguyện thế sẽ không thành Phật nếu tất cả các chúng sanh không thành Phật là Ngài Pháp Tạng.

Ngài A Nan nguyện thế này: *“Con dù chưa được ngộ nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh trong thời Mạt pháp”*. Tức là ở trong thời Mạt pháp, ngài A Nan nguyện độ hết tất cả chúng sanh. Dù rằng ngài biết rằng chưa được ngộ, nhưng vẫn phát cái nguyện ấy. Điều ấy nói rằng ở trong thời Mạt pháp, khoảng thời chúng ta đang sống, xa lìa Chánh pháp, không gần Đức Phật. Tại vì đầy đủ các phương tiện làm cho chúng ta điên đảo, không gần Chánh pháp nên gọi là ở xa Đức Phật. Thế thì ở thời này gọi là không gần Chánh Pháp, xa Đức Phật. Ngài A Nan tượng trưng cho đa văn, ở thời mạt pháp này, chúng sanh xa lìa Chánh pháp, chỉ thích đa văn, chỉ thích đọc kinh cho nhiều, chỉ thích đi hết chùa này đến chùa kia mà không chịu tu. Cái tâm giống y như vậy đó, nên ngài A Nan tượng trưng cho chúng ta, tức là ham học đạo lý nhưng mà không tu tập.

Câu chuyện của con kiến ở vườn Kỳ Viên. Khi ngài Cấp Cô Độc làm một cái tịnh xá xong thỉnh Đức Phật tới. Ngài Xá Lợi Phất đến xem trước khi Đức Phật đến ngự. Ngài vừa mới đến cánh cổng thì ngài rớt nước mắt. Ngài Cấp Cô Độc mới hỏi: “*Bạch Tôn giả, nếu có gì ngài không vừa ý nói cho chúng tôi biết để sửa để khi Đức Phật đến ngự mà không thanh tịnh thì chúng tôi có tội.*”

Ngài Xá Lợi Phất nói thế này: “*Tất cả những cái ông làm là tuyệt vời, tôi rớt nước mắt là tại vì tôi dùng tuệ nhãn quán chiếu thấy có con kiến ở ngay cổng này, con kiến này đã mấy ngàn kiếp rồi, hễ chỗ nào Phật ra đời là đầu thai, rất là ham mê nhìn 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp của Đức Thế Tôn, cũng rất là ham mê nghe pháp. Chỗ nào Thế Tôn giảng, đầu thai ra để nghe Pháp nhưng nó không tu, thành ra là mấy ngàn kiếp cũng chỉ làm con kiến.*”



Nghĩa là khi tu, chúng ta phải văn-tư-tu. Văn là nghe, nghe Chánh pháp, nghe chỗ nào đúng chỗ nào sai, thử nghiệm. Tư là suy nghĩ ở trong tâm, lấy cái tâm ra để suy nghĩ. Tu tức là hành trì, còn nếu nghe pháp mà không hành trì thì cũng không được lợi lạc gì. Bởi thế Đức Thế Tôn mới nói bài Pháp Người phàm phu tán thán Như Lai, kẻ phàm phu tán thán Như Lai thì thường thường nói rằng, Như Lai có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, Như Lai có 2 tai dài, tướng đi rất an lạc, Pháp của Như Lai nói ra vô cùng hay. Đức Thế Tôn nói những loại người ấy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Người nào muốn thật sự tán thán Như Lai phải nghe theo Chánh pháp, người ấy phải khéo léo biết cách thiện xảo dùng những lời dạy của Đức Thế Tôn để hành trì trong cuộc sống để làm cho được lợi lạc hơn, và người khác cũng được lợi lạc hơn thì người ấy là kẻ thực tâm tán thán Như Lai, còn nếu mà chỉ theo cái hình tướng bề ngoài, lời lẽ khen tặng bề ngoài thì là phàm phu tán thán Như Lai.

Trong kinh Chánh Văn nói thế này: “*Ở vào thời Mạt pháp, A Nan dù chưa được ngộ nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh. Ngài cũng nói tiếp những chúng sanh này càng ngày cách Phật càng xa*”, tức là tâm con người ta điên đảo, chạy theo cảnh rất nhiều, bây giờ phương tiện gì cũng có, internet cũng có, đi mua hàng hóa không cần đi ra tiệm, lên internet mua trả tiền rồi người ta giao tới tận nơi, không cần đi đâu hết, sung sướng vô cùng, còn hơn cõi cực lạc của ngài A Di Đà. Ở trong cõi Cực Lạc của ngài A Di Đà trong kinh có nói,

khi người ta tưởng tới cái gì thì lập tức có cái ấy. Tưởng có cơm là có cơm, tưởng máy bay là có máy bay đem tới. Có khác gì thời này đâu, chúng ta đang ở cõi Cực Lạc đây. Chúng ta chỉ cần lên internet chúng ta mua cái gì đây là có người giao tới tận nơi, tức là tưởng cái gì có cái ấy, có khác gì trong kinh nói ẩn dụ tưởng cái gì có cái ấy.

Mà vì như thế, con người ta biếng nhác, giải đãi không tu. Ngài A Nan biết như thế cho nên mới nói trước: “*Thế Tôn, những chúng sanh này cách Phật càng ngày càng xa, thêm nữa bọn tà sư thuyết pháp như hằng sa*”, tức là trong thời buổi này không những Chánh pháp xa mà tà pháp lại phát triển khắp mọi nơi, có những pháp môn dạy người ta là chỉ cần đi theo vị giáo chủ, rồi vị ấy truyền cái gì ấy cho là tự nhiên chứng đắc. Vô cùng hay, chẳng cần phải tu, chỉ cần 5 phút thôi là đã thông hết tất cả cái huyết dâm độc, khai thông các huyết, có tuệ nhãn và nhìn thấy tất cả cõi trên cõi dưới. Cái đấy làm con người ta rất thích, đam mê.

Ai cũng nói tu khó quá, tụng kinh, trì chú, quỳ sám hối, ngay cả bản thân chúng tôi nhiều lúc cũng thấy ta không được thanh tịnh, tâm ta không an, cũng quỳ hương sám hối, tự ta sám hối **thôi** chẳng ai ép hết. Nhiều lúc nói mà phật tử cãi thì ta biết công đức của ta không có, cũng lập tức đi sám hối, quỳ hương sám hối chẳng ai ép nhưng ta biết ấy là lỗi nơi ta, không phải lỗi nơi người nên phải tự ta đi sám hối. Thế mà có những pháp môn chỉ cần tu 5 phút là đã có chứng chỉ vào Niết-Bàn. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, ngài A Nan nói

rõ: “Thế Tôn, chúng sanh này cách Phật càng ngày càng xa, bọn tà sư thuyết pháp như hằng sa, muốn nhiếp tâm họ nhập Tam Ma Địa thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng như thế nào để xa lìa các ma sự chẳng lui sụt nơi tâm bồ đề” tức là cách dựng đạo tràng như thế nào để chúng sanh đời sau có thể nhiếp tâm được để tránh xa các bọn tà sư thuyết pháp, mà cái tâm lại được gần nơi Phật, đó là câu hỏi của ngài A Nan. Thật sự ra, ngài A Nan cũng hỏi câu này cho chúng ta mà thôi.

Lúc bấy giờ Thế Tôn ở trong chúng khen ngợi ngài A Nan: “Lành thay, lành thay, như người hỏi về sự lập đạo tràng cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong thời Mạt pháp, thì người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói”.

Khi ngài A Nan thưa thỉnh, thì Đức Thế Tôn mới nói là sự an lập đạo tràng cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong thời Mạt Pháp. Có nghĩa là cái hạnh Bồ Tát, không nghĩ tới thân ta, bây giờ ta chúng đắc sau đi, ta chịu dốt đi, rồi ta giúp cho đại chúng được tu học được chúng đắc trước. Thí dụ như một vị mở ra cái đạo tràng này để thu băng và có website để bạn có thể nghe hằng ngày, thì người này chưa chắc đã hiểu được về các kinh điển của Phật dạy. Có khi nghe thì nghe vậy thôi, thích thì thích vậy thôi chứ hỏi hiểu thì chưa chắc đã hiểu. Nhưng mà cứ phát tâm làm như thế để giúp mọi người, người nào cũng được nghe, mở website để bỏ lên trên đây, ngày nào cũng 24 tiếng đồng hồ để mở ra, người nào cũng được nghe, người nào cũng lợi lạc. Người thích thì

nghe lâu, người không thích thì bước vào rồi bước ra, tại vì pháp này khó lắm, phải tu công phu vô lượng kiếp.

Đức Thế Tôn cũng thế, Ngài tu vô lượng kiếp ngài mới chứng đắc. Thế mà bây giờ có những cái pháp rất vi diệu, người ta quảng cáo chỉ 5 phút thôi là chứng đắc rồi. Thành thử ra khi mà vị ấy mở cái đạo tràng này ra chưa chắc vị ấy đã hiểu trong những bài pháp ý nghĩa nói là gì, nhưng mà vẫn hoan hỷ mở hoài, thích mở vậy thôi. Như vậy là phát tâm Bồ Tát. Nói thí dụ vậy thôi, chứ chúng tôi không nói vị ấy là Bồ Tát đâu. Chứ nói rồi vị ấy lại sinh ra ngã mạn, là cũng kẹt, rớt đáy. Tức là khi ta có hỷ lạc bởi cái việc ta làm, ngay lúc ấy cái ấy là cái vi tế, vi tế làm ta rớt. Làm mà không chấp, chúng sanh như huyễn, làm cũng như huyễn, pháp chỉ là phương tiện. Nếu ta chấp cái gì có là ta bị kẹt trong đó.

Phật bảo A Nan: *“Ngươi thường nghe ta khai giảng 3 nghĩa quyết định của sự tu hành trong Luật Tạng. Thứ nhất, nhiếp tâm thành giới. Thứ nhì từ giới thành định, từ định phát tuệ, gọi là ba vô lậu học”*.

Giới Định Tuệ. Giới là giới gì, thí dụ như Đức Thế Tôn nói không nên ngủ nhiều. Nếu bạn nói chấp vào tướng thì giới ấy là giới hôn trầm, hay giới ấy là giới giải đãi? Không phải thế. Giới ấy là giới luôn luôn tỉnh thức, giúp cho bạn không phải là vấn đề ngủ, mà vấn đề luôn luôn tỉnh thức, đi đứng nằm ngồi đều tỉnh thức theo chánh niệm. Biết ta đang làm cái gì, kể cả trong giấc ngủ. Bạn ngủ 10 tiếng đi chẳng nữa cũng mặc kệ, nhưng trong giấc ngủ giữ chánh niệm, luôn

luôn trong tình thức. Đi đứng nằm ngồi biết ta đang làm gì, hít vào biết ta hít vào, đi biết ta đi, ăn biết ta ăn, một việc thôi, không để tâm lãng xãng. Giới là như thế. Cho nên nói rằng giới định tuệ thì dễ, để hiểu được rất là khó. Hành trì lại càng khó hơn nữa.

Phật bảo A Nan, thế nào là giới. Nhiếp tâm là giới. Mà giới mục đích để làm gì? Cho thanh tịnh. Tất cả các giới đều đưa tới chỗ thanh tịnh của tâm. Thế thì nhiếp tâm là giới. Thí dụ nếu chúng sanh trong lục đạo thế giới mà tâm chẳng dâm dục thì chẳng sanh tử tương tục. Tại vì cái chữ sanh tử tương tục là do dâm dục. Nhưng cái này nằm ở tâm. Bạn có biết cái đó là gì? Đừng nghĩ đến cái pháp hữu vi, chẳng có dính líu gì đâu. Bạn ức chế tâm thì cũng vứt đi và chẳng thành tựu. Quan trọng là phải biết.

Thế Tôn có dạy, hành giả muốn cho thù thắng là có bài pháp Không Có Pháp Nào. Không có pháp nào là sao? Thế Tôn dạy các pháp đều đưa tới chỗ không thù thắng. Kể cả bố thí, trì giới, tinh tấn, v.v..., chỉ có một pháp thù thắng nhất là hành giả phải luôn luôn quán chiếu tâm của ta. Một niệm sanh biết nó sanh, một niệm diệt biết nó diệt. Niệm hỷ vừa sanh biết niệm hỷ vừa sanh và nếu niệm hỷ diệt biết niệm hỷ vừa diệt. Và chỉ bằng cách quán chiếu như thế thường xuyên trong từng sát-na đều luôn luôn quán chiếu, thì Đức Thế Tôn nói cái ấy là thù thắng nhất. Khi chúng ta luôn luôn quán chiếu như thế, lập tức các vọng tưởng điên đảo khởi lên ta đều nhận diện và như thế tự nhiên nó biến mất, tại vì nó là

duyên sanh, hễ mà chúng ta nhận diện ra thì biến mất, chẳng có ở đó nữa. Lâu ngày rồi tâm thuần thực, thì tự nhiên không còn bị vọng tưởng điên đảo nữa. Đó là pháp hành là như thế.

Cho nên thực sự ra dâm dục không quan trọng, dòng sanh tử tương tục cũng không quan trọng. Chẳng có gì quan trọng hết, cái đấy đều là do duyên sanh, nghiệp thức lôi kéo. Thế thì khi nhận rõ chân tướng của cái tâm, thì ngay lập tức tất cả các cột kèo đòn giông đều bị gãy đổ hết. Như Đức Thế Tôn sau 49 ngày ngồi dưới gốc cây Bồ Đề ngài chứng đắc, thì câu đầu tiên của ngài là: *“Kể từ nay, cái nghiệp không thể xây được cái nhà nữa”*, tại vì Đức Thế Tôn bằng tuệ nhãn, bằng cái Định đã nhìn rõ chân tướng của nghiệp. Và vì đã nhận rõ chân tướng của nó, thì tự nhiên gãy đổ hết, cái nghiệp hoàn toàn sập đổ và không còn tái sanh trong kiếp nào nữa.

Cho nên, nếu không nhận rõ thì cứ say mê, say mê trên cái cảm thọ cho nên sanh tử luân hồi. Ở trong kinh Phạm Võng cũng nói thế, 62 luận lý cao siêu của Bà La Môn cũng đều ở trong cái lưới, như con cá bay lên thì vướng vào cái lưới mà không bao giờ thoát, thế thì cái lưới ấy là gì, cái lưới ấy là sự cảm thọ. Phạm Võng là nói về sự cảm thọ. Khi các vị đại luận sư cố gắng bảo vệ cái luận thuyết của ta, thì đã có sự cảm thọ. Thọ rằng các pháp ấy là của ta, thọ rằng các pháp ấy là vi diệu, thọ rằng các pháp ấy là đưa tới sự giải thoát. Cho nên càng rối rắm, càng vướng mắc vào đấy. Đây là cái lý ở trong đạo, cho tới khi nào bạn buông xả được.

Đức Thế Tôn dạy, nhiếp tâm là giới, tức là lúc nào cũng phải nhiếp tâm. Nhiếp tâm là sao? Là không để cái tâm rong ruổi theo căn theo trần. Thấy cô gái đẹp đi ngang thì biết là cô gái, không khởi cái tình thức, vọng tưởng, khởi tâm đẹp xấu phân biệt thì gọi là nhiếp tâm. Nghe một âm thanh khen thì cũng nhiếp tâm, cũng đừng vì thế mà hoan hỷ. Đức Thế Tôn mở ra 4 vạn 8 ngàn pháp môn dạy cho chúng sanh cũng để chỉ cho chúng sanh quay trở lại cái tâm của ta, nhìn biết cái hiện tượng của nó như thế nào mà thôi. Khi đã biết rồi thì kinh điển trở thành không có ích lợi gì thêm, tại vì đã thấy được cái tâm rồi thì cứ thế mà tu.

Ở trong kinh Pháp Hoa, có nói thế này: “*Chư Phật ba đời thị hiện ra cũng chỉ vì một đại sự nhân duyên, mà đại sự nhân duyên ấy là tổ ngộ tri kiến Phật cho chúng sanh*”, có nghĩa là chư Phật ba đời thị hiện ra cho chúng ta thấy, chẳng qua là các Ngài rất từ bi, các Ngài muốn nói cho chúng ta biết cái điều chư Phật biết. Thế thì điều chư Phật biết là gì? Là Phật Tánh nơi chúng sanh và Phật Tánh nơi Phật đều bình đẳng, đều giống nhau. Thế thì câu hỏi kế tiếp là nếu nói nó giống nhau, bình đẳng thì tại sao ông Phật là ông Phật, còn các con như thế này cứ là chúng sanh lăn trôi trong 3 cõi 6 đường. Tham sân si đầy dẫy, ai khen thì thích, ai chê thì buồn phiền. Mà ai khen người khác cũng không ưa.

Ngài Huệ Năng có nói: “*Người nào nói lỗi kẻ khác, thì lỗi ta đã tới bên chân*”. Ở trong tục ngữ có câu rất đơn giản: “*Ngậm máu phun người, dư miệng ta trước*”. Cho nên người

tu hành nếu đi nói lỗi của người khác thì ngay lập tức lỗi rồi. Tâm ta đã vọng tưởng điên đảo rồi, tại vì nó có đầu, vạn pháp vốn là không, từ cái chân không diệu hữu vốn thanh tịnh, có cái gì đầu mà ta phải khởi tâm lên để phiền não, để phải thế này thế kia. Mà khi khởi tâm lên để nói người này xấu người kia xấu thì là có tác ý, nghĩa là có tạo nghiệp, hễ có tạo nghiệp thì đừng trách sao ta sanh tử luân hồi 3 cõi 6 đường không ra khỏi.

Trực tâm tức đạo tràng là ngay ở chỗ thanh tịnh. Thế thì lấy cái gì để thanh tịnh. Là nhiếp tâm là giới. Đức Thế Tôn dạy hãy nhiếp tâm. Thế thì làm sao nhiếp tâm. Nếu chúng sanh lục đạo trong thế giới không theo dòng sinh tử tương tục vì tâm chẳng dâm dục. Tâm chẳng dâm dục không phải nói cái dâm đâu, mà đây nói cái cảnh, tâm không chạy theo cảnh thì không theo dòng sanh tử tương tục. Không ái nhiễm không có thì làm sao thấy cái ngã, không có cái ngã thì đâu còn cái gì làm sanh tử tương tục.

Cách đây 50 hay 60 năm, trái đất này có khoảng 2 tỷ người cho tới hôm nay trái đất này có khoảng hơn 7 tỷ người tức là tăng lên gấp 3. Thế cái số lượng 4 tỷ người đó ở đâu mà có. Có phải tự nhiên nó có? Mà nếu nó không từ các loài súc sanh hạ quý đầu thai lên làm người thì ở đâu? Có nghĩa là nếu không nhờ cái sự sanh sản thì làm gì các cái sinh vật khác có cơ hội để đầu thai làm người.

Từ các sinh vật tu tập trả nghiệp xong rồi muốn đầu thai làm người thì phải có người tạo tác giữa hai phái tính để rồi

mới sanh ra. Thì mới có dân số đông như thế, nên chuyện đó là bình thường, đừng nghĩ là ghê gớm, bản thủ hay dơ dáy. Cái tâm ta thấy dơ dáy thì là dơ dáy. Tâm ta thấy như uest là như uest, còn chuyện đó là hộ trì cho sự sinh sản của các loài sinh vật, khi các loài sinh vật muốn được nâng cấp lên làm người thì cũng phải có chỗ vào. 60 năm trước có khoảng 2 tỷ và bây giờ lên khoảng hơn 7 tỷ, hơn 4 tỷ đó từ đâu? nếu nói theo lý thuyết nhà Phật thì một là từ các loài súc sanh đầu thai lên, tức là tu học trả nghiệp và quay lại làm người. Nếu mà nam, nữ không có vấn đề linh tinh ấy thì làm sao sanh đẻ ra con người. Nếu không ai làm chuyện ấy hết thì súc vật cứ ở làm súc vật hoài không được đầu thai làm người hay sao? Cho nên nếu hiểu rất rõ thực tướng của các pháp thì bạn cứ an tâm. Đừng có mê đắm ở trong ấy. Cái quan trọng vẫn là cảm thọ, chứ không phải là hành động đâu. Cảm thọ rất là quan trọng.

Vào thời Đức Thế Tôn, có một nữ đệ tử đã chứng đắc A La Hán, rất là đẹp. Xưa kia rất là nổi tiếng, là Liên Hoa Sắc. Khi còn trẻ vì đẹp nên ở trong làng có tục lệ là kiếm cô gái đẹp để khi có những khách quý đến làng thì cho cô ấy ra phục vụ để làm hài lòng khách. Cô ấy phục vụ không biết bao nhiêu người, nhưng khi nghe gặp Đức Thế Tôn dạy thì cô chứng A La Hán. Trong một buổi đi khát thực quay về độ trai trưa thì lập tức có anh chàng núp ở dưới giường xuất hiện ra cưỡng dâm. Thì lúc bấy giờ có giới luật nếu kẻ nào phạm giới dâm thì sẽ bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn vì biển cả

không chứa tử thi, có nghĩa là Chánh pháp không chứa những gì ô uế.

Thế thì cô ta hoảng hồn chạy lên gặp Đức Thế Tôn. Thế Tôn hỏi: *“Nhưng mà con có cảm thọ không?”* Tức là thấy thích thú không, nếu có cảm thọ tức là thấy thích thú thì là phạm giới. Cô ta nói: *“Bạch Thế Tôn, con không thấy gì hết, con thấy như lửa áp vào người, con thấy như con đang ở trong địa ngục”*. Đức Thế Tôn nói nếu như không có cảm thọ thì không có phạm giới.

Cho nên Giới là như thế. Tức là không chỉ tới cái hành động mà ở chỗ cảm thọ. Cho nên nếu không có cảm thọ thì không sao hết. Cái sanh tử luân hồi đều do cái cảm thọ mà ra. Và ngay cả trong cái lý luận cũng thế. Người ta chấp rằng cái lý luận của người ta đúng thì cũng là có cảm thọ. Trong kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn nói 62 cái lý luận của Bà La Môn đều không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, lý do là tại vì người nào cũng cảm thọ. Cảm thọ cái thuyết ấy, nói rằng có cái thuyết và thuyết ấy là của ông ta. Và cái thuyết của ông ta thì trên hết tất cả các thuyết khác, coi như phát hiện ra ngã, ngã sở đủ các thứ. Cảm thọ từ trong cái cảm thọ ấy cho nên mắc kẹt.

Nói như thế để cho bạn thấy sự vận hành của vũ trụ, tức là pháp vô cùng vi diệu, chẳng nói mà cứ thế vận hành. Nếu chúng ta chấp cứng ngắc sẽ không thấy được các pháp tự nhiên của vũ trụ, mà không hiểu được như thế nào thì coi như là chúng ta mơ màng lạc trong 3 cõi 6 đường mà thôi.

Đức Thế Tôn nói: “*Tu chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dầu cho có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu chẳng đoạn dâm ắt lạc vào ma đạo, hạng trên thì thành ma vương, hạng giữa thì thành ma dân, và hạng dưới nữa thì thành ma nữ. Bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp ma dân này sôi nổi trên thế gian, thịnh hành ham dâm tự xưng là thiện tri thức khiến cho chúng sanh sa lâm ái kiến lạc mất bờ đề đạo”.*

Hiện nay có nhiều pháp môn chỉ cần theo là được chứng đắc ngay, chẳng cần phải tu, chỉ 5 phút sau là được chứng đắc rồi. Đây là chỗ Đức Thế Tôn nói. Tức là các loại ấy đều có đồ chúng, rồi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi diệt độ trong thời Mạt pháp thì sôi nổi trên thế gian, xưng thế này thế kia dẫn dắt chúng sanh lạc vào hàm ái kiến. Ái kiến tức là không những kiến mà còn ái kiến, tức là chấp cứng ngắc giống như 62 luận thuyết ở trong kinh Phạm Võng.

Đức Thế Tôn dạy: “*Ngươi dạy người đời tu Tam Ma Địa trước hết phải dứt dâm dục, ấy là lợi bảo rõ ràng trong sạch, nghĩa quyết định thứ nhất của chư Phật. Nếu chẳng dứt mà tu thiên định thì như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải trăm ngàn kiếp cũng chỉ là cát nóng”.* Vì cát vốn chẳng phải cơm. Nếu lấy cái thân dâm mà cầu diệu quả của Phật, dầu được khai ngộ cũng chỉ là gốc dâm. Cội gốc đã thành dâm

thì phải trôi lăn trong tam ác đạo, làm sao có thể tu chứng đạo Niết-bàn ấy là phải khiến thân tâm đều dứt hết sự dâm. Cái dứt cũng chẳng có thì mới hy vọng chứng quả Bồ Đề.

Trước hết dứt hết cái hình tướng, dứt cái tâm chạy theo cảnh rồi sau đó dứt luôn cái dứt. Bởi vậy lúc đầu nói có 25 con đường và 1 cửa để vào đạo, rồi cuối cùng nói 25 con đường ấy không có, chỉ có 1 cánh cửa, rồi cuối cùng cánh cửa cũng không có luôn, chẳng qua 3 cái khóa đó để khóa hờ vậy thôi, hành giả khi hiểu được lý lẽ của đạo thì đẩy cửa mà vào, còn người mê mờ thì chấp rằng đó là có.

Ba cái ổ khóa đấy là khóa tham, khóa sân, khóa si. Treo lên cái cửa vậy thôi cho những người mê mờ, tức là tâm lúc nào cũng tham sân si, háo danh háo sắc, đa văn, ... đủ mọi thứ. Chạy theo trần cảnh thì thấy 3 cái ổ khóa thật sự 3 cái ổ khóa đó cũng là không. Tự tánh vốn là thanh tịnh, do duyên mà sanh. Có ai nói tâm sân, tâm tham tự nhiên có đâu. Tâm tham phải có cái gì mới tham. Khi nghe pháp mà tham thì cũng là tham. Cho nên chúng ta luôn luôn sống trong tình thức là như thế. Khi làm biết ta làm, thì thù thắng, nếu không là chúng ta bị ngay cái vi tế đó gạt.

Đức Thế Tôn nói tiếp: “*Như lời ta thuyết thì gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế là ma thuyết. A Nan, lại chúng sanh trong lục đạo thế giới nếu tâm chẳng sát hại thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục, tại sao thế? Tại giết người thì người giết cứ như thế mà quay trở lại đầu thai để mà đòi, bên đòi bên trả cho nên cứ sanh tử như thế thôi. Nếu có nhiều*

trí thiên định mà không dứt được cái sát thì cũng là lạc vào trong cái quỷ thần. Nếu hạng nào trên giới thì Thần Đại Lực, quỷ hàng giữa thì Phi Hành Dạ Xoa và các hàng quỷ đối hạng dưới thì thành Địa Hành La Sát. Các loại quỷ thần kia đều có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng thành đạo vô thượng, sau khi ta diệt độ trong thời Mạt Pháp loại quỷ thần này sôi nổi trên thế gian, tự nói ăn thịt cũng được đạo Bồ Đề”. Dám tự xưng ăn thịt sát sanh đều được Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Thế Tôn dạy rất rõ, dù là có thiên định, nhưng tâm sát hại không trừ cho nên bị đọa vào quỷ thần, tức là có năng lực thần thông nhưng mà vẫn là quỷ. Những loại quỷ đó hiện ra, quy tụ đồ chúng, xưng là đạo vô thượng, có thần thông, lấy nước cho uống hết bệnh rồi người ta mê mờ theo. Loại quỷ thần đó sôi nổi và tại vì có tánh sát, cho nên sẽ nói là ăn thịt vẫn được chứng đạo Bồ Đề. Không phải tự nhiên người ta bày ra đầu, kinh sách có nói đây.

“A Nan, sở dĩ ta tạm cho hàng Tỳ-kheo ăn ngũ tịnh nhục việc này do thần lực của ta hóa thành, vốn chẳng có sinh mạng, vì sứ Bà La Môn đất đai phần nhiều ẩm ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ chẳng xanh nên tạm thời dùng súc đại bi hóa ra giả danh là thịt cho các người được ăn, nhưng tiếc thay sau khi Như Lai diệt độ, người mang tên Phật Tử lại ăn thịt chúng sanh.” Tức là những cái cho phép ăn thật sự Đức Thế Tôn chỉ hóa hiện ra như thế mà thôi, chứ không thực, và khi người ta ăn người ta lại ưa thích rồi chấp đó, căn cứ đó nói là Đức Phật cho phép ăn.

Thật sự cái ản ý ở trong này không phải nói vấn đề ăn hay không ăn, chẳng quan trọng gì đâu tại vì khi cái xác chết rồi thì là xác chết, bạn thích ăn xác chết, thích biến bao tử của ta trở thành cái nghĩa địa thì cứ ăn, chẳng có sao đâu. Nhưng quan trọng ở đây là Đức Thế Tôn nói cái sự cảm thọ, ăn thì cái lưỡi thích thú, con mắt thích thú, rồi mùi vị thì cái mũi thích, vì mũi ngửi mùi xào nấu thích rồi lưỡi nếm thích thú thành thử cái đấy là cảm thọ. Vì cảm thọ thì lọt trong tâm thức của ta, chạy theo cảnh. Tự ta huân tập ta, cái đấy là nghiệp.

Cho nên Đức Phật mới nói ngài A Nan như thế này: *“Những người ăn thịt dù là khai ngộ tựa như Tam Ma Địa nhưng đều là giống La Sát, khi phước báu hết thì phải chìm trong biển khổ, không phải là đệ tử của Phật. Những người như thế giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau không thôi làm sao ra khỏi luân hồi.”*

Kiếp này bạn ăn cá, ăn thịt thì kiếp sau con cá, con bò, con heo đầu thai làm người, còn bạn đầu thai làm heo cho nó ăn để trả, công bằng nhân quả mà, làm sao chạy ra khỏi nhân quả. Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy ngài A Nan: *“Người dạy người đời tu Tam Ma Địa phải dứt trừ sát sanh, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch làm nghĩa quyết định thứ 2 của chư Phật. A Nan, nếu chẳng dùng giết hại mà tu thiền định thì cũng như có người bịt lỗ tai lớn tiếng kêu to mà mong người khác chẳng nghe, bọn này gọi là muốn giấu mà càng lộ, hạng Tỳ-kheo trong sạch và chư Bồ Tát đi trong đường tẻ còn không*

dẫn lên cỏ huống chi là nhỏ cỏ, làm sao người tu có lòng đại bi mà đi ăn thịt chúng sanh.” Dùng ăn thịt chúng sanh là để phát triển trưởng dưỡng tâm từ, tâm bi mà bây giờ đi ăn thịt chúng sanh chưa nói tới cái sự cảm thọ làm cho ta trôi trong sanh tử luân hồi mà lại thêm ân oán và tâm từ bi cũng không có. Thế thì chẳng được lợi lạc gì cả.

Đức Thế Tôn nói tiếp: *“Nếu Tỳ-kheo chẳng mặc tơ lụa, chẳng mang dày dép da cừ, chẳng ăn những tô lạc để hộ phục vụ bằng thân thể chúng sanh, thì Tỳ-kheo này nơi thế gian gọi là chơn giải thoát, khi nợ xưa trả sạch thì chẳng sanh vào tam giới”*. Vì sao, vì dùng những bộ phận thân thể chúng sanh để ăn mặc thì phải trả nợ cho chúng sanh.

Thí dụ bạn ưa thích đi dép da, rồi những cái bóp bằng da thật, thì bạn coi như là thiếu nợ chúng sanh. Có người thích mặc áo khoác bên ngoài bằng lông cừu, thì những cái ấy là tạo cho ta một cái chỗ huân tập để rồi sau khi chết ta đầu thai làm con cừu thôi. Tại vì ta ưa thích lông cừu mọc bên ngoài thì tới lúc chết lông cừu mọc ngay trên da của ta. Ta sẽ chiêu cảm cái nghiệp lực ấy mà trở thành con cừu. Đây cũng là một phép tu, từ lối ăn mặc đi đứng đều là phép tu. Thế thì bạn ăn như thế nào để được giải thoát, mặc như thế nào để được giải thoát, tự biết thôi. Hễ mượn thân thể của chúng sanh thì phải trả nợ cho chúng thôi, chẳng có gì khác đâu.

“A Nan, lại như chúng sanh, tâm chẳng trộm cắp thì chẳng theo vào vòng sanh tử tương tục”. Nếu mà tâm khởi lên trộm cắp, tức là tâm tham của người mà ta lấy dù không

được phép thì coi như là sanh tử. Tại sao thế, tại vì khỏi cái cảm thọ nói rằng cái ấy là có, và ta là có. Nếu quán chiếu rất rõ thì ngay chính bản thân của ta, tứ đại ngũ uẩn, tứ đại thì giai không, ngũ uẩn thì vô chủ, tức là cái thân này còn không có, thì lấy vật chất làm gì. Vật của ta chưa chắc ta đã giữ được, hà huống chi đi lấy thêm vật của người khác để đeo thêm cái nghiệp chướng làm chi. Cái thân này nhiều lúc người tu còn muốn vứt đi, nói có cái thân làm chi cho khổ, sanh lão bệnh tử, phiền não đủ thứ cho khổ. Hà huống chi đi lấy vật chất, vật ngoại vật của người khác nữa, để gây thêm ân oán, gây thêm nợ nần, gây thêm phiền não nữa thì có ích lợi gì đâu.

Cho nên Đức Thế Tôn mới nói: *“Người tu chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm trộm cắp chẳng trừ thì không thể ra khỏi. Dầu là có thiên định đi chẳng nữa mà không dứt được cái tâm trộm cắp thì lạc vào tà đạo, những cái hạng như thế thì thành tinh linh. Hạng giữa thì thành yêu mị, hạng dưới thì thành kẻ tà, mỗi mỗi đều có đồ chúng và tự xưng là đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp bọn tà ma kia sôi nổi thế gian, che dấu sự gian dối, tự xưng là thiện tri thức đã được thượng nhân, lừa gạt không biết bao nhiêu người mất bản tâm, gia tài bị tiêu tan.”*

Đức Thế Tôn trong mấy ngàn năm trước đã thấy trước. Bây giờ là có nhiều người họ cứ nói họ chứng đắc cái này chứng đắc cái kia, họ bảo người ta bán nhà bán cửa đi, ly dị vợ chồng đi để theo người ta. Cái loại ấy ở đâu mà ra, là do

cái loại mà Thế Tôn nói đó, nó cũng có tu, vào được thiên đĩnh, nhưng không dứt được tâm trộm cắp, cho nên khi đầu thai trở lại, nó sinh ra thành loại tà ma này.

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp: *“Ta dạy các Tỳ-kheo, tùy nghi khát thực, xả bỏ lòng tham mới thành đạo Bồ Đề.”* Cho nên nếu Tỳ-kheo thực sự, tức là khát sĩ, chỉ có một y một bát đi ăn xin mà thôi. Tại sao phải đi ăn xin. Thứ nhất để gieo duyên với chúng sanh, vì đạo Phật nếu không có duyên thì không độ chúng được. Thứ nhì xả bỏ hết các vật thực của ta và chỉ nhờ nơi chúng sanh cho nên tâm ngã mạn cũng không có, biết rằng ta sống là nhờ cơm gạo của chúng sanh, nhờ áo quần của chúng sanh, nên nói rằng không có cái gì của ta. Nhờ luôn luôn được nhắc nhở như thế tại vì hằng ngày đem bình bát đi xin, mà ngày nào cũng đi xin thì đương nhiên biết rằng thân này được nuôi dưỡng bằng các vật thực của chúng sanh của người khác, thân này đâu phải của ta đâu, cho nên sẽ không quý nó và cũng không khởi lên cái ngã mạn.

Phương pháp Đức Thế Tôn dạy rất vi diệu, Ngài dạy làm sao cho các Tỳ-kheo diệt trừ ngã mạn. Nhiều khi chúng ta cứ lầm lẫn, chúng ta kẹt ở chỗ ấy, nói các Tỳ-kheo là các thầy các cô tức là đứng trên, ăn trên ngồi trước, cái đó là tạo thêm, mở cửa địa ngục ra để chui vào. Tại vì ngay chỗ ấy là có chấp có ngã, có vị trí, ái nhiễm, mặc dù là thô là tế đều là ái nhiễm, và ở nơi ấy các vị Tỳ-kheo tự mở cửa địa ngục ra chui vào. Bởi thế cho nên trong kinh sách có một câu “ở nơi cửa địa ngục, có Tăng Ni đứng xếp hàng” lý do như thế đấy.

Đức Thế Tôn dạy: “*Đi khát thực để xả bỏ lòng tham, mà các Tỳ-kheo chẳng được tự nấu ăn, vì sao thế, tại vì nếu tự nấu ăn là còn coi thân ta là có, lo ăn lo uống chứ không lo tu. Huyền thân tạm gọi nơi tam giới thị hiện một đời sanh tử đi rồi chẳng về. Tại sao, bọn giặc mặc áo đạo Phật giả làm Tỳ-kheo buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp đều nói Phật Pháp.*” Làm đủ mọi kiểu, cứ nói là tu. Buôn bán hình tượng đủ các thứ, tạo cái nghiệp này nghiệp kia. Giả mạo đủ các thứ. Thực sự ra những người ấy đều có thần thông, cũng tu có thiền định nhưng chẳng qua là chưa dứt tâm tham. Chưa dứt tâm dâm, còn tâm sát cho nên cứ vương mắc vào những chỗ ấy.

“*Chẳng phải là người chính thức xuất gia, thọ giới Tỳ-kheo, do vậy khiến vô số chúng sanh mắc phải nghi lầm, đọa vào địa ngục A Tỳ, sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo phát tâm quyết định tu, ở trước hình tượng Phật đốt một lóng tay, hay đốt một liều trên thân, ta nói người ấy những nợ xưa từ vô thủy đều được dần dần trả hết, từ giã thế gian thoát hẳn phiền não. Dù chưa được ngộ đạo vô thượng nhưng đối với Phật Pháp đã có lòng tin quyết định, nếu chẳng làm cái nhân xả thân nhỏ mọn thì dẫu thành vô vi ắt sanh vào cõi người trả các nợ xưa mà như quả báo mã mạch cũng chẳng có sai khác.*”

Ta là chủ của nghiệp mà ta cũng là thừa tự của nghiệp. Chạy đâu cũng không khỏi, khi chết không mang theo vợ chồng con, không mang theo nhà cửa, không mang theo cha

mẹ hay bạn bè, nhưng cái nghiệp đi theo ta. Nó là người bạn thân nhất trong cuộc đời của chúng ta. Còn sống thì không thấy nó, mà chết là thấy ngay, đi theo như bóng với hình. Những gì chúng ta đã làm, có tác ý hay không tác ý, nhân quả như thế nào là nó theo hết. Oán hờn ghét thương vì té hay thô cũng theo hết, không bỏ xiu nào, nghiệp thì chẳng rớt xiu nào. Cho nên muốn an lập được Đạo Tràn cho người ta thanh tịnh mà tu, thì phải có những điều kiện như thế. Phải dứt được tâm Tham, tâm Sân, tâm Si tâm Sát. Nếu còn sát đạo dâm, thì chẳng trong sạch. Giống như con ma ái kiến, lạc mất giống Phật.

Đức Thế Tôn cũng dạy về ngữ, mà ở trong kinh thì gọi là đại vọng ngữ, tức là nói lời không chân thật. Có nghĩa là ở trong trực tâm thì nói. Còn đại vọng ngữ thì giống như là ta không có mà nói có. Tại sao chuyện đại vọng ngữ lại quan trọng như thế, nếu người ta không có hay có mà nói thì ăn thua gì? Thực sự ra cái ẩn dụ là như thế này: tại vì khi bạn nói đại vọng ngữ là bạn đã khởi lên cái chấp. Từ đấy sinh ra cái vọng ngữ, còn không chấp cái ngã thì làm gì có vọng ngữ. Nếu nói ta là cục đất, ta là cái đồng rác, ta là cái nhỏ nhất trong thế gian này, không ai nhỏ hơn ta không ai thấp hơn ta giống trong kinh Pháp Hoa có Phẩm Thường Bất Khinh, có ngài Bồ Tát Thường Bất Khinh luôn nói: “*Con không dám khinh thường quý Ngài, quý Ngài rồi sẽ thành Phật*”. Nếu chúng ta tu học mà phát được tâm như thế, tức là nhìn thấy tất cả mọi chúng sanh đều sẽ thành Phật thì làm

gì chúng ta còn khởi niệm vọng ngữ nữa. Vọng ngữ từ do cái tâm chấp, từ do ái ngã, từ nơi ấy mà sinh ra.

Cho nên Đức Thế Tôn nói: “*Chẳng dứt Đại vọng ngữ, chẳng khác nào người khắc cái hình cây chiên đàn, muốn được mùi thơm thì cũng chẳng có chỗ đúng. Ta dạy Tỳ-kheo trực tâm là đạo tràng, tất cả các hạnh nơi tứ oai nghi chẳng còn giả dối, làm sao lại tự xưng là được pháp Thượng Nhân. Ví như người nghèo vọng xưng là vua thì chỉ có cầu cái tội bị chém mà thôi. Cần phải biết nhân địa chẳng chơn, thì là quanh co. Con đường tu học mà nếu không ngay thẳng, không có nơi trực tâm mà ra thì nó chiêu cảm cái quanh co mà thôi. Mà nếu như thế mà cầu đạo Bồ Đề tức là người tự ta muốn cắn cái rắn ta, không bao giờ cắn được. Nếu các Tỳ-Kheo, tâm ngay thẳng như dây đàn, tất cả đều chơn thật thì vào Tam Ma Địa, không kẹt nơi ma sự thì nay ta ấn chứng cho người thành Vô Thượng Tri Giác.”*

Cho nên chuyện an lập đạo tràng không phải tạo ra một cái chùa hay tạo ra một cái chỗ có người tụng kinh mà nơi ấy gọi là Đạo Tràng. Cũng không phải là tập hợp một nhóm người rồi tụng kinh hay chia sẻ Phật Pháp rồi nói ấy là Đạo Tràng. Cái quan trọng vẫn là phải có cái trực tâm, cái quan trọng hơn nữa cũng phải nghe lời Đức Phật buông bỏ: không sát, không dâm, không đạo, không vọng ngữ. Bốn cái chính thì may ra mới có thể nói ở vào cái chỗ ấy gọi là đạo tràng. Cũng không ý lại nói ta ngồi thiền là thấy cái này thấy cái kia mà là đạo tràng. Thiền mà không bỏ được tâm sát-đạo-

dâm thì nhóm ấy có thần thông, cũng quy tụ đồ chúng, cũng đưa ra những pháp hấp dẫn, tức là theo thầy 5 phút được chứng đắc. Đức Thế Tôn nói những chuyện ấy là ma sự.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP:

Câu hỏi: Gần đây con cũng tu tập hơi thở. Con nghĩ trong đạo tràng ai cũng tu thiền chắc giỏi hơn con nhiều cho nên con mới học hỏi và con nghĩ có lợi lạc và có nhiều huynh đệ cùng hay nhắc nhở lẫn nhau bởi vì sự huân tập, tập thở cũng chỉ mới bắt đầu thôi thì thường xuyên hay quên nhưng cũng được huynh đệ thường xuyên nhắc nhở. Thầy chỉ dạy là hít thở vào và biết thở vào, thở ra biết thở ra. Thở vào ngắn biết thở vào ngắn. Thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Thở vào hơi thở dài thì biết hơi thở dài, hơi thở ra dài thì biết hơi thở ra dài, đi đứng nằm ngồi biết ta làm gì, từng bước đi, ngồi biết đang làm gì thì chỉ có bấy nhiêu thôi. Con nghĩ đó là sống chánh niệm. Con thì thường thường cũng hay quên. Lúc thì nhớ con trở lại chánh niệm, hít vào hơi thở. Thầy có dạy nhiều khi con nghe thì con nhớ sao con nói vậy. Thầy cũng có giảng là bởi vì chúng ta hít thở những hơi thở đó thì lúc hít vào thì Oxygen vào cái bộ não của ta thì rất là an lạc và trí tuệ phát sinh. Bởi vì trí óc của ta cần rất nhiều oxygen cho tinh thần ta rất minh mẫn cho nên rất lợi lạc cho sự tu học. Không nên suy nghĩ nhiều những chuyện khác, những chuyện đời, chuyện này chuyện kia chuyện nọ. Thật sự ra tu hành là ta sẽ bỏ hết tất cả nghĩa là ta xả bỏ để cho tâm trống rỗng và an

lạc. Bởi vì những thứ đó là những việc của thế gian không nên đem vào trong tâm. Phật cũng hay thường dạy phải giữ cho tâm ý được thanh tịnh bằng cách quán hơi thở và biết rõ đang làm cái gì, đi đứng nằm ngồi đều như vậy.

Trả lời: Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Lành thay, lành thay! Cái bộ não của chúng ta rất là quan trọng, tại vì bộ não kiểm soát và tác động trên tất cả các hoạt động của cơ thể con người. Thế thì bộ não cũng như các sinh vật khác, cần thức ăn của nó để tự sinh tồn và phát triển. Thức ăn của nó chính là Oxy. Khi chúng ta suy nghĩ là chúng ta tiêu hao năng lượng, thế thì oxy là từ nơi không khí và từ nơi nước. Oxy từ không khí là sao? Chúng ta hít vào là cái hơi oxy vào trong phổi, biến cái máu đen thành máu đỏ, tức là đem oxy đi vào với chất sắt ở trong máu, đưa lên não, thì não có oxy, tức là năng lượng để nuôi cái não được sinh hoạt. Khi chúng ta nói là chúng ta suy nghĩ. Khi chúng ta suy nghĩ là chúng ta đã tiêu thụ năng lượng cho nên mất năng lượng. Cho nên bạn cần thở thật sâu, hít thật sâu để đem oxy vào để đem lên nuôi não. Nhiều khi phải ra sống với thiên nhiên bên ngoài để hít cái không khí trong lành hơn. Không nên ở trong phòng lạnh nhiều, vì trong phòng lạnh cũng không đầy đủ oxy, và hại cái não. Thứ nhì là bạn nên uống nước nhiều, tại vì khi bạn suy nghĩ làm việc nhiều thì cái não đòi hỏi phải có oxy để nuôi cái não cho nó vận hành. Suy nghĩ nhiều thì vận hành nhiều thì tiêu hao năng lượng nhiều, ở trong nước có oxy (H₂O) cho nên bạn phải uống nước nhiều. Khi bạn

suy nghĩ nhiều thì phải uống nước nhiều. Các bác sĩ đều khuyên một ngày phải uống 2 lít nước, nước trắng, thì sẽ đầy đủ để nuôi cái não, nếu uống nhiều hơn cũng được, không sao đâu. Thí dụ bạn suy nghĩ nhiều, bạn làm việc cái bộ não cần oxy nhiều. Cũng như thế cho nên những người ngồi bàn giấy hay làm việc suy nghĩ nhiều thì bác sĩ đều khuyên tập thể dục, ra ngoài công viên hay đi bộ nhiều. Thứ nhất là để thư giãn cơ thể, hai là hít thở oxy sẽ rất là có lợi lạc. Nó phải như thế thì thân tâm, cái tâm gá theo cái thân thì mới có. Thân đau đớn thì tâm cũng phiền não.

Trở lại bài học ngày hôm nay, thì rất là đơn giản, nhưng thật sự là nó rất khó, tại vì nếu bạn tu pháp môn nào, niệm Phật hay ngồi thiền đi chẳng nữa mà nếu bạn không giữ được cái giới thì sẽ không có định. 4 cái giới chánh: Đạo, Sát, Dâm, Vọng phải giữ, thì bạn mới có thể có định. Cái định ấy từ trong cái chỗ thanh tịnh. Giới là nhiếp tâm, nhiếp tâm thì gọi là giới, chứ không phải là ngăn cấm. Nếu bạn ức chế tâm, thì bạn sẽ không được lợi lạc. Và ức chế tâm đưa tới tình trạng là cái tâm bị cưỡng bách, bị cô đọng thì cũng không đưa tới cái chỗ giải phóng, cho nên sẽ không đưa tới chỗ giải thoát. Thiền định nếu đạt được mà không giữ được những cái giới như sát, đạo, dâm, vọng thì có hậu quả, trở thành ra ma. Cho nên mặc dầu nói là làm việc Phật, nhưng thật sự ra là ma sự, là chỗ này đây. Người tu cũng thế, nếu mà không rõ ràng thì đi lạc vào trong ma sự.

Bạn tu hành thì nhớ giữ giới. Hành trì ta cố gắng giữ giới, ngồi thiền, rồi ta tụng kinh, cái thứ gì mà ta ưa thích làm được thì cứ làm, không mất đi đâu mà sợ. Đức Thế Tôn, các chư Phật cũng có dạy, người nào siêng năng tụng kinh thì kiếp sau, thế nào cũng được trí tuệ. Cho nên cũng không có mất đâu, tâm ta được thanh tịnh an lạc ngay trong hiện tiền này đã vãng sanh Cực Lạc chứ không phải đợi tới chết mới vãng sanh vào Cực Lạc.

Câu hỏi: Khi bớt phiền não thì trí tuệ có phát sanh không?

Trả lời: Chúng ta đã học rồi, thực tướng của các pháp, phiền não là cái gì, có phải tự nó có phiền não không, phiền não ở chỗ nào sanh ra? Phiền não là duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyễn, tức là không có thực. Thí dụ như họ chửi ta 1 câu, ta khởi lên phiền não. Chồng cạy cối ta thì ta khởi lên phiền não, thế thì là phiền não do cái lỗ tai nghe, cái bị cạy cối đi ngược lại với cái phạm trù bình thường ở trong tâm trí của ta, cho nên ta mới khởi lên phiền não. Vì ta chấp, chấp có cái ngã, nên ai đụng tới cái ngã thì phiền não. Nếu không chấp thì đâu có gì.

Câu hỏi: Sự khác biệt giữa trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu.

Trả lời: Hễ nói trí tuệ thì là trí tuệ thôi, chẳng qua là phương tiện nói là trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu. Chứ thật sự ra, ngay cả trí tuệ còn không có. Tá danh để mà gọi vậy thôi, cái biết ấy do gì? Cái biết có tự không? Ví dụ như con mắt, con mắt nhìn, thì cái tánh thấy nằm ở chỗ nào. Nhưng nếu không

thấy được cái tánh thấy thì làm sao gọi là kiến tánh. Thế thì trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu là danh từ nói sự phân biệt ra, để cho người ta nương theo đó để mà biết, giống như kinh điển của Đức Thế Tôn, thì ngài cũng nói Pháp của ta giống như ngón tay và cái bè, tay để chỉ cho thấy mặt trăng, kẻ nào chấp ngón tay là mặt trăng thì kẻ ấy là kẹt, kẹt chấp. Cho nên nói là có trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu chẳng qua phân biệt để cho biết mà thôi.

Bước đầu thì căn cứ nơi cái ấy mà biết, khi đã nắm được cái khâu quyết của nó rồi cái gì là duyên sanh thì đều là như huyễn. Bây giờ nói tới cái gọi là trí tuệ thì cái đấy là cái gì? Nếu nói rằng do cái học hỏi hay là do cái nghiên cứu thì là do duyên, mà hễ cái nào do duyên sanh thì như huyễn, cho nên cái trí tuệ mà có nghiên cứu, có tham thiền, có gì đấy thì cũng là phương tiện. Mà hễ là phương tiện thì đều là như huyễn. Nói chung lại thì trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu thực tánh của nó đều bình đẳng nhưng tại vì khởi tâm phân biệt lên cho nên mới có cái gọi là hữu lậu vô lậu. Chứ cái hữu lậu vô lậu nếu có thì cũng là duyên sanh. Mà hễ là duyên sanh thì đều là như huyễn. Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng ở trong kinh Kim Cang đều nói như thế, cái gì có hình tướng đều là giả, đều là không thực, cho nên cái mà gọi là hữu lậu vô lậu chẳng qua phân biệt theo thế gian để người ta dễ hiểu dễ tu.

Chính ở ngay phiền não mới có trí tuệ. Bồ đề là trí tuệ. Thế thì ngay trong cốt lõi của vấn đề thì nó đã là như thế rồi.

Phiền não tức là trí tuệ, không có phiền não thì làm sao có kinh nghiệm, có trí tuệ được. Ở trong kinh Duy Ma Cật thì ngài Duy Ma Cật đã nói rất rõ: “*Không rời phiền não mà vào Niết-Bàn*”.

Tại vì thực tướng của phiền não là không có, do duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyễn. Cái trí tuệ ấy là không có thực. Nó có cái tên là trí tuệ, tá danh thôi, chứ nếu có cái tướng gọi là trí tuệ thì cái tướng ấy cũng là hư vọng. Trong kinh Kim Cang đã nói rõ: *Phàm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng*. Cái gì có hình tướng đều là giả giới, đều là không thật. Cho nên nếu khởi tâm chấp thì có trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu, mà nếu không khởi tâm chấp thì tùy duyên, hiểu rõ được tự tánh của các pháp, thì ngay lúc ấy là phiền não không có nữa. Một niệm không sanh. Cái chỗ mà một niệm không sanh vắng bật hết thì đương nhiên trí tuệ phát sinh thôi.

Trong kinh Nikaya nói rất rõ: “*Nếu như mà một niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh, chư Phật cũng từ nơi ấy sinh ra trưởng dưỡng và thành tựu*”. Một niệm không sanh thì là gì? Ở nơi ấy bản thể thanh tịnh, có nghĩa là bỏ lai diện mục, cái phật tánh hay là cái chơn không thường trụ hay là chơn như tam muội, muốn gọi tên gì thì gọi, nhưng đại khái là tấm gương, soi rất rõ nhận thức được các sự việc hay các vật chất ở bên ngoài một cách nhanh chóng mà không khởi tâm phân biệt. Thì gọi là cái bản thể là như thế. Nhưng thường thường con người ta đều chạy theo cái thức. Tức là khi nhìn lên một cái vật gì là tự nhiên khởi lên tâm chạy theo liền. Khi nghe

âm thanh mà chỉ nghe âm thanh thôi thì cái ấy là trí tuệ bản thể chân như, nhưng nếu khởi lên cái tâm “ông ấy nói cái gì, biết nói đúng hay nói sai, nói hay hay nói dở tức cái niệm thứ 3 thứ 4 thứ 5 thứ 6 lập tức nhảy ra. Và chúng ta thường sống trong những cái gọi là tướng tri. Chúng ta nghĩ là chúng ta biết nhưng thật sự ra là do cái tướng tượng để mà biết thì cái ấy Phật gọi là tướng tri. Do cái thức va chạm căn trần cho nên mới sanh ra cái thức. Thì cái thức ấy nếu nói rằng cái thức ấy là cái biết đúng, nếu nói rằng cái thức ấy là giả thì cũng đúng luôn, tại vì do duyên, do căn trần mới có cái thức. Nhưng nếu nói rằng nó là trí tuệ thì cũng đúng vì cái biết ấy có cái biết. Cho nên chữ trí tuệ hữu lậu, trí tuệ vô lậu là để phân biệt nói thể thôi, chấp vào cái chỗ ấy thì chúng ta sẽ kẹt.

Câu hỏi: Trí tuệ lại khó kiếm và cao siêu nên chưa nhận được trí tuệ sẵn có phải không?

Trả lời: Nếu mà còn nói ra được cái trí tuệ đó có sẵn thì nó nằm ở chỗ nào? Chỉ cho chúng tôi xem. Cho nên con đường tu phải có công phu. Chúng tôi ví như thế này bạn thấy rõ ngay. Nếu nói rằng chúng sanh và Phật đều có Phật tánh là đúng. Mà nếu nói Phật tánh nơi chúng sanh và Phật tánh nơi Phật giống nhau cùng là một là sai, tại sao thế, tại vì cái gọi là trí tuệ, cái gọi là tánh giác nơi Phật là vàng ròng, đã được tôi luyện, còn cái Phật tánh nơi chúng ta là vàng trong quặng, còn dính các tạp chất như đất đá các thứ. Chưa qua các công thức luyện để thành ra vàng thỏi. Phải dùng điện, dùng nước,

phải xay, dùng hóa chất lọc để ra vàng nguyên chất, rồi nấu vàng nguyên chất đó lại mới ra vàng thỏi. Từ vàng thỏi ấy, thợ kim hoàn mới chế thành đồ nữ trang thì có nghĩa là dụng, là sử dụng cái chơn tâm thành ra cái diệu tâm. Mà nếu chúng ta chưa thấy cái chơn tâm thì còn là vàng quặng, ở trong đất đá dính đầy tạp chất, chúng ta vẫn có trí tuệ, có Phật tánh, nhưng nằm ở trong các tạp chất, đầy đủ hết tham, sân, si gọi là tạp khí, trộn lẫn trong cái trí tuệ ấy, giống như lu nước trộn bùn bị đục, nên bạn phải để cho lu nước lâu ngày lắng xuống, lắng hết bụi rồi thì bên trên nước mới trong. Cái tánh giác của chúng ta cũng thế, ai cũng có, như trong kinh Pháp Hoa. Nhưng chúng ta là vàng trong quặng dính đầy tạp chất, phải luyện. Tu là như thế, luyện cái vàng quặng thành ra vàng nguyên chất. Nên ta phải công phu không thể nói ta có Phật tánh đây trí tuệ đây rồi tự nhiên thành, 5 phút là giác ngộ.

Câu hỏi: Thưa Thầy con đọc quyển Pháp Bảo Đàn Kinh, thì có một đoạn Thiền sư Huyền Giác đến lễ của Lục Tổ, Thiền sư Huyền Giác nói về chuyện sanh tử, Lục Tổ có nói là phải nhận ra cái lý vô sanh, hiểu được cái điều gọi là không mau chóng, thì Thiền sư có nói “Thể tức vô sanh, hiểu vốn là không mau chóng”. Thầy có thể giảng sâu cho con về cái này, con hiểu lờ mờ.

Trả lời: Nếu mà hiểu rõ được các pháp đều duyên sanh, và các pháp cũng không phải duyên sanh, không phải tự nhiên có nghĩa là đều tá danh để nói như thế mà thôi. Nói rằng vạn pháp do duyên sanh thì nghĩa là ngài Tỳ-Kheo Mã Tịnh đã

nói với ngài Xá Lợi Phất, và ngài Xá Lợi Phất khi nghe được 4 câu ấy lập tức chứng quả Tư Đà Hoàn. *Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt.*

Vào thời Đức Thế Tôn, các Bà La Môn đều chấp rằng có Thượng Đế, và Thượng Đế sanh ra vũ trụ, tức là Thượng Đế quyết định sự sanh diệt của vũ trụ và con người. Để đả phá luận thuyết ấy, và nói rõ cho mọi người cái thực tướng của các pháp cho nên Thế Tôn mới đưa ra cái thuyết duyên sanh, có nghĩa là vạn pháp do duyên sanh, không phải là có Thượng Đế tạo ra cái vật ấy đâu, mà chẳng qua do duyên sanh mà thôi. Nhân duyên có Bà La Môn làm lũng đoạn tất cả mọi người vào thời ấy, dùng cái thần quyền để làm lợi lạc như thế là điên đảo. Cho nên Đức Thế Tôn đưa ra cái thuyết duyên sanh để phá cái chấp vào thuyết Tự Nhiên Sáng Tạo gọi là có Thượng Đế.

Thế thì cái thuyết duyên sinh có thực hay không? Nếu chúng ta nói rằng Thuyết duyên sinh là có thực thì chúng ta bị rớt vào cái chấp. Ngài Phạm Chí Trường Trảo đến gặp Đức Thế Tôn mới hỏi như thế này: “*Này Cồ Đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*” Thế Tôn nghe ông này nói vậy thì biết ngay ông này còn vướng mắc vào cái pháp gọi là **Pháp Không Thọ**, cho nên mới hỏi lại là: “*Nhưng mà kẻ ấy có thọ cái kiến chấp là ta không thọ các pháp hay không?*” tức là nếu ta nói là ta không thọ các pháp nhưng ta lại thọ cái kiến chấp là ta không thọ các pháp, thì ấy là ta đang chấp, có một cái pháp mà tên nó là Không Thọ, có nghĩa là cái pháp ấy là

hữu vi, cái pháp ấy cũng là duyên sanh. Đức Thế Tôn rất là từ bi, ngài khai thị cho ông Phạm Chí Trường Trảo. Ông Phạm Chí Trường Trảo lại hỏi lại ngay lập tức: “*Bạch ngài, nếu như kẻ ấy cũng không thọ cái kiến chấp là ta không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*” Đức Phật nói: “*Nếu như thế thì ta và người bằng nhau, bình đẳng. Hà có gì mà lại đây cống cao ngã mạn*”. Đến đây ông ngã mạn là vì ông chấp là ông có cái ngã, tức là ông chấp là có cái pháp, mà cái pháp ấy gọi là pháp không thọ. Ngài Xá Lợi Phất đứng đằng sau lưng Đức Thế Tôn, nghe câu đối thoại như vậy lập tức chứng A La Hán.

Tại vì nếu còn chấp vào kiến chấp là cũng còn kẹt. Nói là không thọ các pháp nhưng lại thọ cái kiến chấp là không thọ các pháp thì ấy cũng là có. Từ cái không cái có mà nếu không khéo là lọt vào cái chỗ này đây. Bởi thế cho nên khi ngài Huyền Giác đến gặp Lục Tổ Huệ Năng để hỏi chuyện sanh tử. Thế thì tại sao nói rằng sanh tử là hệ trọng, cho nên không đánh lể. Thì tổ mới rầy, tổ nói là: *tại sao không hiểu được cái lý vô sanh*, tại vì vạn pháp là không có thực, thực tướng như thế thì làm gì có sanh có diệt, chẳng qua là tá danh để nói mà thôi. Thuyết duyên sanh chẳng qua tại vì máy ông Bà La Môn chấp là có cái pháp gọi là Thượng Đế tạo ra muôn loài vạn vật, tức là có một sự ấn định, một sự gọi là tự nhiên sáng tạo cho nên Đức Thế Tôn đưa ra cái thuyết duyên sanh để đả phá lại cái thuyết ấy mà thôi. Tức là phương tiện để chỉ rõ cho người ta để người ta nhìn thấy cái tâm chỗ nào

chứ không phải là vương mắc theo cái thuyết duyên sanh. Nếu nói cái lý duyên sanh ấy là có thực, và cái lý duyên sanh ấy là chơn lý thì e rằng chúng ta đã lầm lạc.

Ngài đã nói là tất cả chỉ là phương tiện, cho nên 45 năm hoằng pháp rồi ngài mới nói: “*Ta có nói gì đâu*”. Chẳng qua là phương tiện để chỉ cho rõ cái tánh mà thôi. Trong Tứ Diệu Đế, ngài giảng cho 5 anh em Kiều Trần Như thì ngài giảng là Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Khổ như thế này, sanh lão bệnh tử, cầu bất đắc khổ, này kia đại khái như thế, rồi tập - rồi diệt- rồi đạo.

Tức là tùy theo căn cơ chúng sanh mà nói, chứ không phải cái nào cũng nói giống y như nhau. Nếu chúng ta chấp rằng cái Tứ Diệu Đế là như thế, nguyên tắc là như thế thì lỗi tại chúng ta. Đức Thế Tôn đã dạy, kẻ nào tin ta mà không hiểu ta, là phỉ báng ta. Cho nên phải tùy theo căn cơ, tùy theo cái môi trường, tùy theo cái thời gian để mà chúng ta tìm hiểu coi trong cái lúc ấy Thế Tôn muốn nói cái gì. Và cái mục đích chính là để làm gì?

Cho nên nói gì cũng chẳng qua là phương tiện, ngón tay thôi chứ đâu phải là chân lý. Nhưng bạn rồi ngón tay thì bạn không thấy được mặt trăng. Mà nếu như bây giờ bạn thấy đi ra ngoài bờ hồ bạn nhìn dưới hồ thấy có bóng mặt trăng. Rồi trên trời có cái mặt trăng. Thường thường ta ở trong Kinh Phật có nói mặt trăng ở trên trời là mặt trăng số 1, mặt trăng ở dưới nước là mặt trăng số 2. Thế thì bây giờ nếu mà ra ngoài nói số 1 số 2 là nói cái phương tiện để dẫn dắt nhau

thôi để nhìn cho thấy cái mặt trăng trên trời thôi. Nương theo cái bóng mặt trăng ở dưới nước để nhìn lên, thấy mặt trăng trên trời chứ không có phải là nói mặt trăng số 1 số 2 là phân biệt đâu.

Cho nên cũng như bạn nói Niết-Bàn, Ta-Bà, ngay cả như chúng tôi trình bày với bạn tâm Tham, Sân, Si cũng đâu có phải tự nhiên mà có. Bây giờ nói tâm dâm, tự nhiên dâm hay sao? Phải thấy cái gì rồi cái thức mới vận động thì mới gọi là tâm dâm. Nhưng mà ngược lại ở trong kinh Nikaya thì Đức Thế Tôn nói với ngài A Nan ngay cả đũa con nít mới sanh ra đã có dâm. Tại sao thế? Vì từ nơi tinh cha huyết mẹ cho nên cái dâm đó đã có rồi, mới sanh ra đã có dâm rồi. Nhưng tại sao không biết, tại vì chưa có đủ duyên cho nên chưa có nảy ra thôi. Cái thể không có sanh, mà tại vì ông Huyền Giác ông chấp cho nên Lục Tổ mới nói là cái thể không sanh. Chứ cái thể không sanh hay diệt nó không có quan hệ.

Ngài Thần Tú viết bốn câu thơ nói:

*Thân giống như gương đài
Tâm như cây bồ đề
Thường thường được lau chùi
Thì lúc nào cũng được sáng*

Tức là còn chấp. Chấp rằng có cái tâm, có cái thân, có cái bụi bám cho nên cần phải lau chùi. Mà vì ngài Thần Tú nói thể cho nên Lục Tổ Huệ Năng lúc bấy giờ đang giả gạo mà

nghe như thế mới viết lên mấy câu kệ đối lại: “*Tâm cũng không có, thân cũng không có, bụi trần thì từ xưa tới nay không có một vật thì bụi trần lấy gì mà bám*”. Tức là nói cho rõ, đối lại cái ý chấp có của ngài Thần Tú cho nên mới nói 4 câu ấy. Còn nếu lấy 4 câu ấy ra chỉ để học không thì e rằng đi lạc đường, tại vì 4 câu ấy phải nương theo 4 câu của ngài Thần Tú mới có ý nghĩa. Tức là tất cả chỉ là phương tiện. Thế thì ngài Huệ Năng đã nói là tâm không có, thân không có, bụi trần từ xưa tới nay cũng không có luôn thì lấy gì mà bám.

Nhưng khi ngài Ngọa Long làm mấy câu thơ gửi cho Tổ hỏi ý Tổ thì nói: “*Ngọa Long có tài khéo, nhất niệm không sanh, bỏ để thường tâm trụ*” tức là nói rằng Ngọa Long có tài khéo, đã đi vào thiền định, một niệm cũng không sanh, thì ngài Huệ Năng biết ngay là ông này bị cái bệnh chấp không cho nên mới đưa lại 4 câu khác để đối “*Huệ Năng không tài khéo, một niệm vẫn thường sanh,*” một niệm vẫn sanh, sanh sanh diệt diệt thì mặc kệ, nhưng ngài luôn luôn quán chiếu ngài biết khi nào nó sanh khi nào diệt chứ ngài không cưỡng chế cái tâm. Nếu ức chế cái tâm thì đấy là ma đạo. Giống như Tiên Trần Thanh Tịnh lấy đá mà đè cỏ thôi chứ cỏ vẫn mọc, chẳng ích lợi gì hết. Cho nên ông Ngọa Long nói Ngọa Long có tài khéo, nhất niệm không sanh, dứt bật trong tư tưởng. Thì ngài Huệ Năng lại nói là Huệ Năng không tài khéo, tâm sanh thì cứ sanh, chẳng quan tâm thì Bồ Đề cũng không có.

Tại sao lúc đầu nói với ngài Thần Tú thì lại nói rằng tâm không có thân không có, ngũ trần không có thì lấy gì mà lau chùi. Rồi bây giờ đối với ngài Ngọa Long thì có đây, cái gì cũng có hết. Tại vì khi con người đã chứng đắc hiểu rõ thực tướng của các Pháp rồi thì đi đứng nằm ngồi từng sát-na đều quán chiếu đều biết thực tướng của các Pháp, kể cả trong tâm của ta khi khởi lên một niệm cũng biết nó vừa mới sanh. Thấy rất rõ rồi có gì đâu mà vướng mắc, thì đó là giải thoát thôi. Hễ khi mà nó sanh thì kệ nó sanh nhưng mà biết là nó sanh, nó vừa mới khởi lên biết là tâm tham vừa mới khởi lên thì tự nhiên nó biến mất. Còn nếu mà không biết thì ấy là kẹt. Mà nếu chấp theo văn tự là kẹt, cho nên khi ông Ngọa Long nói Ngọa Long có tài khéo, dứt bật trong tư tưởng, một niệm cũng không sanh. Thì ngài Huệ Năng mới đối liền. Huệ Năng không tài khéo. Ông kia nói một niệm cũng không sanh, Huệ Năng nói sanh thì mặc kệ nó, có sao đâu. Cho nên tất cả chỉ là phương tiện, kinh điển của Đức Thế Tôn chỉ là phương tiện mà thôi.

Phật Pháp là phương tiện, dẫn chúng ta tới chân lý. Chân lý bất nhị, chân lý không có hai. Mà các đạo nào cũng thế, chỉ là phương tiện dẫn con người ta tới chân lý. Chân lý là gì, là cái vận pháp hoạt động theo quy luật tự nhiên của nó, chẳng có ai can dự được. Giống như trong Đạo Đức Kinh, lão Tử có nói “trời có nói gì đâu, đất có nói gì đâu, mùa xuân hoa nở ấm áp, mùa đông thì lạnh lẽo hoa tàn, trời không nói một tiếng, đất không nói một tiếng, mà cứ thế vận hành. Người

nào, hành giả nào nhìn thấy rõ thực tướng của các pháp vận chuyển như thế thì người ấy là thông dong tự tại.

Tại vì biết thế thì không vướng mắc, không khởi phiền não. Biết rằng người đàn bà con gái thì thường chấp nhất thì biết như thế mà lấy vợ làm chi, vợ cần nhằn thì ráng mà chịu, tại bản chất của người đàn bà đều như thế. Khi mà phụ nữ đi tới xin Đức Từ Phụ lập Ni đoàn thì Ngài biết trước mà, cho nên ngài mới lập ra Bát Kinh Pháp, Đức Từ Phụ Ngài thấy rất rõ sự sai biệt của người nam người nữ, mà ngài cũng thấy rằng Ni đoàn nếu không có Tăng đoàn thì cũng không thể nào phát triển được cho nên Ngài đặt ra Bát Kinh Pháp với mục đích là để làm sao trong Tăng đoàn, Ni lẫn Tăng đều được thù thắng, đều được giải thoát, đều được pháp triển.

Nhưng nếu người ta ngã mạn, người ta nói buông bỏ cái Bát Kinh Pháp đi thì chẳng sao hết, tại vì Bát Kinh Pháp, chẳng ăn thua cái gì hết. Cái tâm mới là quan trọng. Nhưng “Không có bè thì làm sao đi qua sông” Đức Thế Tôn chế giới luật là Ngài đã biết cái tâm tánh của người phụ nữ là như thế, chấp cứng, thành thử ra Đức Thế Tôn đưa ra cái ấy để giải trừ đi những cái vướng mắc của cái người như thế mà thôi. Chứ trong kinh Pháp Hoa thì nói rõ Long Nữ ấy, phương tiện tùy bệnh cho thuốc nhưng nếu không uống thuốc thì không hết bệnh. Tất cả đều là phương tiện, chấp vào văn tự chữ nghĩa là kẹt. Ở trong kinh Duy Ma Cật nói rõ rồi, phiền não không 2, pháp không 2, Niết-Bàn phiền não không có, cho nên nói trí tuệ cũng không có. Trí tuệ ở đâu? nếu nói có cái trí tuệ thì

cái ấy phải nói được, phải thấy được, cái nào mà nói được
thấy được là nghĩa là sao? Có nghĩa là Phàm sở hữu tướng,
Giai thị hư vọng, kinh Kim Cang nói rất rõ như thế.



LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 3 DIỆU TÂM ĐẠO TRÀNG, CHÂN TÂM BIẾN HIỆN



TUỆ TÂM THIÊN THƯ QUÁN

Website: www.tuetam.info

Facebook: Tuệ Tâm Thiên Thư Quán

Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com

Lotus Wisdom Publishing Co. 2023